



BỘ CÔNG AN
CÔNG AN TỈNH CÀ MAU

BÀI DỰ THI

Tìm Hiểu Luật Dữ Liệu
TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

NHÓM TÁC GIẢ DỰ THI
“CHIẾN SĨ XANH”

CÀ MAU 2025



BỘ CÔNG AN
CÔNG AN TỈNH CÀ MAU

BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

NHÓM TÁC GIẢ DỰ THI “CHIẾN SĨ XANH”



Trung úy Hồng An Xuyên

Ngày, tháng, năm sinh: 27/6/2001
Giới tính: Nam
Chức vụ: Cán bộ
Đơn vị: Phòng Tham mưu, Công an tỉnh Cà Mau
Số điện thoại: 0981.082.987



Trung tá Ngô Như Phúc

Ngày, tháng, năm sinh: 25/6/1980
Giới tính: Nữ
Chức vụ: Phó Đội trưởng
Đơn vị: Phòng Tham mưu, Công an tỉnh Cà Mau
Số điện thoại: 0916.233.855.



Trung tá Huỳnh Nhật Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 14/7/1986
Giới tính: Nam
Chức vụ: Phó Trưởng Công an
Đơn vị: Công an xã Đá Bạc, Công an tỉnh Cà Mau
Số điện thoại: 0913.773.876.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

MỤC LỤC

LUẬT DỮ LIỆU	2
NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH VỀ QUỸ PHÁT TRIỂN DỮ LIỆU QUỐC GIA.....	35
NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT DỮ LIỆU	81
PHỤ LỤC DANH MỤC HỒ SƠ VÀ BIỂU MẪU.....	123
PHỤ LỤC I NHIỆM VỤ CỦA CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG TRONG TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN TRUNG TÂM DỮ LIỆU QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 1 (2023 - 2025).....	198
PHỤ LỤC II MỘT SỐ NỘI DUNG TRỌNG TÂM LIÊN QUAN ĐẾN XÂY DỰNG VÀ TRIỂN KHAI HỆ THỐNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TẠI TRUNG TÂM DỮ LIỆU QUỐC GIA	207
PHỤ LỤC III VỊ TRÍ PHÁP LÝ, CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ CỦA TRUNG TÂM DỮ LIỆU QUỐC GIA	214
QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI THI HÀNH LUẬT DỮ LIỆU	222
KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI THI HÀNH LUẬT DỮ LIỆU	224
QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH DANH MỤC DỮ LIỆU QUAN TRỌNG, DỮ LIỆU CỐT LÕI.....	233
PHỤ LỤC DANH MỤC DỮ LIỆU QUAN TRỌNG, DỮ LIỆU CỐT LÕI	236



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

QUỐC HỘI

Luật số: 60/2024/QH15

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 30 tháng 11 năm 2024

LUẬT DỮ LIỆU

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
Quốc hội ban hành Luật Dữ liệu.*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về dữ liệu số; xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý, sử dụng dữ liệu số; Trung tâm dữ liệu quốc gia; Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia; sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu số; quản lý nhà nước về dữ liệu số; quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động về dữ liệu số.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam.
2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài trực tiếp tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động dữ liệu số tại Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Dữ liệu số* là dữ liệu về sự vật, hiện tượng, sự kiện, bao gồm một hoặc kết hợp các dạng âm thanh, hình ảnh, chữ số, chữ viết, ký hiệu được thể hiện dưới dạng kỹ thuật số (sau đây gọi là dữ liệu).
2. *Dữ liệu dùng chung* là dữ liệu được tiếp cận, chia sẻ, khai thác, sử dụng chung trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.
3. *Dữ liệu dùng riêng* là dữ liệu được tiếp cận, chia sẻ, khai thác, sử dụng trong phạm vi nội bộ của cơ quan Đảng, Nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.
4. *Dữ liệu mở* là dữ liệu mà mọi cơ quan, tổ chức, cá nhân có nhu cầu đều được tiếp cận, chia sẻ, khai thác, sử dụng.
5. *Dữ liệu gốc* là dữ liệu được tạo lập trong quá trình hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân hoặc thu thập, tạo lập từ số hóa bản chính giấy tờ, tài liệu, các dạng vật chất khác.
6. *Dữ liệu quan trọng* là dữ liệu có thể tác động đến quốc phòng, an ninh, đối ngoại, kinh tế vĩ mô, ổn định xã hội, sức khỏe và an toàn cộng đồng thuộc danh mục do Thủ tướng Chính phủ ban hành.
7. *Dữ liệu cốt lõi* là dữ liệu quan trọng trực tiếp tác động đến quốc phòng, an ninh, đối ngoại, kinh tế vĩ mô, ổn định xã hội, sức khỏe và an toàn cộng đồng thuộc danh mục do Thủ tướng Chính phủ ban hành.
8. *Xử lý dữ liệu* là quá trình tiếp nhận, chuyển đổi, tổ chức dữ liệu và các hoạt động khác về dữ liệu để phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

9. *Cơ sở dữ liệu* là tập hợp các dữ liệu được sắp xếp, tổ chức để truy cập, khai thác, chia sẻ, quản lý và cập nhật.
10. *Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia* là cơ sở dữ liệu được tổng hợp từ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và cơ sở dữ liệu khác.
11. *Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu* là hạ tầng kết nối, tích hợp, chia sẻ và điều phối dữ liệu giữa Trung tâm dữ liệu quốc gia với các cơ quan, tổ chức, cá nhân.
12. *Chủ thể dữ liệu* là cơ quan, tổ chức, cá nhân được dữ liệu phản ánh.
13. *Chủ quản dữ liệu* là cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác dữ liệu theo yêu cầu của chủ sở hữu dữ liệu.
14. *Chủ sở hữu dữ liệu* là cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền quyết định việc xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý, sử dụng và trao đổi giá trị của dữ liệu do mình sở hữu.
15. *Quyền của chủ sở hữu dữ liệu đối với dữ liệu* là quyền tài sản theo quy định của pháp luật về dân sự.
16. *Mã hoá dữ liệu* là việc áp dụng các phương pháp, thuật toán mã hóa hoặc giải pháp kỹ thuật để chuyển đổi dữ liệu từ định dạng nhận biết được sang định dạng không nhận biết được.
17. *Giải mã dữ liệu* là việc áp dụng các phương pháp, thuật toán mã hóa hoặc giải pháp kỹ thuật để chuyển đổi dữ liệu được mã hóa từ định dạng không nhận biết được sang định dạng nhận biết được.
18. *Điều phối dữ liệu* là hoạt động tổ chức điều động và phân phối dữ liệu, quản lý, giám sát, tối ưu hóa luồng dữ liệu chia sẻ giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

Điều 4. Áp dụng Luật Dữ liệu

1. Trường hợp luật khác ban hành trước ngày Luật Dữ liệu có hiệu lực thi hành có quy định về hoạt động xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý, sử dụng dữ liệu; sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu; quản lý nhà nước về dữ liệu, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động về dữ liệu mà không trái với nguyên tắc của Luật này thì thực hiện theo quy định của luật đó.
2. Trường hợp luật khác ban hành sau ngày Luật Dữ liệu có hiệu lực thi hành có quy định khác với quy định của Luật Dữ liệu thì phải xác định cụ thể nội dung thực hiện hoặc không thực hiện theo quy định của Luật Dữ liệu và nội dung thực hiện theo quy định của luật khác đó.

Điều 5. Nguyên tắc xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý, sử dụng dữ liệu

1. Tuân thủ quy định của Hiến pháp, quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan; bảo đảm quyền con người, quyền công dân, quyền và lợi ích hợp pháp khác của cơ quan, tổ chức, cá nhân.
2. Bảo đảm công khai, minh bạch, bình đẳng trong tiếp cận, khai thác và sử dụng dữ liệu theo quy định của pháp luật.
3. Thu thập, cập nhật, điều chỉnh dữ liệu chính xác, có tính kế thừa; bảo đảm tính toàn vẹn, tin cậy, an ninh, an toàn.
4. Bảo vệ dữ liệu được thực hiện đồng bộ, chặt chẽ với xây dựng, phát triển dữ liệu.
5. Lưu trữ, kết nối, điều phối, chia sẻ, khai thác, sử dụng dữ liệu bảo đảm hiệu quả, đơn giản, thuận tiện cho cơ quan, tổ chức, cá nhân trong thực hiện dịch vụ công, thủ tục hành chính và các hoạt động khác.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

Điều 6. Chính sách của Nhà nước về dữ liệu

1. Dữ liệu là tài nguyên, Nhà nước có chính sách huy động mọi nguồn lực để làm giàu dữ liệu, phát triển dữ liệu trở thành tài sản.
2. Ưu tiên xây dựng, phát triển dữ liệu trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội phục vụ chuyển đổi số quốc gia và phát triển kinh tế số gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại, cơ yếu.
3. Đầu tư xây dựng và phát triển Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia, Trung tâm dữ liệu quốc gia đáp ứng yêu cầu xây dựng Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.
4. Tập trung đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, trình độ của người làm công tác về dữ liệu; có cơ chế thu hút nhân lực có trình độ cao để xây dựng và phát triển dữ liệu quốc gia.
5. Khuyến khích, tạo điều kiện để cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước đầu tư, nghiên cứu, phát triển công nghệ, sản phẩm, dịch vụ, đổi mới sáng tạo, ứng dụng trong lĩnh vực dữ liệu; xây dựng trung tâm lưu trữ, xử lý dữ liệu tại Việt Nam; phát triển thị trường dữ liệu.
6. Hoạt động của cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và cơ sở dữ liệu khác do cơ quan Đảng, Nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội quản lý được bảo đảm từ nguồn lực của Nhà nước và các nguồn hợp pháp khác. Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước tài trợ, hỗ trợ để xây dựng, quản trị, vận hành cơ sở dữ liệu.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

Điều 7. Hợp tác quốc tế về dữ liệu

1. Tuân thủ pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và thỏa thuận quốc tế về dữ liệu trên cơ sở bình đẳng, cùng có lợi, tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ.
2. Nội dung hợp tác quốc tế về dữ liệu bao gồm: đào tạo nguồn nhân lực; nghiên cứu khoa học, ứng dụng khoa học và công nghệ trong xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý, sử dụng dữ liệu; chuyển giao công nghệ tiên tiến, đầu tư xây dựng hạ tầng trung tâm dữ liệu; tham gia xây dựng các quy tắc, tiêu chuẩn quốc tế về dữ liệu và các hoạt động khác về trao đổi dữ liệu xuyên biên giới.
3. Việc giải quyết các yêu cầu cung cấp dữ liệu của cơ quan thực thi pháp luật hoặc tư pháp nước ngoài đối với dữ liệu của tổ chức, cá nhân Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam xem xét, quyết định.

Điều 8. Quản lý nhà nước về dữ liệu

1. Nội dung quản lý nhà nước về dữ liệu bao gồm:
 - a) Xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện Chiến lược dữ liệu quốc gia; văn bản quy phạm pháp luật về dữ liệu; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật, chất lượng dữ liệu;
 - b) Tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về dữ liệu; hướng dẫn cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin trong xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý, sử dụng dữ liệu;
 - c) Quản lý, giám sát các hoạt động xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý, sử dụng dữ liệu, bảo đảm an ninh, an toàn dữ liệu;



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

d) Báo cáo, thống kê về dữ liệu; nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ về dữ liệu; sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu; quản lý, giám sát, phát triển thị trường dữ liệu;

đ) Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về dữ liệu;

e) Đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực và hợp tác quốc tế về dữ liệu.

2. Trách nhiệm quản lý nhà nước về dữ liệu được quy định như sau:

a) Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về dữ liệu;

b) Bộ Công an là cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về dữ liệu, trừ quy định tại điểm c khoản này;

c) Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về dữ liệu thuộc phạm vi quản lý.

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về dữ liệu cơ yếu thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật về cơ yếu;

d) Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình xây dựng, phát triển cơ sở dữ liệu; phối hợp với Bộ Công an thực hiện quản lý nhà nước về dữ liệu;

đ) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng, phát triển cơ sở dữ liệu; thực hiện quản lý nhà nước về dữ liệu tại địa phương.

Điều 9. Xây dựng, phát triển dữ liệu trong các cơ quan Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội

1. Việc xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý, sử dụng dữ liệu trong các cơ quan Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội do cơ quan có thẩm quyền quyết định.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

2. Tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc trung ương thực hiện xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý, sử dụng dữ liệu theo nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

Điều 10. Các hành vi bị nghiêm cấm

1. Lợi dụng việc xử lý dữ liệu, quản trị dữ liệu, phát triển, kinh doanh, lưu hành sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu để xâm phạm đến lợi ích quốc gia, dân tộc, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, lợi ích công cộng, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

2. Cản trở hoặc ngăn chặn trái pháp luật quá trình xử lý dữ liệu, quản trị dữ liệu hoặc tấn công, chiếm đoạt, phá hoại cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin phục vụ quản lý, xử lý, quản trị, bảo vệ dữ liệu.

3. Giả mạo, cố ý làm sai lệch, làm mất, làm hư hỏng dữ liệu trong cơ sở dữ liệu của cơ quan Đảng, Nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.

4. Cố ý cung cấp dữ liệu sai lệch hoặc không cung cấp dữ liệu theo quy định của pháp luật.

Chương II

XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN, BẢO VỆ, QUẢN TRỊ, XỬ LÝ, SỬ DỤNG DỮ LIỆU; QUỸ PHÁT TRIỂN DỮ LIỆU QUỐC GIA

Điều 11. Thu thập, tạo lập dữ liệu

1. Dữ liệu được thu thập, tạo lập từ các nguồn bao gồm: trực tiếp tạo lập; số hóa giấy tờ, tài liệu và các dạng vật chất khác.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

Dữ liệu gốc được tạo lập có giá trị sử dụng như bản chính giấy tờ, tài liệu, các dạng vật chất khác được số hóa.

2. Việc thu thập, tạo lập dữ liệu đối với cơ quan Đảng, Nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội được quy định như sau:

a) Thu thập, tạo lập dữ liệu để xây dựng cơ sở dữ liệu theo quy định của pháp luật hoặc quyết định của cấp có thẩm quyền và sử dụng thống nhất bảng mã danh mục dùng chung, thống nhất với dữ liệu chủ trong cơ sở dữ liệu quốc gia;

b) Dữ liệu có trong các cơ sở dữ liệu được kết nối, chia sẻ thì không thu thập lại;

c) Dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại, cơ yếu, thực hiện thủ tục hành chính, giải quyết dịch vụ công phải được tạo lập, số hóa theo quy định của pháp luật;

d) Thu thập từ kết quả giải quyết thủ tục hành chính; thu thập từ số hóa giấy tờ, tài liệu và các dạng vật chất khác; thu thập qua phương thức điện tử; thu thập trực tiếp từ tổ chức, cá nhân;

đ) Việc thực hiện chuyển đổi giấy tờ, tài liệu số hoá thành dữ liệu phải tuân thủ theo quy định của pháp luật về lưu trữ; chỉ được thu thập dữ liệu từ giấy tờ, tài liệu là bản gốc, bản chính hoặc bản sao hợp pháp trong trường hợp không còn bản gốc, bản chính; dữ liệu được thu thập, tạo lập phải bảo đảm việc xác thực, truy nguyên được đến bản số hóa giấy tờ, tài liệu.

3. Quyền và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đối với hoạt động thu thập, tạo lập dữ liệu được quy định như sau:

a) Được thu thập, tạo lập dữ liệu để phục vụ cho hoạt động của mình phù hợp với quy định của pháp luật;

b) Được bảo vệ các quyền đối với chủ sở hữu dữ liệu theo quy định của Luật này, quy định của pháp luật về dân sự và quy định khác của pháp luật có liên quan;



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

c) Chịu trách nhiệm đối với dữ liệu do mình thu thập, tạo lập theo quy định của pháp luật.

4. Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành quyết định lộ trình tạo lập, số hóa dữ liệu phục vụ hoạt động chuyển đổi số theo Chiến lược dữ liệu quốc gia do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

5. Bộ Công an chủ trì, phối hợp với cơ quan có liên quan tổng hợp và công bố danh sách các cơ quan cung cấp dữ liệu, danh mục dữ liệu được cung cấp, bảng mã danh mục dùng chung để cơ quan, tổ chức, cá nhân tra cứu, khai thác.

Điều 12. Bảo đảm chất lượng dữ liệu

1. Bảo đảm chất lượng dữ liệu là bảo đảm tính chính xác, hợp lệ, toàn vẹn, đầy đủ, cập nhật kịp thời, thống nhất của dữ liệu.

2. Cơ quan nhà nước quản lý cơ sở dữ liệu có trách nhiệm sau đây:

a) Hướng dẫn, triển khai, áp dụng đồng bộ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bảo đảm chất lượng dữ liệu, quy trình bảo đảm chất lượng dữ liệu để áp dụng đối với cơ sở dữ liệu do cơ quan quản lý;

b) Thường xuyên kiểm tra, giám sát, khắc phục sai sót; thực hiện đồng bộ dữ liệu trong phạm vi cơ quan và phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan để thường xuyên cập nhật, điều chỉnh, bảo đảm chất lượng dữ liệu trong khai thác, sử dụng.

Điều 13. Phân loại dữ liệu

1. Cơ quan nhà nước phải phân loại dữ liệu dựa trên yêu cầu quản trị, xử lý, bảo vệ dữ liệu, bao gồm:

a) Phân loại theo tính chất chia sẻ dữ liệu gồm: dữ liệu dùng chung, dữ liệu dùng riêng, dữ liệu mở;

b) Phân loại theo tính chất quan trọng của dữ liệu gồm: dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng, dữ liệu khác;



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

- c) Phân loại theo tiêu chí khác đáp ứng yêu cầu quản trị, xử lý, bảo vệ dữ liệu do chủ quản dữ liệu quyết định.
2. Chủ sở hữu dữ liệu, chủ quản dữ liệu không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này phải phân loại dữ liệu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này và được phân loại dữ liệu theo các tiêu chí khác.
3. Chính phủ quy định tiêu chí xác định dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng.

Điều 14. Hoạt động lưu trữ dữ liệu

1. Cơ quan nhà nước chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ dữ liệu bảo đảm an toàn.
2. Tổ chức, cá nhân không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này là chủ sở hữu dữ liệu được quyền quyết định việc lưu trữ dữ liệu do mình thu thập, tạo lập, sở hữu; trường hợp lưu trữ dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng phải bảo đảm tuân thủ theo quy định tại khoản 3 Điều 27 của Luật này.
3. Cơ sở dữ liệu quốc gia phải được lưu trữ dữ liệu trên cơ sở hạ tầng của Trung tâm dữ liệu quốc gia.
4. Cơ sở dữ liệu chuyên ngành và cơ sở dữ liệu khác của cơ quan nhà nước được lưu trữ dữ liệu trên hạ tầng của Trung tâm dữ liệu quốc gia hoặc hạ tầng của cơ quan, tổ chức khác đáp ứng tiêu chuẩn về trung tâm dữ liệu. Đối với dữ liệu dùng riêng và dữ liệu thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại, cơ yếu thực hiện lưu trữ dữ liệu trên cơ sở hạ tầng của Trung tâm dữ liệu quốc gia khi được sự đồng ý của chủ sở hữu dữ liệu.
- Tổ chức, cá nhân không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này là chủ sở hữu dữ liệu được quyền thỏa thuận lưu trữ dữ liệu trên cơ sở hạ tầng của Trung tâm dữ liệu quốc gia bằng hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa tổ chức, cá nhân đó với tổ chức cung cấp dịch vụ khai thác dữ liệu, cơ sở hạ tầng tại Trung tâm dữ liệu quốc gia.
5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

Điều 15. Quản trị, quản lý dữ liệu

1. Quản trị dữ liệu bao gồm: xây dựng chính sách, kế hoạch, chương trình, quy trình, tiêu chuẩn về dữ liệu của chủ sở hữu dữ liệu, chủ quản dữ liệu để quản lý dữ liệu một cách liên tục, hiệu quả, bảo đảm tính đầy đủ, chính xác, toàn vẹn, nhất quán, thống nhất, được chuẩn hóa, an toàn, bảo mật, kịp thời của dữ liệu.
2. Quản lý dữ liệu là việc tổ chức thực hiện quản trị dữ liệu quy định tại khoản 1 Điều này.
3. Chủ sở hữu dữ liệu, chủ quản dữ liệu là cơ quan nhà nước có trách nhiệm phối hợp với Trung tâm dữ liệu quốc gia thực hiện quản trị, quản lý dữ liệu quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
4. Chủ sở hữu dữ liệu, chủ quản dữ liệu là tổ chức, cá nhân không thuộc quy định tại khoản 3 Điều này căn cứ vào điều kiện thực tế thực hiện quản trị, quản lý dữ liệu do mình thu thập, tạo lập, sở hữu.
5. Chính phủ quy định chi tiết khoản 3 Điều này.

Điều 16. Truy cập, truy xuất dữ liệu

1. Việc truy cập, truy xuất dữ liệu phải tuân thủ quy định, quy trình kỹ thuật về truy cập, truy xuất dữ liệu; bảo đảm an ninh, an toàn và đúng mục đích.
2. Cơ quan nhà nước phải cung cấp công cụ và phân quyền truy cập, truy xuất dữ liệu để bảo đảm an ninh, an toàn, bảo vệ dữ liệu. Khuyến khích chủ sở hữu dữ liệu, chủ quản dữ liệu khác thực hiện cung cấp công cụ truy cập, truy xuất dữ liệu.
3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

Điều 17. Kết nối, chia sẻ, điều phối dữ liệu

1. Chủ sở hữu dữ liệu, chủ quản dữ liệu kết nối, chia sẻ dữ liệu cho người dùng dữ liệu theo quy định của pháp luật hoặc theo thỏa thuận, bằng cách trực tiếp hoặc thông qua một bên trung gian.
2. Cơ quan nhà nước thực hiện điều phối dữ liệu thuộc phạm vi quản lý, bảo đảm dữ liệu chia sẻ an toàn, đồng bộ, hiệu quả, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại; sẵn sàng để kết nối, chia sẻ, điều phối dữ liệu cho cơ quan, tổ chức, cá nhân được phép khai thác dữ liệu theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.
3. Thủ tướng Chính phủ quyết định việc chia sẻ dữ liệu dùng riêng do các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý trong trường hợp đột xuất, cấp bách trong phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, cháy, nổ hoặc trường hợp cần thiết khác để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn.
4. Chính phủ quy định việc hỗ trợ chủ sở hữu dữ liệu không thuộc quy định tại khoản 2 Điều này khi thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu cho cơ quan nhà nước theo quy định của Luật này.

Điều 18. Cung cấp dữ liệu cho cơ quan nhà nước

1. Khuyến khích tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước cung cấp dữ liệu thuộc quyền sở hữu cho cơ quan nhà nước.
2. Tổ chức, cá nhân phải cung cấp dữ liệu cho cơ quan nhà nước khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền mà không cần chủ thể dữ liệu đồng ý trong các trường hợp sau đây:
 - a) Ứng phó với tình trạng khẩn cấp;
 - b) Khi có nguy cơ đe dọa an ninh quốc gia nhưng chưa đến mức ban bố tình trạng khẩn cấp;



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

c) Thẩm họa;

d) Phòng, chống bạo loạn, khủng bố.

3. Cơ quan nhà nước nhận được dữ liệu có trách nhiệm sau đây:

a) Sử dụng dữ liệu đúng mục đích;

b) Bảo đảm an ninh, an toàn dữ liệu, bảo vệ dữ liệu, lợi ích hợp pháp khác của chủ thể dữ liệu, tổ chức, cá nhân cung cấp dữ liệu theo quy định của pháp luật;

c) Hủy dữ liệu ngay khi dữ liệu đó không còn cần thiết cho mục đích đã yêu cầu và thông báo cho chủ thể dữ liệu, tổ chức, cá nhân đã cung cấp dữ liệu;

d) Thông báo việc lưu trữ, sử dụng dữ liệu khi có yêu cầu của tổ chức, cá nhân cung cấp dữ liệu, trừ trường hợp bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật công tác.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 19. Phân tích, tổng hợp dữ liệu

1. Cơ quan nhà nước phải phân tích, tổng hợp dữ liệu từ nguồn dữ liệu tự tạo lập hoặc được chia sẻ, cung cấp, khai thác, sử dụng để phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội.

2. Tổ chức, cá nhân không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này được phân tích, tổng hợp dữ liệu từ nguồn dữ liệu được phép truy cập, sử dụng.

3. Khuyến khích chủ sở hữu dữ liệu, chủ quản dữ liệu phát triển các tiện ích, công cụ, ứng dụng phân tích, tổng hợp dữ liệu cung cấp cho cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và các hoạt động khác.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

Điều 20. Xác nhận, xác thực dữ liệu

1. Xác nhận dữ liệu được thực hiện bởi chủ sở hữu dữ liệu, chủ quản dữ liệu hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ xác thực điện tử.

Dữ liệu được xác nhận có giá trị chứng minh sự tồn tại, thời gian, nơi lưu trữ của dữ liệu trên không gian mạng theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Xác thực dữ liệu được thực hiện bởi chủ sở hữu dữ liệu, chủ quản dữ liệu tạo lập dữ liệu gốc, tổ chức cung cấp dịch vụ xác thực điện tử, Trung tâm dữ liệu quốc gia. Dữ liệu đã được xác thực có giá trị tương đương với dữ liệu gốc được lưu trữ tại cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu khác trong phạm vi và thời gian nhất định.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 21. Công khai dữ liệu

1. Việc công khai dữ liệu phải bảo đảm phản ánh đúng dữ liệu từ nguồn dữ liệu gốc, thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong việc khai thác, sử dụng, chia sẻ.

2. Dữ liệu được công khai, công khai có điều kiện, không được công khai phải căn cứ vào thông tin được dữ liệu phản ánh theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin.

3. Hình thức công khai dữ liệu, bao gồm: đăng tải dữ liệu trên cổng dữ liệu, cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử, phương tiện thông tin đại chúng và các hình thức khác theo quy định của pháp luật.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

4. Cơ quan nhà nước có trách nhiệm công bố danh mục dữ liệu mở và tổ chức công khai dữ liệu mở theo quy định tại Điều này để tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng, chia sẻ. Thời điểm công khai dữ liệu đối với từng lĩnh vực được thực hiện theo quy định của pháp luật.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 22. Mã hóa, giải mã dữ liệu

1. Dữ liệu thuộc danh mục bí mật nhà nước phải được mã hóa bằng mật mã của cơ yếu khi lưu trữ, truyền, nhận, chia sẻ trên mạng máy tính.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được sử dụng một hoặc nhiều giải pháp mã hóa và quy trình mã hóa, giải mã phù hợp với hoạt động quản trị, quản lý dữ liệu của mình.

3. Chủ sở hữu dữ liệu, chủ quản dữ liệu quyết định việc mã hóa, giải mã dữ liệu.

4. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền được quyền áp dụng các biện pháp để giải mã dữ liệu mà không cần chủ sở hữu dữ liệu, chủ quản dữ liệu đồng ý trong các trường hợp sau đây:

- a) Tình trạng khẩn cấp;
- b) Khi có nguy cơ đe dọa an ninh quốc gia nhưng chưa đến mức ban bố tình trạng khẩn cấp;
- c) Thảm họa;
- d) Phòng, chống bạo loạn, khủng bố.

5. Chính phủ quy định chi tiết khoản 2 và khoản 4 Điều này.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

Điều 23. Chuyển, xử lý dữ liệu xuyên biên giới

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được tự do chuyển dữ liệu từ nước ngoài về Việt Nam, xử lý dữ liệu của nước ngoài tại Việt Nam, được Nhà nước bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.
2. Chuyển, xử lý dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng xuyên biên giới bao gồm:
 - a) Chuyển dữ liệu đang lưu trữ tại Việt Nam tới hệ thống lưu trữ dữ liệu đặt ngoài lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
 - b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam chuyển dữ liệu cho tổ chức, cá nhân nước ngoài;
 - c) Cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam sử dụng nền tảng ở ngoài lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam để xử lý dữ liệu.
3. Việc chuyển, xử lý dữ liệu quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, quyền và lợi ích hợp pháp của chủ thể dữ liệu, chủ sở hữu dữ liệu theo quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.
4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 24. Hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý, sử dụng dữ liệu

1. Hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý, sử dụng dữ liệu phải phù hợp với chiến lược phát triển dữ liệu quốc gia; phát huy nội lực trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; tuân thủ nguyên tắc xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý, sử dụng dữ liệu theo quy định của Luật này.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

2. Các nền tảng khoa học và công nghệ trong xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý, sử dụng dữ liệu bao gồm: trí tuệ nhân tạo, điện toán đám mây, chuỗi khối, truyền thông dữ liệu, Internet vạn vật, dữ liệu lớn và công nghệ hiện đại khác.

3. Tập trung nguồn lực quốc gia cho hoạt động phát triển, ứng dụng nền tảng khoa học và công nghệ trong xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý, sử dụng dữ liệu phục vụ chuyển đổi số quốc gia, bảo đảm quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội.

4. Chính phủ quy định việc quản lý, phát triển, thử nghiệm có kiểm soát các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý, sử dụng dữ liệu.

Điều 25. Xác định và quản lý rủi ro phát sinh trong xử lý dữ liệu

1. Rủi ro phát sinh trong xử lý dữ liệu bao gồm: rủi ro quyền riêng tư, rủi ro an ninh mạng, rủi ro nhận dạng và quản lý truy cập, rủi ro khác trong xử lý dữ liệu.

2. Cơ quan nhà nước phải xác định, thiết lập cơ chế cảnh báo sớm về rủi ro phát sinh trong xử lý dữ liệu, xây dựng biện pháp để bảo vệ dữ liệu.

3. Chủ quản dữ liệu không thuộc quy định tại khoản 2 Điều này tự đánh giá, xác định rủi ro và thực hiện các biện pháp để bảo vệ dữ liệu; kịp thời khắc phục rủi ro phát sinh và thông báo cho chủ thể dữ liệu, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

4. Chủ quản dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng phải định kỳ tiến hành đánh giá rủi ro đối với các hoạt động xử lý dữ liệu đó theo quy định và thông báo tới đơn vị chuyên trách về an ninh mạng, an toàn thông tin thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng và cơ quan có liên quan để phối hợp thực hiện việc bảo vệ an toàn, an ninh dữ liệu.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

Điều 26. Các hoạt động khác trong xử lý dữ liệu

1. Chủ thể dữ liệu có quyền yêu cầu chủ sở hữu dữ liệu, chủ quản dữ liệu thu hồi, xóa hoặc hủy dữ liệu của mình đã cung cấp, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Chủ quản dữ liệu có trách nhiệm thiết lập quy trình, triển khai các biện pháp, phương thức thu hồi, xóa hoặc hủy dữ liệu theo yêu cầu của chủ thể dữ liệu.
2. Cơ quan nhà nước tổ chức thực hiện điều chỉnh, cập nhật dữ liệu thường xuyên, liên tục; quyết định lưu trữ lịch sử quá trình thực hiện kết hợp, điều chỉnh, cập nhật, sao chép, truyền đưa, chuyển giao, thu hồi, xóa, hủy dữ liệu do mình quản lý.
3. Chủ sở hữu dữ liệu, chủ quản dữ liệu không thuộc quy định tại khoản 2 Điều này thực hiện kết hợp, điều chỉnh, cập nhật, sao chép, truyền đưa, chuyển giao dữ liệu theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.
4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 27. Bảo vệ dữ liệu

1. Biện pháp bảo vệ dữ liệu được áp dụng trong toàn bộ quá trình xử lý dữ liệu, bao gồm:
 - a) Xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách, quy định bảo vệ dữ liệu;
 - b) Quản lý hoạt động xử lý dữ liệu;
 - c) Xây dựng và triển khai các giải pháp kỹ thuật;
 - d) Đào tạo, bồi dưỡng, phát triển, quản lý nguồn nhân lực;
 - đ) Các biện pháp bảo vệ dữ liệu khác theo quy định của pháp luật.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

2. Cơ quan nhà nước phải bảo vệ dữ liệu trong ngành, lĩnh vực do mình quản lý, tuân thủ các chính sách chung về quốc phòng, an ninh; thiết lập hệ thống bảo vệ dữ liệu thống nhất để đánh giá rủi ro an ninh dữ liệu, giám sát và cảnh báo sớm.

3. Chủ sở hữu dữ liệu, chủ quản dữ liệu quản lý dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng phải tuân thủ các quy định về bảo vệ dữ liệu.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 28. Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về dữ liệu

1. Tiêu chuẩn về dữ liệu gồm tiêu chuẩn đối với hệ thống thông tin, phần cứng, phần mềm, hệ thống quản lý, vận hành, xử lý, bảo đảm chất lượng dữ liệu, bảo vệ dữ liệu được công bố, thừa nhận áp dụng tại Việt Nam.

2. Quy chuẩn kỹ thuật về dữ liệu gồm quy chuẩn kỹ thuật đối với hệ thống thông tin, phần cứng, phần mềm, hệ thống quản lý, vận hành, xử lý, bảo đảm chất lượng dữ liệu, bảo vệ dữ liệu được xây dựng, ban hành và áp dụng tại Việt Nam.

3. Bộ Công an chủ trì, phối hợp với cơ quan có liên quan ban hành danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về dữ liệu; trừ danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về dữ liệu thuộc lĩnh vực quốc phòng, cơ yếu.

4. Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành phải xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về dữ liệu theo danh mục đã ban hành theo quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 29. Quỹ phát triển dữ liệu quốc gia

1. Quỹ phát triển dữ liệu quốc gia là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, được hình thành ở trung ương để thúc đẩy phát triển, khai thác, ứng dụng, quản trị dữ liệu quốc gia.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

2. Quỹ phát triển dữ liệu quốc gia được hình thành từ các nguồn tài chính sau đây:
 - a) Hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước;
 - b) Nguồn đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước;
 - c) Nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.
3. Quỹ phát triển dữ liệu quốc gia hoạt động theo nguyên tắc sau đây:
 - a) Không vì mục đích lợi nhuận;
 - b) Quản lý, sử dụng đúng mục đích, đúng pháp luật, kịp thời, hiệu quả, bảo đảm công khai, minh bạch;
 - c) Hỗ trợ cho các hoạt động xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý, sử dụng dữ liệu;
 - d) Được chi cho các hoạt động khi ngân sách nhà nước bố trí chưa đáp ứng yêu cầu.
4. Chính phủ quy định việc thành lập, quản lý, sử dụng Quỹ phát triển dữ liệu quốc gia.

Chương III

XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN TRUNG TÂM DỮ LIỆU QUỐC GIA; CƠ SỞ DỮ LIỆU TỔNG HỢP QUỐC GIA

Mục 1. XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN TRUNG TÂM DỮ LIỆU QUỐC GIA

Điều 30. Cơ sở hạ tầng của Trung tâm dữ liệu quốc gia

1. Cơ sở hạ tầng của Trung tâm dữ liệu quốc gia được thiết kế, xây dựng, sử dụng đáp ứng các yêu cầu sau đây:



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

a) Bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về trung tâm dữ liệu; yêu cầu kỹ thuật quốc tế; phù hợp với quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông; bảo đảm chống bom đạn, khủng bố, thiên tai; bảo vệ môi trường; tiết kiệm năng lượng;

b) Có giải pháp bảo đảm an ninh, bảo mật để kiểm soát, phát hiện, ngăn chặn tấn công, đột nhập, phá hoại; bảo đảm mức độ sẵn sàng của hệ thống, thiết kế hệ thống với mức dự phòng nhằm sẵn sàng trong trường hợp mở rộng khi cần thiết;

c) Bảo đảm các thành phần công nghệ thông tin chính của Trung tâm dữ liệu quốc gia, bao gồm: Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia; Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu; Cổng dịch vụ công quốc gia; hạ tầng công nghệ xử lý dữ liệu và phân bổ tài nguyên; hệ thống phân tích dữ liệu phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo điều hành; hệ thống, phần mềm quản lý, khai thác, cung cấp dịch vụ dữ liệu, cổng dữ liệu mở, cổng dịch vụ dữ liệu; các nền tảng, phần mềm, hệ thống nghiệp vụ khác do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quyết định.

2. Cơ sở dữ liệu quốc gia phải sử dụng cơ sở hạ tầng của Trung tâm dữ liệu quốc gia.

Căn cứ vào nhu cầu, cơ sở dữ liệu thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại, cơ yếu và cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu khác sử dụng cơ sở hạ tầng của Trung tâm dữ liệu quốc gia.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 31. Trách nhiệm của Trung tâm dữ liệu quốc gia

1. Tích hợp, đồng bộ, lưu trữ, phân tích, khai thác dữ liệu của các cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật nhằm tạo lập, quản trị Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

2. Quản trị, vận hành hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng công nghệ thông tin và sàn dữ liệu tại Trung tâm dữ liệu quốc gia; cung cấp hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng công nghệ thông tin cho các cơ quan Đảng, Nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội khi có nhu cầu sử dụng.

3. Tổ chức vận hành, quản trị, lưu trữ, quản lý, khai thác, điều phối dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia cho cơ quan Đảng, Nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội để thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao hoặc theo yêu cầu của chủ sở hữu dữ liệu, chủ quản dữ liệu, chủ thể dữ liệu phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Giám sát việc bảo đảm chất lượng dữ liệu, hoạt động điều phối dữ liệu; xây dựng các hệ thống chỉ số đo lường và đánh giá hiệu suất cho hoạt động quản trị dữ liệu.

5. Thực hiện biện pháp bảo vệ dữ liệu.

6. Nghiên cứu khoa học về dữ liệu, ứng dụng công nghệ trong xử lý dữ liệu, cung cấp hạ tầng công nghệ, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu; hỗ trợ tổ chức, cá nhân trong xử lý dữ liệu; xây dựng trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ đổi mới sáng tạo về khoa học dữ liệu; phát triển hoạt động đổi mới sáng tạo về khoa học dữ liệu; phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo về khoa học và công nghệ trên nền tảng dữ liệu của Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia.

7. Tổ chức thực hiện các nội dung hợp tác quốc tế về dữ liệu.

8. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

Điều 32. Bảo đảm nguồn lực xây dựng, phát triển Trung tâm dữ liệu quốc gia

1. Nhà nước ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, đất đai, trụ sở, công trình, công nghệ, bảo đảm ngân sách cho xây dựng và quản lý nhà nước về dữ liệu, quản trị dữ liệu, xây dựng, quản lý và vận hành Trung tâm dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia.
2. Hoạt động của Trung tâm dữ liệu quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.
3. Nhà nước bảo đảm nguồn nhân lực cho các hoạt động của Trung tâm dữ liệu quốc gia; có cơ chế thu hút, đãi ngộ đối với nhân lực chất lượng cao.
4. Trung tâm dữ liệu quốc gia được bảo đảm nguồn lực để thực hiện nâng cấp, bảo trì, sửa chữa cơ sở hạ tầng, thiết bị do Trung tâm dữ liệu quốc gia đầu tư.

Mục 2. CƠ SỞ DỮ LIỆU TỔNG HỢP QUỐC GIA

Điều 33. Xây dựng Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia

Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia được Chính phủ xây dựng và quản lý tập trung, thống nhất tại Trung tâm dữ liệu quốc gia và đáp ứng các yêu cầu sau đây:

1. Tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật về dữ liệu, công nghệ thông tin có liên quan;
2. Bảo đảm an ninh, an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân, thuận lợi cho việc thu thập, cập nhật, điều chỉnh, khai thác, sử dụng;
3. Bảo đảm hoạt động ổn định, liên tục, kết nối, chia sẻ với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu khác và hệ thống thông tin khác;



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

4. Bảo đảm quyền khai thác dữ liệu của cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật;
5. Bảo đảm yêu cầu tích hợp, đồng bộ, lưu trữ, khai thác, chia sẻ và điều phối dữ liệu tổng hợp từ các cơ sở dữ liệu và thực hiện việc phân tích chuyên sâu các dữ liệu, hỗ trợ công tác xây dựng cơ chế, chính sách và phục vụ phát triển kinh tế - xã hội;

6. Phục vụ việc hỗ trợ, phát triển sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu.

Điều 34. Thu thập, cập nhật, đồng bộ dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia

1. Dữ liệu được thu thập, cập nhật, đồng bộ vào Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia, bao gồm:
 - a) Dữ liệu mở;
 - b) Dữ liệu dùng chung của cơ quan nhà nước;
 - c) Dữ liệu dùng riêng của cơ quan nhà nước theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ để phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, đối ngoại, cơ yếu, phát triển kinh tế - xã hội, chuyển đổi số, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng;
 - d) Dữ liệu của cơ quan Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội khi được chủ sở hữu dữ liệu đồng ý;
 - đ) Dữ liệu khác do tổ chức, cá nhân cung cấp.
2. Nguồn thu thập, cập nhật, đồng bộ dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia, bao gồm:
 - a) Từ quá trình thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công;
 - b) Được cập nhật, chia sẻ, đồng bộ từ các cơ sở dữ liệu khác;
 - c) Được số hóa, cung cấp, tích hợp bởi cá nhân, tổ chức;



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

d) Nguồn khác theo quy định của pháp luật.

3. Trung tâm dữ liệu quốc gia phối hợp với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan kiểm tra dữ liệu khi thu thập, cập nhật, đồng bộ để bảo đảm tính chính xác, thống nhất. Trường hợp dữ liệu trong cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu khác không thống nhất với dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia, Trung tâm dữ liệu quốc gia phối hợp với cơ quan có liên quan kiểm tra, đối soát dữ liệu và cập nhật, đồng bộ trong các cơ sở dữ liệu.

4. Thủ tướng Chính phủ quyết định lộ trình xây dựng, phát triển cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và lộ trình thực hiện việc thu thập, cập nhật, đồng bộ dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia.

Điều 35. Khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia

1. Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia được xây dựng phục vụ việc khai thác, sử dụng chung đáp ứng hoạt động của cơ quan Đảng, Nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội; phục vụ thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công, phục vụ chỉ đạo điều hành của Chính phủ; phục vụ công tác thống kê, hoạch định chính sách, xây dựng quy hoạch, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, cơ yếu, đấu tranh phòng, chống tội phạm, xử lý vi phạm pháp luật; phục vụ nhu cầu khai thác, sử dụng, ứng dụng dữ liệu của tổ chức, cá nhân.

2. Dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia có giá trị khai thác và sử dụng như dữ liệu gốc.

3. Chủ thể khai thác và sử dụng dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia, bao gồm:

a) Cơ quan Đảng, Nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội được khai thác và sử dụng dữ liệu phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức đó;

b) Chủ thể dữ liệu được khai thác và sử dụng dữ liệu phản ánh về chủ thể dữ liệu đó;



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

c) Tổ chức và cá nhân không thuộc quy định tại điểm a và điểm b khoản này được khai thác và sử dụng dữ liệu như sau: tự do khai thác và sử dụng dữ liệu mở; khai thác và sử dụng dữ liệu cá nhân khi được sự đồng ý của Trung tâm dữ liệu quốc gia và cá nhân là chủ thể dữ liệu được khai thác; khai thác và sử dụng dữ liệu khác khi được sự đồng ý của Trung tâm dữ liệu quốc gia.

4. Việc khai thác và sử dụng dữ liệu thực hiện qua các phương thức sau đây:

a) Kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin khác với Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia;

b) Công dữ liệu quốc gia, Công Dịch vụ công quốc gia, cổng thông tin điện tử, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính;

c) Nền tảng định danh và xác thực điện tử;

d) Ứng dụng định danh quốc gia;

đ) Thiết bị, phương tiện, phần mềm do Trung tâm dữ liệu quốc gia cung cấp;

e) Phương thức khác.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 36. Kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia

1. Các cơ sở dữ liệu quốc gia khác, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và hệ thống thông tin khác của cơ quan Đảng, Nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội kết nối với Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

thông qua Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu; Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia; nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp bộ, cấp tỉnh, mạng Internet, mạng máy tính, hệ thống thông tin.

2. Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia và các cơ sở dữ liệu khác phải bảo đảm hiệu quả, an toàn, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

3. Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia với hệ thống thông tin khác được thực hiện trên cơ sở thống nhất bằng văn bản giữa Bộ Công an và chủ sở hữu dữ liệu.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 37. Cung cấp dữ liệu cho Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia

1. Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu khác cung cấp dữ liệu cho Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia theo quy định tại khoản 1 Điều 34 của Luật này.

2. Nhà nước bảo đảm điều kiện cần thiết để thực hiện việc tiếp nhận dữ liệu do cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 38. Phí khai thác, sử dụng dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia và cơ sở dữ liệu khác do cơ quan nhà nước quản lý

1. Cơ quan Đảng, Nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia và cơ sở dữ liệu khác do cơ quan nhà nước quản lý không phải nộp phí.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

2. Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng dữ liệu của mình trong Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia và cơ sở dữ liệu khác do cơ quan nhà nước quản lý không phải nộp phí.

3. Tổ chức, cá nhân không thuộc quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này khai thác, sử dụng dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia và cơ sở dữ liệu khác do cơ quan nhà nước quản lý phải nộp phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

Chương IV

SẢN PHẨM, DỊCH VỤ VỀ DỮ LIỆU

Điều 39. Sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu

1. Sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu trong hoạt động trung gian dữ liệu, phân tích, tổng hợp dữ liệu, xác thực điện tử, sàn dữ liệu thực hiện theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Dịch vụ xác thực điện tử thực hiện việc xác thực dữ liệu trong các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, hệ thống định danh và xác thực điện tử do đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước đáp ứng điều kiện cung cấp dịch vụ.

3. Tổ chức cung cấp sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu, phân tích, tổng hợp dữ liệu được hưởng ưu đãi như các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ cao, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, công nghiệp công nghệ số.

4. Các sản phẩm, dịch vụ khác về dữ liệu trong hoạt động giao dịch điện tử, viễn thông, an ninh mạng, an toàn thông tin mạng, công nghiệp công nghệ số, cơ yếu, công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 40. Sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu

1. Sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu là sản phẩm, dịch vụ nhằm thiết lập mối quan hệ thương mại giữa chủ thể dữ liệu, chủ sở hữu dữ liệu và bên sử dụng sản phẩm, dịch vụ, thông qua thỏa thuận nhằm mục đích trao đổi, chia sẻ, truy cập dữ liệu, thực hiện các quyền của chủ thể dữ liệu, chủ sở hữu dữ liệu, người dùng dữ liệu.

2. Tổ chức cung cấp sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu phải được đăng ký hoạt động và quản lý theo quy định của pháp luật về đầu tư; trừ trường hợp cung cấp sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu trong nội bộ tổ chức.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 41. Sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu

1. Sản phẩm phân tích, tổng hợp dữ liệu là kết quả của quá trình phân tích, tổng hợp dữ liệu thành thông tin chuyên sâu hữu ích ở các cấp độ khác nhau theo yêu cầu của bên sử dụng sản phẩm. Dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu là hoạt động phân tích, tổng hợp dữ liệu theo yêu cầu của bên sử dụng dịch vụ.

2. Tổ chức kinh doanh sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu có thể gây nguy hại đến quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng phải đăng ký hoạt động, quản lý theo quy định của pháp luật về đầu tư.

Trường hợp có kết nối, chia sẻ với cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành để kinh doanh sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu phải được quản lý theo quy định của pháp luật.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

Điều 42. Sàn dữ liệu

1. Sàn dữ liệu là nền tảng cung cấp tài nguyên liên quan đến dữ liệu để phục vụ nghiên cứu, phát triển khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; cung cấp các sản phẩm, dịch vụ liên quan đến dữ liệu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; là môi trường để giao dịch, trao đổi dữ liệu và các sản phẩm, dịch vụ liên quan đến dữ liệu.

2. Tổ chức cung cấp dịch vụ sàn dữ liệu là đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước đáp ứng điều kiện cung cấp dịch vụ và được cấp phép thành lập theo quy định của pháp luật.

3. Dữ liệu không được phép giao dịch bao gồm:

- a) Dữ liệu gây nguy hại đến quốc phòng, an ninh, đối ngoại, cơ yếu;
- b) Dữ liệu không được chủ thể dữ liệu đồng ý, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;
- c) Dữ liệu khác bị cấm giao dịch theo quy định của pháp luật.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 43. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu, phân tích, tổng hợp dữ liệu, sàn dữ liệu

1. Cung cấp dịch vụ cho tổ chức, cá nhân trên cơ sở thỏa thuận bằng hợp đồng cung cấp dịch vụ.

2. Bảo đảm kênh tiếp nhận thông tin và việc sử dụng dịch vụ thông suốt, liên tục.

3. Thực hiện quản lý, kiểm tra, giám sát an toàn dữ liệu, bảo mật dữ liệu thường xuyên; phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý rủi ro dữ liệu; giám sát hành vi có thể ảnh hưởng đến việc bảo vệ dữ liệu.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

4. Tuân thủ quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng, pháp luật về an ninh mạng, pháp luật về giao dịch điện tử và quy định khác của pháp luật có liên quan.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 44. Sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật có liên quan

1. Sửa đổi, bổ sung Phụ lục số 01 về Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2017/QH14, Luật số 23/2018/QH14, Luật số 72/2020/QH14, Luật số 16/2023/QH15, Luật số 20/2023/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 33/2024/QH15 và Luật số 35/2024/QH15 như sau:

a) Bổ sung số thứ tự 6 vào sau số thứ tự 5 mục IV phần A như sau:

6	Phí khai thác và sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia	Bộ Tài chính
---	--	--------------

b) Bổ sung số thứ tự 5 vào sau số thứ tự 4.2 mục XIII phần A như sau:

5	Phí khai thác và sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác	Bộ Tài chính
---	--	--------------

2. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điểm, khoản, điều của Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 4 Điều 42 như sau:



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

“a) Kết nối, chia sẻ qua các hệ thống trung gian bao gồm: Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu của Trung tâm dữ liệu quốc gia; Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia; hạ tầng kết nối, chia sẻ dữ liệu cấp bộ, cấp tỉnh theo Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số;”;

b) Bãi bỏ khoản 8 Điều 3 và Điều 41.

Điều 45. Hiệu lực thi hành

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Điều 46. Quy định chuyển tiếp

1. Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia đã đầu tư xây dựng hoặc thuê dịch vụ cơ sở hạ tầng dữ liệu trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành được tiếp tục sử dụng hệ thống, thiết bị đã đầu tư hoặc thuê dịch vụ cho đến khi Trung tâm dữ liệu quốc gia đủ điều kiện tiếp nhận, cung cấp cơ sở hạ tầng cho cơ sở dữ liệu quốc gia theo quy định của Luật này.

2. Thủ tướng Chính phủ quy định lộ trình thực hiện việc tiếp nhận, chuyển đổi, sử dụng cơ sở hạ tầng của Trung tâm dữ liệu quốc gia đối với cơ sở dữ liệu quốc gia theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Luật này được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 30 tháng 11 năm 2024.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Trần Thanh Mẫn



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 160/2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2025

NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH VỀ QUỸ PHÁT TRIỂN DỮ LIỆU QUỐC GIA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Dữ liệu ngày 30 tháng 11 năm 2024;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về Quỹ Phát triển dữ liệu quốc gia.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Nghị định này quy định chi tiết khoản 4 Điều 29 Luật Dữ liệu về thành lập, quản lý, sử dụng Quỹ Phát triển dữ liệu quốc gia.
2. Nghị định này áp dụng đối với Quỹ Phát triển dữ liệu quốc gia, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản trị, điều hành, tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển dữ liệu quốc gia.

Điều 2. Thành lập Quỹ Phát triển dữ liệu quốc gia

Chính phủ thành lập Quỹ Phát triển dữ liệu quốc gia (sau đây gọi tắt là Quỹ) để thúc đẩy phát triển, khai thác, ứng dụng, quản trị dữ liệu quốc gia.

Điều 3. Địa vị pháp lý, tư cách pháp nhân của Quỹ

1. Quỹ Phát triển dữ liệu quốc gia là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, hoạt động không vì mục đích lợi nhuận và giao Bộ Công an quản lý.
2. Quỹ có tư cách pháp nhân, có ngân sách hoạt động, có báo cáo tài chính riêng, có con dấu, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các ngân hàng thương mại hoạt động hợp pháp tại Việt Nam theo quy định của pháp luật.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Quỹ

1. Hỗ trợ các hoạt động phát triển, ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, học máy, điện toán đám mây, chuỗi khối, Internet vạn vật và các công nghệ khác trong xử lý dữ liệu để phục vụ công tác quản lý nhà nước, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, phát triển kinh tế - xã hội.
2. Thúc đẩy việc ứng dụng dữ liệu phục vụ chuyển đổi số quốc gia; chuyển đổi số ở vùng nông thôn, miền núi, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn; hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo về dữ liệu.
3. Phát triển mạng lưới chuyên gia, nhà khoa học, các tổ chức khoa học công nghệ, các hiệp hội về dữ liệu trong và ngoài nước.
4. Đầu tư cho doanh nghiệp, cá nhân hoạt động nghiên cứu các giải pháp gia tăng bảo vệ dữ liệu, chuyển giao công nghệ về dữ liệu, đổi mới sáng tạo về dữ liệu, phát triển ứng dụng công nghệ liên quan đến dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, phát triển kinh tế - xã hội.
5. Hỗ trợ khen thưởng tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý dữ liệu; hỗ trợ tổ chức, cá nhân cung cấp dữ liệu cho cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội.
6. Hỗ trợ tổ chức cung cấp dịch vụ công ích để khắc phục hậu quả, xử lý sự cố về an ninh, an toàn dữ liệu.
7. Hỗ trợ các hoạt động phát triển, ứng dụng dữ liệu quan trọng, dữ liệu cốt lõi, dữ liệu liên quan đến quốc phòng, an ninh, đối ngoại.
8. Hỗ trợ hoạt động hợp tác quốc tế về dữ liệu.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

Điều 5. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Hoạt động phát triển dữ liệu là hoạt động của các tổ chức, cá nhân nhằm làm gia tăng giá trị của dữ liệu cả về số lượng và chất lượng phục vụ lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, phát triển kinh tế - xã hội.
2. Công nghệ dữ liệu là công nghệ trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, học máy, điện toán đám mây, chuỗi khối, Internet vạn vật, thực tại ảo, thực tại tăng cường và các công nghệ khác trong xử lý dữ liệu.
3. Hỗ trợ chi phí là việc cấp kinh phí cho các tổ chức, cá nhân để xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý dữ liệu.
4. Hỗ trợ nâng cao năng lực là việc Quỹ trực tiếp thực hiện các hoạt động liên quan đến đầu tư, mua sắm, bố trí nguồn lực cho các tổ chức, cá nhân để xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý dữ liệu.
5. Vốn ủy thác là khoản tiền bên ủy thác giao cho bên nhận ủy thác để thực hiện nội dung ủy thác.
6. Người quản lý Quỹ là người giữ chức danh, chức vụ Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng của Quỹ.
7. Tài trợ là hoạt động hỗ trợ không hoàn lại bằng tiền hoặc hiện vật có nguồn gốc không thuộc ngân sách nhà nước với điều kiện, mục tiêu, đối tượng cụ thể của tổ chức, cá nhân (bên tài trợ) cho Quỹ để thực hiện các hoạt động quy định tại Chương IV Nghị định này.
8. Đóng góp là hoạt động góp tiền hoặc hiện vật không phải hoàn trả của tổ chức, cá nhân (bên đóng góp) cho Quỹ để thực hiện các hoạt động quy định tại Chương IV Nghị định này.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

9. Ủy thác cho Quỹ là việc tổ chức, cá nhân (bên ủy thác) giao cho Quỹ (bên nhận ủy thác) khoản vốn bằng tiền để thực hiện các hoạt động quy định tại Chương IV Nghị định này. Bên ủy thác chịu mọi rủi ro, bên nhận ủy thác được hưởng phí ủy thác.

10. Hoạt động ủy thác cho vay của Quỹ là việc Quỹ (bên ủy thác) ủy thác cho ngân hàng (bên nhận ủy thác) để thực hiện cho vay đối với khách hàng vay vốn theo quy định tại Chương IV Nghị định này.

Điều 6. Nguyên tắc hoạt động của Quỹ

1. Việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng tài trợ, viện trợ, đóng góp, ủy thác, tặng cho phải bảo đảm:

a) Tiếp nhận, quản lý và sử dụng tài trợ, viện trợ, đóng góp, ủy thác, tặng cho của các tổ chức, cá nhân bằng tiền hoặc hiện vật hoặc hình thức khác bảo đảm công khai, minh bạch;

b) Việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng tài trợ, viện trợ, đóng góp, ủy thác, tặng cho phải tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết; việc nhận vốn ủy thác phải bảo đảm phù hợp với khả năng hoàn trả của Quỹ;

c) Không tiếp nhận tài trợ, viện trợ, đóng góp, ủy thác, tặng cho gây phương hại đến lợi ích quốc gia, an ninh, quốc phòng, vi phạm pháp luật về phòng, chống tham nhũng, hoạt động rửa tiền, tài trợ khủng bố và các hoạt động khác trái quy định pháp luật;

d) Các tổ chức, cá nhân tự nguyện tài trợ, đóng góp không có điều kiện kèm theo có thể chuyển tiền vào tài khoản của Quỹ mà không phải thực hiện theo Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 15 Nghị định này.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

2. Việc cho vay, hỗ trợ, đầu tư của Quỹ phải bảo đảm:

- a) Công khai, minh bạch, tiết kiệm, tránh lãng phí, đảm bảo an toàn vốn và tuân thủ các quy định pháp luật;
- b) Mỗi tổ chức, cá nhân có thể được Quỹ cho vay, hỗ trợ, đầu tư với nhiều hình thức khác nhau;
- c) Tổ chức, cá nhân tự kê khai và chịu trách nhiệm về các số liệu, thông tin trong hồ sơ đề nghị cho vay, hỗ trợ, đầu tư;
- d) Người quản lý Quỹ được miễn trừ trách nhiệm trong trường hợp cho vay, hỗ trợ, đầu tư các tổ chức, cá nhân thử nghiệm công nghệ dữ liệu, mô hình kinh doanh mới phục vụ lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, phát triển kinh tế - xã hội mà có thiệt hại về kinh tế do nguyên nhân khách quan khi đã thực hiện đầy đủ các quy trình, quy định liên quan trong quá trình triển khai thực hiện;
- đ) Không hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân đã nhận được hỗ trợ từ nguồn hỗ trợ khác của Nhà nước cho cùng một hạng mục;
- e) Quỹ không hỗ trợ chi phí cho các tổ chức, cá nhân đã viện trợ, tài trợ, đóng góp, ủy thác, tặng cho Quỹ.

Điều 7. Nhiệm vụ và quyền hạn của Quỹ

1. Nhiệm vụ của Quỹ

- a) Thực hiện các nhiệm vụ phù hợp với mục tiêu hoạt động của Quỹ;
- b) Tiếp nhận, quản lý và sử dụng vốn đúng quy định;
- c) Thực hiện chế độ báo cáo, chế độ kế toán theo quy định của pháp luật;
- d) Chấp hành việc thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

đ) Cung cấp số liệu, công bố công khai về quy chế hoạt động, cơ chế tài chính, kết quả hoạt động của Quỹ và báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật.

2. Quyền hạn của Quỹ

- a) Tổ chức và hoạt động theo đúng nguyên tắc và mục tiêu hoạt động của Quỹ;
- b) Kiểm tra, giám sát định kỳ và đột xuất việc sử dụng nguồn vốn của Quỹ; thu hồi vốn cho vay, chi phí hỗ trợ đối với tổ chức, cá nhân vi phạm các điều kiện, cam kết đã ký với Quỹ;
- c) Chi đầu tư hạ tầng, trang thiết bị, cơ sở vật chất nhằm thực hiện mục tiêu hoạt động của Quỹ;
- d) Chi cho đầu tư, hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo về dữ liệu theo quy định;
- đ) Ủy thác cho ngân hàng thực hiện cho vay với lãi suất ưu đãi; hỗ trợ chi phí cho tổ chức, cá nhân để thúc đẩy các hoạt động theo mục tiêu của Quỹ;
- e) Tổ chức các hoạt động nâng cao năng lực cho các tổ chức, cá nhân phù hợp với quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan;
- g) Thuê các tổ chức, chuyên gia, nhà khoa học để hỗ trợ hoạt động của Quỹ; hợp tác với các cơ sở giáo dục để hỗ trợ hoạt động đào tạo của Quỹ; thực hiện hoặc sử dụng dịch vụ tư vấn, đánh giá năng lực đối với tổ chức, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo;
- h) Sử dụng ngân sách hoạt động nhàn rỗi của Quỹ để gửi tiết kiệm kỳ hạn tối đa không quá 12 tháng tại các ngân hàng thương mại nhằm mục đích bảo toàn và phát triển ngân sách hoạt động của Quỹ.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

Điều 8. Ngân sách hoạt động của Quỹ

1. Ngân sách nhà nước cấp vốn cho Quỹ là 1.000 tỷ đồng. Căn cứ khả năng cân đối ngân sách, Quỹ được hỗ trợ kinh phí hằng năm để bảo đảm duy trì mức 1.000 tỷ đồng tại thời điểm đầu các năm tài chính.
2. Các nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước hỗ trợ cho Quỹ gồm:
 - a) Thu từ kết quả hoạt động của Quỹ: các khoản lãi cho vay, lãi tiền gửi và các khoản thu khác;
 - b) Các khoản tài trợ, viện trợ, đóng góp, tặng cho của các tổ chức, cá nhân;
 - c) Nguồn khác theo quy định pháp luật.

Chương II CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA QUỸ

Điều 9. Cơ quan quản lý của Quỹ

1. Bộ Công an sử dụng bộ máy của cơ quan chuyên môn tham mưu giúp Bộ Công an quản lý nhà nước về dữ liệu làm cơ quan quản lý Quỹ.
2. Cơ quan quản lý Quỹ gồm có Giám đốc, các Phó giám đốc, Kế toán trưởng, bộ máy giúp việc.
3. Giám đốc Quỹ do Bộ trưởng Bộ Công an bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm, làm việc theo chế độ kiêm nhiệm. Giám đốc Quỹ là người đại diện theo quy định pháp luật của Quỹ; được ký hợp đồng theo quy định của pháp luật đối với một số công việc phục vụ hoạt động của quỹ, chịu trách nhiệm trước pháp luật và Bộ trưởng Bộ Công an.
4. Các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng của Quỹ làm việc theo chế độ kiêm nhiệm do Bộ trưởng Bộ Công an bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo đề nghị của Giám đốc Quỹ.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

5. Bộ máy giúp việc đảm nhiệm các công việc chuyên môn, nghiệp vụ; tham mưu giúp việc cho Giám đốc Quỹ. Bộ máy giúp việc của Quỹ gồm có:

a) Cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân được phân công thực hiện các hoạt động nghiệp vụ của Quỹ theo chế độ kiêm nhiệm hoặc chuyên trách do Giám đốc Quỹ quyết định;

b) Người lao động được Quỹ tuyển dụng dưới hình thức hợp đồng lao động.

6. Chế độ làm việc, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan quản lý Quỹ được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động Quỹ do Bộ trưởng Bộ Công an ban hành.

Điều 10. Hội đồng chuyên gia

1. Giám đốc Quỹ quyết định việc thành lập, cơ cấu, số lượng thành viên Hội đồng chuyên gia của Quỹ để thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ trong một khoảng thời gian được quy định tại quyết định thành lập hoặc tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

2. Hội đồng chuyên gia thẩm định, đánh giá các đề án, dự án, phương án sản xuất kinh doanh, chương trình đề nghị cho vay, hỗ trợ, đầu tư của các tổ chức, cá nhân; tư vấn cho Giám đốc Quỹ về các hoạt động khác.

3. Thành viên Hội đồng chuyên gia bao gồm: Phó Giám đốc Quỹ, các chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý trong nước và nước ngoài có uy tín, có trình độ chuyên môn cao, được lựa chọn từ danh sách chuyên gia của Quỹ trên cơ sở thành tích chuyên môn, tín nhiệm của các nhà khoa học, nhà quản lý trong lĩnh vực chuyên môn về dữ liệu, tài chính, công nghệ thông tin.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

4. Hội đồng chuyên gia hoạt động theo nguyên tắc dân chủ, khách quan, trung thực, tuân thủ pháp luật. Giám đốc Quỹ ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng chuyên gia.

5. Chi phí hoạt động của Hội đồng chuyên gia, chi phí thuê chuyên gia được sử dụng từ nguồn ngân sách hoạt động của Quỹ.

Chương III

HOẠT ĐỘNG TIẾP NHẬN, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG TÀI TRỢ, VIỆN TRỢ, ĐÓNG GÓP, NHẬN ỦY THÁC, TẶNG CHO

Điều 11. Phương thức tiếp nhận khoản tài trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho

1. Đối với tài trợ, đóng góp, tặng cho bằng tiền: bên tài trợ, đóng góp, tặng cho bằng tiền mặt hoặc thực hiện chuyển khoản cho Quỹ thông qua tài khoản của Quỹ mở tại ngân hàng thương mại.

2. Đối với tài trợ, đóng góp, tặng cho bằng hiện vật hoặc hình thức khác thì thực hiện theo thỏa thuận giữa Quỹ và bên tài trợ, đóng góp, tặng cho và được thể hiện tại văn kiện, hồ sơ nhận tài trợ, đóng góp, tặng cho.

3. Đối với ủy thác cho Quỹ: bên ủy thác sẽ chuyển khoản tiền ủy thác bằng đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ khác cho Quỹ thông qua tài khoản của Quỹ mở tại ngân hàng thương mại.

Điều 12. Thẩm quyền phê duyệt và chuẩn bị văn kiện, hồ sơ tài trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho

1. Thẩm quyền phê duyệt khoản tài trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho được thực hiện như sau:



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

a) Bộ trưởng Bộ Công an quyết định phê duyệt việc tài trợ, đóng góp, ủy thác, tặng cho của các tổ chức, cá nhân nước ngoài. Trường hợp tài trợ, đóng góp, ủy thác, tặng cho không đủ điều kiện tiếp nhận, Bộ Công an thông báo cho bên tài trợ, đóng góp, ủy thác, tặng cho về việc không tiếp nhận;

b) Giám đốc Quỹ quyết định phê duyệt việc nhận tài trợ, đóng góp, ủy thác, tặng cho của các tổ chức, cá nhân Việt Nam. Trường hợp tài trợ, đóng góp, ủy thác, tặng cho không đủ điều kiện tiếp nhận, Quỹ thông báo cho bên tài trợ, đóng góp, ủy thác, tặng cho về việc không tiếp nhận.

2. Đối với khoản tài trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Công an:

a) Quỹ chủ trì chuẩn bị văn kiện, hồ sơ tiếp nhận tài trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho;

b) Quỹ có nhiệm vụ phối hợp với các tổ chức trong nước và bên tài trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho trong quá trình lập văn kiện, hồ sơ.

3. Đối với khoản tài trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho thuộc thẩm quyền phê duyệt của Giám đốc Quỹ, Quỹ phối hợp với các tổ chức trong nước và bên tài trợ, đóng góp, ủy thác, tặng cho trong quá trình lập văn kiện, hồ sơ.

4. Quỹ có trách nhiệm triển khai, bảo đảm về tiến độ, chất lượng và nội dung văn kiện, hồ sơ tài trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho.

Điều 13. Nội dung của văn kiện tiếp nhận tài trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho

Văn kiện tiếp nhận tài trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

1. Bối cảnh và sự cần thiết của việc tiếp nhận tài trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho, trong đó nêu rõ những vấn đề mà khoản tài trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho sẽ được sử dụng để giải quyết.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

2. Mục tiêu dài hạn (nếu có) và mục tiêu ngắn hạn của tài trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho.
3. Những kết quả dự kiến của việc sử dụng khoản tài trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho và các chỉ số đo lường các kết quả đó.
4. Thời gian thực hiện tài trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho và địa bàn thực hiện.
5. Cam kết, điều kiện đối với khoản tài trợ, đóng góp của bên tài trợ, đóng góp, khoản ủy thác của bên ủy thác; nghĩa vụ và cam kết của Quỹ để sử dụng khoản tài trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho.
6. Tổng giá trị và cơ cấu vốn của tài trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho.
7. Vốn đối ứng và nguồn bảo đảm (nếu có).
8. Phương thức tổ chức, quản lý và thực hiện khoản tài trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho.
9. Phương án thực hiện tài trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho.
10. Hiệu quả, khả năng vận dụng kết quả thực hiện vào thực tiễn và tính bền vững của việc thực hiện tài trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho.

Điều 14. Thẩm định khoản tài trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho

1. Văn kiện, hồ sơ khoản tài trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho phải được thẩm định để làm cơ sở phê duyệt, ký kết và thực hiện.
2. Bộ Công an giao một đơn vị chức năng trực thuộc chủ trì tổ chức thẩm định khoản tài trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho đối với trường hợp thẩm quyền phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Công an.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

3. Quỹ chủ trì tổ chức thẩm định tài trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho thuộc thẩm quyền phê duyệt của Giám đốc Quỹ.

4. Đơn vị chủ trì thẩm định được mời các đơn vị chuyên môn, các tổ chức tư vấn và chuyên gia tư vấn độc lập để hỗ trợ thẩm định văn kiện, hồ sơ tài trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho.

5. Đơn vị chủ trì thẩm định lập hồ sơ thẩm định khoản tài trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho bao gồm:

- a) Văn bản trình phê duyệt của Quỹ về văn kiện, hồ sơ tài trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho;
- b) Văn bản của bên tài trợ, đóng góp, ủy thác đồng ý về nội dung khoản tài trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho;
- c) Văn bản xác nhận giá trị của tài sản được tài trợ, đóng góp và chứng thư thẩm định giá đối với tài sản được tài trợ, đóng góp, tặng cho được cấp bởi tổ chức thẩm định giá hợp pháp và đủ năng lực được Việt Nam công nhận (nếu có);
- d) Báo cáo thẩm định;
- đ) Tài liệu khác có liên quan (nếu có).

6. Nội dung chính của báo cáo thẩm định:

- a) Sự phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành của các số liệu, luận cứ, tính toán, kết luận và đề xuất nêu trong hồ sơ được thẩm định;
- b) Tính khả thi của khoản tài trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho;
- c) Tính hợp lý của việc sử dụng khoản tài trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho cho các hoạt động của Quỹ;
- d) Những vấn đề bất cập, tồn tại, hướng xử lý, biện pháp xử lý, tổ chức có trách nhiệm xử lý và thời hạn xử lý;



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

- d) Những cam kết trong trường hợp thay đổi cơ chế, chính sách, sự khác biệt về thủ tục tiếp nhận và thực hiện khoản tài trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho, các yêu cầu và điều kiện của bên tài trợ, đóng góp, ủy thác, tặng cho (nếu có);
- e) Năng lực tổ chức, quản lý thực hiện (bao gồm cả năng lực tài chính) của Quỹ;
- g) Hiệu quả, khả năng vận dụng kết quả thực hiện vào thực tiễn và tính bền vững của việc thực hiện khoản tài trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho;
- h) Những ý kiến đã được thống nhất hoặc còn khác nhau giữa các bên liên quan;
- i) Đề xuất về việc Quỹ được tiếp nhận và thực hiện khoản tài trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho;
- k) Thời hạn hoàn thiện hồ sơ khoản tài trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho;
- l) Thông tin về việc đăng ký hoạt động, đăng ký kinh doanh và tư cách pháp nhân của tổ chức là bên tài trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho hoặc thông tin hợp pháp về cá nhân là bên tài trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho tại Việt Nam.

7. Trong quá trình thẩm định, đơn vị chủ trì thẩm định báo cáo cấp có thẩm quyền gửi văn bản xin ý kiến các cơ quan, đơn vị có liên quan. Các cơ quan, đơn vị tham gia thẩm định chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thẩm định thuộc phạm vi trách nhiệm quản lý của mình.

Điều 15. Ký kết việc tiếp nhận tài trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho

1. Văn bản, quyết định phê duyệt tiếp nhận tài trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho gồm những nội dung chính sau:
 - a) Tên khoản tài trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho;



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

b) Bên tiếp nhận khoản tài trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho: Quỹ Phát triển dữ liệu quốc gia; Tên tổ chức, cá nhân là bên tài trợ, đóng góp, ủy thác, tặng cho;

c) Mục tiêu và kết quả chủ yếu của khoản tài trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho;

d) Thời gian và địa bàn thực hiện;

đ) Tổng giá trị và cơ cấu vốn của khoản tài trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho.

2. Ký kết văn kiện, hồ sơ tài trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho:

a) Việc ký kết văn kiện, thỏa thuận tài trợ, đóng góp, ủy thác, tặng cho chỉ tiến hành sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt tiếp nhận khoản tài trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho và được Quỹ thông báo chính thức bằng văn bản cho bên tài trợ, đóng góp, ủy thác, tặng cho;

b) Giám đốc Quỹ thực hiện ký kết văn kiện, thỏa thuận tài trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho với bên tài trợ, đóng góp, ủy thác, tặng cho theo quy định;

c) Công bố thông tin: trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ký kết văn kiện, hồ sơ tài trợ, đóng góp, nhận ủy thác, Quỹ có trách nhiệm công bố thông tin trên Trang thông tin điện tử của Quỹ và tại trụ sở Quỹ.

Điều 16. Tiếp nhận tài trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho

1. Đối với tài trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho bằng tiền:

a) Quỹ mở sổ kế toán chi tiết để theo dõi riêng số tiền được tài trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho;

b) Quỹ mở tài khoản tại ngân hàng thương mại để tiếp nhận đối với khoản tài trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho được chuyển khoản.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

2. Đối với tài trợ, đóng góp, tặng cho bằng hiện vật hoặc hình thức khác:

Quỹ có trách nhiệm thực hiện các thủ tục nhận bàn giao, chuẩn bị các điều kiện để bảo quản hiện vật hoặc hình thức khác được tài trợ, đóng góp, tặng cho bảo đảm thuận lợi, nhanh chóng.

Điều 17. Điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung văn kiện, hồ sơ, quyết định phê duyệt tài trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho trong quá trình thực hiện

1. Đối với các tài trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho do Bộ trưởng Bộ Công an phê duyệt:

a) Việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung được thực hiện khi thay đổi các mục tiêu dài hạn (nếu có) và mục tiêu ngắn hạn, phương thức tổ chức, quản lý và thực hiện, các kết quả chủ yếu và địa bàn thực hiện của khoản tài trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho đã được phê duyệt hoặc các điều chỉnh về tiến độ thực hiện quá 24 tháng so với thời gian đã được phê duyệt phải báo cáo Bộ trưởng Bộ Công an xem xét, quyết định;

b) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được đề xuất điều chỉnh, đơn vị chủ trì thẩm định tài trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho trình Bộ trưởng Bộ Công an quyết định điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung đối với tài trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho.

2. Đối với tài trợ đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho do Giám đốc Quỹ phê duyệt:

a) Những điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung làm cho khoản tài trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho trở thành một trong các trường hợp thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Công an thì đơn vị chủ trì thẩm định tài trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho chủ trì, phối hợp với Quỹ báo cáo Bộ trưởng Bộ Công an xem xét, quyết định;

b) Các điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung không thuộc quy định tại điểm a khoản này do Giám đốc Quỹ quyết định;



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

c) Trong thời hạn 10 ngày sau khi chấp thuận việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung đối với tài trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho Giám đốc Quỹ ban hành quyết định điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung đối với khoản tài trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho.

Điều 18. Sử dụng nguồn tài trợ, viện trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho

Quỹ sử dụng nguồn tài trợ, viện trợ, đóng góp, nhận ủy thác, tặng cho và lợi nhuận phát sinh từ các nguồn này để thực hiện các hoạt động sau:

1. Bổ sung vào nguồn ngân sách hoạt động của Quỹ.
2. Cho vay, hỗ trợ, đầu tư theo quy định tại Chương IV Nghị định này và yêu cầu của bên ủy thác, nhà tài trợ bảo đảm phù hợp với quy định của Nghị định này.

Chương IV

HOẠT ĐỘNG ỦY THÁC CHO VAY, HỖ TRỢ, ĐẦU TƯ

Mục 1. ỦY THÁC CHO VAY

Điều 19. Phương thức ủy thác cho vay

1. Quỹ ủy thác cho ngân hàng thương mại có vốn nhà nước, ngân hàng chính sách (sau đây gọi tắt là ngân hàng) để thực hiện cho vay.
2. Việc ngân hàng nhận ủy thác từ Quỹ được thực hiện theo quy định của pháp luật về hoạt động ủy thác, nhận ủy thác của tổ chức tín dụng và theo thỏa thuận giữa Quỹ và ngân hàng.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

3. Việc cho vay được thực hiện bằng hình thức cho vay có bảo đảm.

Điều 20. Đối tượng và điều kiện vay vốn của Quỹ

1. Đối tượng được vay vốn của Quỹ gồm:

- a) Tổ chức cung cấp sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu;
- b) Tổ chức thực hiện dự án sản xuất, kinh doanh về ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý, sử dụng dữ liệu;
- c) Tổ chức thực hiện dự án phát triển công nghệ dữ liệu.

2. Đối tượng vay vốn của Quỹ phải đáp ứng các điều kiện sau:

- a) Có tư cách pháp nhân được thành lập theo quy định pháp luật Việt Nam;
- b) Tại thời điểm đề nghị cho vay, không có các khoản nợ thuế, nợ xấu tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

3. Dự án sản xuất, kinh doanh quy định tại khoản 1 Điều này phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- a) Công nghệ của dự án thuộc quyền sử dụng hợp pháp của tổ chức và không thuộc danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao hoặc danh mục công nghệ cấm chuyển giao;
- b) Sản phẩm của dự án được sản xuất và lưu thông theo quy định của pháp luật.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

Điều 21. Lãi suất ủy thác cho vay, phí ủy thác cho vay

1. Lãi suất cho vay ngắn, trung, dài hạn bằng 80% mức thấp nhất lãi suất cho vay thương mại tương ứng. Mức thấp nhất lãi suất cho vay thương mại được xác định trên cơ sở so sánh lãi suất cho vay bình quân của 04 ngân hàng thương mại có vốn nhà nước và có tổng tài sản lớn nhất tại thời điểm xác định lãi suất cho vay của Quỹ.
2. Hằng năm hoặc trong từng thời kỳ, căn cứ nguyên tắc xác định lãi suất quy định tại khoản 1 Điều này, Giám đốc Quỹ công bố mức lãi suất cho vay của Quỹ.
3. Phí ủy thác cho vay là khoản tiền Quỹ phải trả cho ngân hàng để thực hiện việc ủy thác cho vay, do hai bên thỏa thuận, phù hợp với quy định pháp luật.

Điều 22. Mức cho vay, thời hạn cho vay

1. Tổng mức cho vay của Quỹ đối với một tổ chức không được vượt quá 15% ngân sách hoạt động thực có của Quỹ tại mọi thời điểm.
2. Thời hạn cho vay được xác định phù hợp với khả năng thu hồi vốn, khả năng trả nợ của tổ chức và điều kiện cụ thể của từng dự án sản xuất, kinh doanh nhưng tối đa không quá 05 năm.

Điều 23. Hồ sơ, trình tự, thủ tục ủy thác cho vay

1. Tổ chức nộp hồ sơ đề nghị vay vốn theo quy định của pháp luật.
2. Ngân hàng có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ đề nghị vay vốn, thẩm định hồ sơ cho vay đối với đối tượng đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định này. Trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, ngân hàng thẩm định hồ sơ và thông báo cho Quỹ kết quả xử lý hồ sơ.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

3. Sau khi thẩm định hồ sơ cho vay, ngân hàng có trách nhiệm gửi cho Quỹ hồ sơ đề nghị ủy thác cho vay, bao gồm:

- a) Văn bản đề nghị ủy thác cho vay của ngân hàng;
- b) Hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này;
- c) Hồ sơ dự án sản xuất kinh doanh và các tài liệu khác chứng minh tổ chức có đủ điều kiện vay vốn theo quy định tại Điều 20 Nghị định này.

4. Quỹ có trách nhiệm tiếp nhận, đánh giá hồ sơ đề nghị ủy thác cho vay và quyết định phê duyệt hồ sơ đề nghị ủy thác cho vay của ngân hàng. Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày Quỹ nhận được đủ hồ sơ hợp lệ từ ngân hàng, Quỹ có văn bản thông báo cho ngân hàng về việc đồng ý hoặc từ chối phê duyệt hồ sơ đề nghị ủy thác. Trường hợp từ chối phê duyệt, Quỹ thông báo cho ngân hàng bằng văn bản và nêu rõ lý do từ chối.

5. Sau khi phê duyệt hồ sơ đề nghị ủy thác cho vay của ngân hàng, Quỹ có trách nhiệm thực hiện việc chuyển vốn ủy thác cho ngân hàng.

Điều 24. Thỏa thuận ủy thác cho vay

1. Thỏa thuận ủy thác cho vay giữa Quỹ và ngân hàng phải được lập thành hợp đồng, gồm các nội dung sau:

- a) Thông tin về pháp nhân của Quỹ và ngân hàng, địa điểm, thời điểm ký hợp đồng;
- b) Các thỏa thuận về số tiền cho vay, mục đích sử dụng vốn vay, thời hạn cho vay, đồng tiền cho vay, lãi suất cho vay, tài sản bảo đảm, nhận vốn vay, hoàn trả vốn, thu hồi lãi, gốc cho vay, chuyển nợ quá hạn, cơ cấu lại thời hạn trả nợ, hiệu lực của thỏa thuận ủy thác cho vay;



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

c) Mục đích ủy thác cho vay; phạm vi, nội dung ủy thác cho vay; thời hạn ủy thác cho vay; phí ủy thác cho vay; vốn ủy thác; thời gian giao vốn ủy thác; đồng tiền thực hiện ủy thác (nếu có); chấm dứt hợp đồng trước hạn; xử lý tranh chấp;

d) Quyền, nghĩa vụ của bên ủy thác, bên nhận ủy thác, trong đó phải quy định rõ bên ủy thác chịu mọi rủi ro và hưởng mọi lợi ích từ hoạt động ủy thác, bên nhận ủy thác được hưởng phí ủy thác.

2. Ngoài các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này, các bên có thể thỏa thuận các nội dung khác phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan.

3. Thỏa thuận cho vay giữa ngân hàng và khách hàng phải phù hợp với thỏa thuận ủy thác cho vay giữa Quỹ và ngân hàng và quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 25. Nguyên tắc xử lý rủi ro cho vay

1. Việc xem xét xử lý rủi ro phải căn cứ vào nguyên nhân dẫn đến rủi ro, mức độ rủi ro, tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, khả năng trả nợ của tổ chức. Giám đốc Quỹ có trách nhiệm ban hành Quy chế về xử lý rủi ro cho vay bao gồm tối thiểu các nội dung sau:

- a) Nguyên tắc xử lý rủi ro;
- b) Các trường hợp, biện pháp xử lý rủi ro;
- c) Thẩm quyền xử lý rủi ro;
- d) Hồ sơ, trình tự thủ tục xử lý rủi ro;
- đ) Sử dụng dự phòng rủi ro;
- e) Chế độ thông tin, báo cáo và trách nhiệm của các cơ quan liên quan trong xử lý rủi ro của Quỹ.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

2. Việc xử lý rủi ro được thực hiện theo hướng giảm thiệt hại tối đa cho nhà nước và gần trách nhiệm của Quỹ, bên vay và các tổ chức liên quan trong việc thu hồi khoản trả nợ vay.

3. Quỹ xem xét, quyết định chuyển các khoản ủy thác cho vay thành khoản hỗ trợ cho doanh nghiệp trong trường hợp thu hồi vốn thấp hơn mức ủy thác cho vay hoặc không thu hồi được do doanh nghiệp được đầu tư phá sản, kinh doanh thua lỗ hoặc nợ âm vốn chủ sở hữu.

4. Hội đồng chuyên gia Quỹ có trách nhiệm tham mưu, đề xuất với Giám đốc Quỹ xem xét, quyết định xử lý đối với các trường hợp thu hồi vốn thấp hơn mức ủy thác cho vay hoặc không thu hồi được do doanh nghiệp được đầu tư phá sản, kinh doanh thua lỗ hoặc nợ âm vốn chủ sở hữu.

5. Quỹ dừng hoạt động ủy thác cho vay trước thời hạn khi có vi phạm hợp đồng, thỏa thuận ủy thác cho vay hoặc khi không bảo đảm các điều kiện trong thỏa thuận ủy thác cho vay.

Mục 2. HỖ TRỢ CHI PHÍ

Điều 26. Hạng mục hỗ trợ chi phí

1. Hỗ trợ sinh hoạt phí cho nghiên cứu sinh, nhà khoa học thuộc các tổ chức khoa học và công nghệ có công trình nghiên cứu đáp ứng điều kiện, tiêu chí quy định tại Điều 27 Nghị định này với mức hỗ trợ là 10 triệu đồng/01 tháng.

2. Hỗ trợ chi phí mua tài nguyên dữ liệu cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, cá nhân, nhóm cá nhân đáp ứng điều kiện, tiêu chí tại Điều 27 Nghị định này với mức hỗ trợ tối đa 01 tỷ đồng/01 dự án, công trình nghiên cứu.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

3. Hỗ trợ chi phí thuê khu làm việc, cơ sở ươm tạo thực hiện hoạt động nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học dữ liệu cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, cá nhân, nhóm cá nhân đáp ứng điều kiện tại Điều 27 Nghị định này với mức hỗ trợ tối đa 01 tỷ đồng/01 dự án, công trình nghiên cứu.

4. Hỗ trợ chi phí cho công tác nghiên cứu, xây dựng chính sách, pháp luật và hoàn thiện thể chế, hệ thống pháp luật về dữ liệu phục vụ phát triển dữ liệu quốc gia, chuyển đổi số quốc gia với mức hỗ trợ tối đa 01 tỷ đồng/01 dự án, công trình nghiên cứu.

5. Hỗ trợ chi phí thuê, mua hạ tầng công nghệ thông tin, công cụ phục vụ hoạt động xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý dữ liệu cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, cá nhân, nhóm cá nhân đáp ứng điều kiện tại Điều 27 Nghị định này với mức hỗ trợ tối đa 01 tỷ đồng/01 dự án, công trình nghiên cứu.

6. Hỗ trợ chi trả tiền lãi suất vay đối với các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định này có vay vốn của các tổ chức tín dụng để thực hiện dự án phục vụ xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý dữ liệu, mức hỗ trợ lãi suất là 2%/năm và không quá 01 tỷ đồng/01 dự án, công trình nghiên cứu, trừ trường hợp đã được vay vốn từ Quỹ.

Điều 27. Điều kiện, tiêu chí nhận hỗ trợ

1. Có công trình nghiên cứu liên quan đến hoạt động xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý dữ liệu được tổ chức khoa học và công nghệ phê duyệt nhiệm vụ khi triển khai thực hiện.

2. Có dự án sản xuất, kinh doanh khả thi, khai thác các tài sản trí tuệ được quy định tại Luật Sở hữu trí tuệ hoặc công nghệ mới được quy định tại Luật Chuyển giao công nghệ hoặc mô hình kinh doanh mới có liên quan đến hoạt động xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý dữ liệu.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

Điều 28. Bồi hoàn hỗ trợ chi phí

1. Tổ chức, cá nhân đã nhận hỗ trợ chi phí phải bồi hoàn số tiền hỗ trợ chi phí trong các trường hợp sau:

- a) Không đáp ứng tiêu chí và điều kiện quy định tại Nghị định này;
- b) Giả mạo hồ sơ, sử dụng chứng từ bất hợp pháp, kê khai không chính xác thông tin dẫn đến việc được hưởng hỗ trợ chi phí.

2. Tổ chức, cá nhân phải hoàn lại toàn bộ số tiền hỗ trợ chi phí đã nhận, cộng với khoản tiền lãi tính trên số tiền hỗ trợ đã nhận với lãi suất bằng bình quân lãi suất huy động kỳ hạn 12 tháng công bố tại thời điểm bồi hoàn của 04 ngân hàng thương mại có vốn nhà nước và có tổng tài sản lớn nhất tại thời điểm xác định nghĩa vụ bồi hoàn và chịu mức phạt theo thỏa thuận, trừ trường hợp luật liên quan có quy định khác.

3. Số ngày tính lãi quy định tại Điều này được tính từ ngày tổ chức, cá nhân nhận số tiền hỗ trợ chi phí đến ngày tổ chức, cá nhân nộp tiền bồi hoàn hỗ trợ chi phí, tiền lãi, tiền nộp phạt vào Quỹ.

4. Thời hạn phải nộp tiền bồi hoàn hỗ trợ chi phí, tiền lãi, tiền nộp phạt căn cứ theo quyết định yêu cầu bồi hoàn của Quỹ. Trường hợp quá thời hạn theo quyết định yêu cầu bồi hoàn của Quỹ mà tổ chức, cá nhân chưa nộp tiền bồi hoàn vào Quỹ, Quỹ có văn bản đề nghị cơ quan có thẩm quyền áp dụng quy định của pháp luật để buộc tổ chức, cá nhân bồi hoàn khoản tiền hỗ trợ.

5. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm nộp toàn bộ tiền bồi hoàn hỗ trợ chi phí, tiền lãi và tiền nộp phạt theo quy định.

Điều 29. Hồ sơ, trình tự, thủ tục hỗ trợ chi phí

1. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ gồm có:



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

a) Văn bản đề nghị hỗ trợ gồm các thông tin sau: Tên tổ chức, cá nhân đề nghị hỗ trợ; mã định danh cá nhân/tổ chức hoặc số hộ chiếu; địa chỉ liên hệ; số điện thoại liên hệ; hạng mục đề nghị hỗ trợ theo quy định tại Điều 26 Nghị định này và các nội dung khác (nếu có);

b) Hồ sơ về công trình nghiên cứu, dự án của tổ chức, cá nhân và các văn bản, tài liệu chứng minh tổ chức, cá nhân đáp ứng đủ điều kiện, tiêu chí nhận hỗ trợ quy định tại Điều 27 Nghị định này.

2. Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ chi phí tại trụ sở của Quỹ hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua phương thức điện tử khác.

3. Quỹ tiếp nhận, thẩm định tính đầy đủ của hồ sơ đề nghị hỗ trợ; thẩm định tính khả thi của dự án và các điều kiện hỗ trợ; ra quyết định hỗ trợ và thông báo cho tổ chức, cá nhân. Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày Quỹ nhận được đủ hồ sơ hợp lệ từ tổ chức, cá nhân, Quỹ có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân liên quan về việc đồng ý hoặc từ chối phê duyệt hồ sơ đề nghị hỗ trợ chi phí. Trường hợp từ chối hỗ trợ, Quỹ phải có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân về lý do từ chối.

4. Quỹ có trách nhiệm ban hành quy trình thẩm định, ra quyết định hỗ trợ, giải ngân vốn hỗ trợ theo nguyên tắc bảo đảm phân định rõ trách nhiệm, nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân liên quan trong quá trình thẩm định, quyết định hỗ trợ và giải ngân vốn hỗ trợ.

5. Hội đồng chuyên gia thẩm định, kiểm tra hồ sơ tham mưu cho người có thẩm quyền xem xét, ra quyết định hỗ trợ chi phí. Quỹ được thuê tư vấn độc lập để tư vấn hỗ trợ.

6. Đồng tiền hỗ trợ chi phí là Đồng Việt Nam.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

Điều 30. Thỏa thuận hỗ trợ chi phí

Thỏa thuận hỗ trợ chi phí giữa Quỹ và tổ chức, cá nhân phải được lập thành văn bản, bảo đảm tuân thủ các quy định tại Nghị định này và gồm các nội dung cơ bản sau:

1. Thông tin về Quỹ và tổ chức, cá nhân nhận hỗ trợ, địa điểm, thời điểm ký thỏa thuận.
2. Các thỏa thuận về hình thức hỗ trợ, số tiền hỗ trợ, mục đích sử dụng khoản hỗ trợ, giải ngân khoản hỗ trợ, hiệu lực của hợp đồng hỗ trợ.
3. Quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm của từng bên; cách thức giải quyết tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện và các thỏa thuận khác theo yêu cầu quản lý của Quỹ.

Điều 31. Nghiệm thu hỗ trợ chi phí

1. Căn cứ hồ sơ nghiệm thu hỗ trợ chi phí của tổ chức, cá nhân, Quỹ tiến hành nghiệm thu hỗ trợ chi phí.
2. Hồ sơ nghiệm thu hỗ trợ chi phí gồm có:
 - a) Văn bản đề nghị nghiệm thu hỗ trợ của tổ chức, cá nhân;
 - b) Các văn bản, tài liệu, chứng từ thanh toán liên quan đến việc sử dụng chi phí được hỗ trợ.
3. Quỹ tiếp nhận, đánh giá đầy đủ hồ sơ nghiệm thu hỗ trợ chi phí; đánh giá và nghiệm thu hỗ trợ chi phí.
4. Quỹ có trách nhiệm ban hành quy trình đánh giá, nghiệm thu hỗ trợ chi phí bảo đảm nguyên tắc bình đẳng, công khai.
5. Hằng năm, tổ chức, cá nhân nhận hỗ trợ có trách nhiệm gửi Quỹ báo cáo về tình hình nghiên cứu, thực hiện dự án đã nhận hỗ trợ hoặc báo cáo tài chính của tổ chức.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

6. Tổ chức, cá nhân nhận hỗ trợ chi phí của Quỹ có trách nhiệm ghi nhận sự hỗ trợ của Quỹ trong các kết quả nghiên cứu được công bố (ghi rõ “Nghiên cứu được tài trợ bởi Quỹ Phát triển dữ liệu quốc gia”), chịu trách nhiệm về nội dung công bố theo pháp luật về khoa học và công nghệ, xuất bản, sở hữu trí tuệ và các quy định khác của pháp luật Việt Nam.

Mục 3. HỖ TRỢ NÂNG CAO NĂNG LỰC

Điều 32. Các hình thức hỗ trợ nâng cao năng lực

Căn cứ vào vốn hoạt động và kế hoạch hoạt động hàng năm, Quỹ thực hiện một số hình thức hỗ trợ nâng cao năng lực như sau:

1. Tổ chức hội thảo, triển lãm, cuộc thi, truyền thông, đào tạo, tập huấn, tư vấn liên quan đến lĩnh vực khoa học dữ liệu.
2. Thực hiện xúc tiến thương mại.
3. Thúc đẩy hợp tác quốc tế trong lĩnh vực dữ liệu thông qua các chương trình nghiên cứu, trao đổi chuyên gia và tổ chức sự kiện quốc tế; ưu tiên hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước tiếp nhận chuyên gia công nghệ liên quan đến dữ liệu từ các đối tác quốc tế.
4. Khen thưởng tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý dữ liệu; tổ chức, cá nhân tự nguyện đóng góp dữ liệu thuộc quyền sở hữu cho cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

Điều 33. Quản lý hoạt động hỗ trợ nâng cao năng lực

1. Bộ trưởng Bộ Công an quy định về quản lý hoạt động hỗ trợ nâng cao năng lực quy định tại Điều 32 Nghị định này.
2. Tổng mức hỗ trợ nâng cao năng lực trong năm của Quỹ không vượt quá 30% vốn thực có vào đầu năm tài chính.

Mục 4. HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Điều 34. Quy định chung về đầu tư của Quỹ

1. Hoạt động đầu tư của Quỹ đối với mỗi dự án có thời hạn không quá 05 năm.
2. Không góp vốn, đầu tư vào lĩnh vực bất động sản; không được góp vốn, mua cổ phần tại ngân hàng, công ty bảo hiểm, công ty chứng khoán, quỹ đầu tư mạo hiểm, quỹ đầu tư chứng khoán hoặc công ty đầu tư chứng khoán, trừ những trường hợp đặc biệt theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
3. Không được góp vốn, mua cổ phần, mua toàn bộ doanh nghiệp khác mà người quản lý, người đại diện tại doanh nghiệp đó người có quan hệ gia đình theo quy định tại Luật Doanh nghiệp với Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng của Quỹ.

Không được góp vốn cùng công ty con để thành lập công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh.
4. Quỹ không được sử dụng tài sản do Quỹ đang đi thuê hoạt động, đi mượn, nhận giữ hộ, ký gửi để đầu tư ra ngoài Quỹ.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

5. Quỹ thực hiện đầu tư phải phù hợp với mục tiêu hoạt động của Quỹ và chỉ chịu trách nhiệm về khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Quỹ trong phạm vi số vốn đã đầu tư.

Điều 35. Đối tượng đầu tư

1. Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo cung cấp sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu.
2. Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thực hiện dự án sản xuất, kinh doanh về ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý, sử dụng dữ liệu.

Điều 36. Hình thức, điều kiện và mức đầu tư của Quỹ

1. Hình thức đầu tư của Quỹ
 - a) Góp vốn thành lập;
 - b) Mua cổ phần, phần vốn góp của doanh nghiệp.
2. Điều kiện và mức đầu tư
 - a) Các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thuộc đối tượng quy định tại Điều 35 Nghị định này là những doanh nghiệp chưa niêm yết trên sàn chứng khoán; không phải là công ty đại chúng; có vốn điều lệ trên 02 tỷ đồng;
 - b) Mức đầu tư: Quỹ đầu tư 01 tỷ đồng/01 doanh nghiệp.

Điều 37. Xử lý rủi ro đầu tư

1. Quỹ xem xét, quyết định chuyển các khoản đầu tư thành khoản hỗ trợ cho doanh nghiệp trong trường hợp thu hồi vốn thấp hơn mức đầu tư hoặc không thu hồi được do doanh nghiệp được đầu tư phá sản, kinh doanh thua lỗ hoặc nợ âm vốn chủ sở hữu.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

2. Hội đồng chuyên gia Quỹ có trách nhiệm tham mưu, đề xuất với Giám đốc Quỹ xem xét, quyết định xử lý đối với các trường hợp thu hồi vốn thấp hơn mức đầu tư hoặc không thu hồi được do doanh nghiệp được đầu tư phá sản, kinh doanh thua lỗ hoặc nợ âm vốn chủ sở hữu.

3. Quỹ thoái vốn đầu tư trước thời hạn khi có vi phạm hợp đồng, thỏa thuận đầu tư hoặc khi không bảo đảm các điều kiện trong thỏa thuận đầu tư.

Chương V

QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

Điều 38. Nguyên tắc quản lý và sử dụng vốn, tài sản, doanh thu, chi phí và phân phối kết quả hoạt động của Quỹ

1. Quỹ phải quản lý và sử dụng vốn theo nguyên tắc đúng mục đích, có hiệu quả.
2. Doanh thu và chi phí của Quỹ phải được quản lý chặt chẽ, bảo đảm tính đúng đắn, trung thực và hợp pháp; phải có đầy đủ hồ sơ, chứng từ theo quy định của pháp luật và phản ánh đầy đủ trong sổ kế toán theo chế độ kế toán áp dụng và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 39. Quản lý tài sản

1. Quỹ xây dựng Quy chế quản lý hoạt động mua sắm và quản lý tài sản cố định, trình Giám đốc Quỹ phê duyệt theo quy định tại Điều lệ Quỹ và các quy định pháp luật có liên quan. Quy chế phải xác định rõ việc phối hợp của từng bộ phận quản lý trong Quỹ, quy định rõ trách nhiệm bồi thường của từng bộ phận, cá nhân đối với các trường hợp làm hư hỏng, mất mát, gây tổn thất tài sản, thiệt hại cho Quỹ.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

2. Mua sắm tài sản cố định của Quỹ

- a) Giám đốc Quỹ quyết định đầu tư, mua sắm tài sản cố định, tiêu chuẩn, định mức, trình tự, thủ tục đầu tư, mua sắm và sửa chữa tài sản cố định của Quỹ bảo đảm công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả;
- b) Việc mua sắm tài sản cố định phục vụ cho hoạt động của Quỹ thực hiện theo nguyên tắc giá trị còn lại của tổng tài sản cố định không vượt quá 05% ngân sách hoạt động của Quỹ tại thời điểm mua sắm.

3. Nguyên tắc trích khấu hao, chế độ quản lý, sử dụng và thời gian trích khấu hao tài sản cố định: Quỹ thực hiện theo quy định về khấu hao tài sản cố định áp dụng đối với doanh nghiệp.

4. Thuê, cho thuê tài sản cố định

- a) Quỹ được quyền thuê, cho thuê tài sản cố định theo nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn theo quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp;
- b) Giám đốc Quỹ quyết định thuê, cho thuê tài sản cố định của Quỹ.

5. Thanh lý, nhượng, bán tài sản cố định

- a) Quỹ được quyền chủ động thanh lý, nhượng, bán tài sản cố định đã hư hỏng, lạc hậu kỹ thuật, không có nhu cầu sử dụng, không sử dụng được hoặc sử dụng không hiệu quả để thu hồi vốn theo nguyên tắc công khai, minh bạch, bảo đảm an toàn vốn;
- b) Giám đốc Quỹ quyết định thanh lý, nhượng, bán tài sản cố định của Quỹ;
- c) Trình tự, thủ tục thanh lý, nhượng bán tài sản cố định của Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật áp dụng đối với doanh nghiệp.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

6. Kiểm kê tài sản và đánh giá lại tài sản cố định

- a) Quỹ phải tổ chức kiểm kê định kỳ hoặc đột xuất để xác định số lượng tài sản cố định trong các trường hợp: khi khóa sổ kế toán để lập báo cáo tài chính năm; sau khi xảy ra thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ hoặc nguyên nhân khách quan khác gây ra biến động tài sản của Quỹ; theo quy định của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- b) Đối với tài sản thừa, thiếu, phải xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có liên quan và xác định mức bồi thường vật chất theo quy định của pháp luật;
- c) Quỹ phải thực hiện đánh giá lại tài sản theo quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp. Các khoản chênh lệch tăng hoặc giảm giá trị do đánh giá lại tài sản thực hiện theo quy định đối với từng trường hợp cụ thể.

7. Khi bị tổn thất về tài sản, Quỹ phải xác định giá trị tài sản bị tổn thất, nguyên nhân, trách nhiệm và xử lý như sau:

- a) Xác định rõ nguyên nhân khách quan (thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ) và nguyên nhân chủ quan;
- b) Nếu do nguyên nhân chủ quan thì doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất phải bồi thường, xử lý theo quy định của pháp luật. Quỹ quy định cụ thể việc bồi thường và quyết định mức bồi thường phù hợp với quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm về quyết định của mình;
- c) Nếu tài sản đã mua bảo hiểm theo pháp luật thì xử lý theo hợp đồng bảo hiểm;
- d) Giá trị tài sản tổn thất sau khi đã bù đắp bằng tiền bồi thường của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất, của tổ chức bảo hiểm và sử dụng dự phòng được hạch toán vào chi phí trong kỳ;



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

đ) Những trường hợp đặc biệt do thiên tai, hỏa hoạn hoặc nguyên nhân bất khả kháng gây ra thiệt hại nghiêm trọng, Quỹ không thể tự khắc phục được thì Giám đốc Quỹ báo cáo phương án xử lý tổn thất để trình Bộ trưởng Bộ Công an quyết định.

Điều 40. Doanh thu

Doanh thu của Quỹ bao gồm doanh thu từ hoạt động đầu tư, hoạt động tài chính và thu nhập khác do Quỹ thu được gồm:

1. Tiền lãi cho vay và các khoản thu khác từ hoạt động cho vay.
2. Cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền từ hoạt động đầu tư; lãi chuyển nhượng vốn đầu tư.
3. Các khoản thu từ hoạt động quản lý các nguồn vốn được tài trợ, viện trợ, đóng góp, ủy thác, tặng cho (nếu có).
4. Thu từ lãi tiền gửi.
5. Tiền lãi và các khoản thu được từ hoạt động liên doanh, liên kết.
6. Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản; thu tiền bảo hiểm được bồi thường (phần còn lại sau khi đã bù đắp tổn thất xảy ra); thu phạt, bồi thường vi phạm hợp đồng, thỏa thuận; các khoản bồi hoàn; thu từ các khoản nợ đã xóa bằng dự phòng rủi ro nay thu hồi được; thu từ chênh lệch tỷ giá (nếu có).
7. Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

Điều 41. Chi phí

Chi phí của Quỹ là các khoản chi phí phát sinh trong kỳ cần thiết cho hoạt động của Quỹ, bao gồm:

1. Chi phí hoạt động nghiệp vụ



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

- a) Chi ủy thác cho vay, hỗ trợ chi phí bao gồm: phí ủy thác cho vay, chi hỗ trợ chi phí; chi thẩm định hồ sơ; chi kiểm tra, giám sát, chi nghiệm thu các khoản hỗ trợ chi phí và các khoản chi khác liên quan đến hoạt động hỗ trợ chi phí, ủy thác cho vay;
- b) Chi thực hiện các hoạt động hỗ trợ nâng cao năng lực;
- c) Chi phí tiếp nhận và quản lý các nguồn tài trợ, viện trợ, đóng góp, ủy thác, tặng cho tự nguyện, hợp pháp của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài;
- d) Chi trích lập dự phòng rủi ro và khoản dự phòng khác (nếu có);
- đ) Chi các loại bảo hiểm theo quy định của pháp luật; chi cho hoạt động gửi vốn nhàn rỗi, chi chênh lệch tỷ giá;
- e) Các khoản chi hoạt động nghiệp vụ khác.

2. Chi hoạt động bộ máy

- a) Chi cho người lao động, người quản lý bao gồm: chi tiền lương, tiền công, thù lao, tiền thưởng, phụ cấp; chi khen thưởng, chi phúc lợi; chi trợ cấp; các khoản chi khác cho người lao động, người quản lý theo quy định của pháp luật của doanh nghiệp và pháp luật khác có liên quan;
- b) Chi cho hoạt động quản lý bao gồm: chi đào tạo; chi nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ; chi tuyên truyền, quảng cáo, tiếp thị; chi cho công nghệ thông tin; chi về các hoạt động đảng, đoàn thể; chi văn phòng phẩm, tài liệu, sách báo; chi điện, nước, điện thoại, bưu chính viễn thông, vệ sinh cơ quan; chi hội nghị, hội thảo, tập huấn, tuyên truyền, in ấn tài liệu; chi mua hàng hóa, dịch vụ; chi giao dịch, đối ngoại, tham gia diễn đàn, mạng lưới; chi hợp tác quốc



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

tế; chi kiểm tra, giám sát, kiểm toán; chi thuê chuyên gia, tư vấn trong và ngoài nước; chi phí vận chuyển và các khoản chi khác cho hoạt động quản lý;

c) Chi đầu tư xây dựng, mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản; chi khấu hao tài sản cố định; cho thuê tài sản thực hiện theo hợp đồng thuê; chi nhượng bán, thanh lý tài sản; chi bảo hiểm tài sản; chi mua sắm công cụ dụng cụ; chi khác cho quản lý và sử dụng tài sản.

3. Chi nộp thuế, các khoản phí, lệ phí theo quy định của pháp luật.

4. Chi các khoản đã hạch toán nguồn thu nhưng thực tế không thu được; chi các khoản nợ phải trả; chi cho việc thu hồi các khoản nợ đã xóa, chi phí thu hồi nợ xấu; chi trả tiền phạt, bồi thường do vi phạm hợp đồng kinh tế thuộc trách nhiệm của Quỹ; chi xử lý khoản tổn thất tài sản theo quy định của pháp luật; chi cho công tác xã hội từ thiện; chi án phí, lệ phí thi hành án.

5. Các khoản chi phí khác.

6. Định mức chi phí quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Trường hợp pháp luật không có quy định, Quỹ căn cứ vào khả năng tài chính xây dựng định mức, quyết định việc chi tiêu bảo đảm phù hợp, hiệu quả.

7. Các khoản chi không được hoạch toán vào chi phí:

- a) Các khoản thiệt hại đã được Nhà nước hỗ trợ hoặc cơ quan bảo hiểm, bên gây thiệt hại bồi thường;
- b) Các khoản chi phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật thuộc trách nhiệm cá nhân;



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

- c) Các khoản chi không có hóa đơn, chứng từ hợp lý, hợp lệ;
- d) Các khoản chi thuộc nguồn kinh phí khác đài thọ;
- đ) Các khoản chi ủng hộ cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân;
- e) Các khoản chi vượt định mức theo quy định tại quy chế chi tiêu nội bộ của Quỹ và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Điều 42. Quản lý doanh thu và chi phí

1. Giám đốc Quỹ chịu trách nhiệm trước Bộ Công an và trước pháp luật trong việc tổ chức quản lý chặt chẽ, bảo đảm tính đúng đắn, trung thực và hợp pháp của các khoản doanh thu, thu nhập khác và chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.
2. Toàn bộ doanh thu, thu nhập khác và chi phí phát sinh trong hoạt động của Quỹ phải có đầy đủ hồ sơ, chứng từ theo quy định của pháp luật và phản ánh đầy đủ trong sổ kế toán của Quỹ theo chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.
3. Doanh thu, thu nhập khác và chi phí hoạt động của Quỹ được xác định bằng đồng Việt Nam, trường hợp thu hoặc chi bằng ngoại tệ phải quy đổi về đồng Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành.
4. Quỹ phải tính đúng, tính đủ chi phí hoạt động sản xuất, kinh doanh, tự trang trải mọi khoản chi phí bằng các khoản thu của Quỹ và tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động của Quỹ.
5. Việc xác định doanh thu, thu nhập và chi phí để xác định nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác đối với Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế và pháp luật khác có liên quan.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

6. Giám đốc Quỹ ban hành quy chế chi tiêu nội bộ, trong đó có định mức chi phù hợp với tình hình hoạt động thực tế của Quỹ, đảm bảo tuân thủ quy định tại Nghị định này và quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 43. Phân phối kết quả tài chính

1. Kết quả tài chính hằng năm của Quỹ là số chênh lệch giữa tổng số thu nhập và tổng số chi phí phát sinh trong năm tài chính.

2. Sau khi nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại Nghị định này và pháp luật về thuế (nếu có), trường hợp tổng số thu nhập lớn hơn tổng số chi phí, phần chênh lệch này coi như 100%, được phân phối như sau:

- a) Trích 20% vào quỹ đầu tư phát triển;
- b) Trích 10% vào quỹ dự phòng tài chính; số dư Quỹ dự phòng tài chính tối đa bằng 25% vốn điều lệ của Quỹ;
- c) Trích tối đa không quá 03 tháng tiền lương và phụ cấp lương của cán bộ, người lao động Quỹ vào quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi; trích tối đa không quá 1,5 tháng lương của người quản lý vào Quỹ thưởng người quản lý;
- d) Trường hợp chênh lệch thu chi còn lại sau khi trích lập các quỹ theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản này không đủ để trích các quỹ theo quy định tại điểm d khoản này thì Quỹ được giảm mức trích lập quỹ đầu tư phát triển để bổ sung nguồn trích lập đủ theo mức quy định nhưng mức giảm tối đa không quá mức trích vào quỹ đầu tư phát triển trong năm tài chính;

đ) Phần chênh lệch còn lại (nếu có) sau khi trích lập các Quỹ trên được bổ sung vào quỹ đầu tư phát triển của Quỹ.

3. Mức trích lập quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi của Quỹ được căn cứ vào kết quả xếp loại hoạt động của Quỹ quy định tại Điều 49 Nghị định này:



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

a) Quỹ xếp loại A được trích tối đa không quá 3 tháng tiền lương và phụ cấp thực hiện bình quân trong năm của cán bộ, người lao động do Quỹ chi trả cho hai quỹ khen thưởng và phúc lợi;

b) Quỹ xếp loại B được trích tối đa không quá 1,5 tháng tiền lương và phụ cấp thực hiện bình quân trong năm của cán bộ, người lao động do Quỹ chi trả cho hai quỹ khen thưởng và phúc lợi;

c) Quỹ xếp loại C được trích tối đa không quá 01 tháng tiền lương và phụ cấp thực hiện bình quân trong năm của cán bộ, người lao động do Quỹ chi trả cho hai quỹ khen thưởng và phúc lợi.

4. Trường hợp người quản lý của Quỹ hoàn thành nhiệm vụ trở lên, căn cứ vào kết quả xếp loại của Quỹ, mức trích quỹ thưởng người quản lý như sau:

a) Quỹ xếp loại A được trích tối đa không quá 1,5 tháng lương thực hiện người quản lý;

b) Quỹ xếp loại B được trích tối đa không quá 01 tháng lương thực hiện người quản lý;

c) Quỹ xếp loại C thì không được trích lập quỹ thưởng người quản lý.

5. Giám đốc Quỹ quyết định việc trích, tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng người quản lý, quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 44. Quản lý và sử dụng các quỹ trích lập

1. Việc sử dụng các quỹ phải đúng quy định, mục đích, đúng đối tượng, cụ thể như sau:

a) Quỹ xây dựng, ban hành quy chế quản lý, sử dụng các quỹ theo quy định của pháp luật, bảo đảm dân chủ, minh bạch, công khai trước khi thực hiện;



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

b) Trong năm tài chính, Quỹ được chủ động tạm trích các quỹ trên cơ sở kết quả hoạt động để có nguồn chi sử dụng các quỹ theo mục đích đã quy định;

c) Định mức chi khen thưởng người lao động, chi phúc lợi do Giám đốc Quỹ ban hành.

2. Mục đích sử dụng các quỹ trích sau chênh lệch thu chi:

a) Quỹ đầu tư phát triển dùng để đầu tư mở rộng quy mô hoạt động, đổi mới công nghệ, trang thiết bị, điều kiện làm việc của Quỹ và bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ;

b) Quỹ dự phòng tài chính dùng để bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không thu được xảy ra trong quá trình hoạt động sau khi đã được bù đắp bằng xử lý tài sản đảm bảo (nếu có), tiền bồi thường của các tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất, của tổ chức bảo hiểm và sử dụng dự phòng trích lập trong chi phí theo quy định tại Nghị định này;

c) Quỹ khen thưởng của cán bộ, người lao động dùng để thưởng định kỳ hoặc đột xuất cho cán bộ, người lao động của Quỹ có sáng kiến cải tiến kỹ thuật, quy trình nghiệp vụ mang lại hiệu quả cao hoặc có đóng góp hiệu quả vào hoạt động của Quỹ;

d) Quỹ phúc lợi dùng để chi cho các hoạt động thể thao, văn hóa, phúc lợi công cộng của tập thể cán bộ, người lao động của Quỹ; chi trợ cấp khó khăn thường xuyên, đột xuất cho cán bộ, người lao động của Quỹ;

đ) Quỹ thưởng người quản lý được sử dụng để khen thưởng cho người quản lý của Quỹ.

Điều 45. Chế độ kế toán, kiểm toán

1. Quỹ thực hiện chế độ kế toán đối với các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

2. Năm tài chính của Quỹ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm.
3. Quỹ tổ chức bộ máy kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán và quy chế nội bộ của Quỹ.
4. Quỹ phải tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê theo quy định của pháp luật hiện hành; lập, ghi chép chứng từ ban đầu, cập nhật sổ sách kế toán, bảo đảm phản ánh đầy đủ, kịp thời, trung thực, chính xác, khách quan các hoạt động kinh tế, tài chính. Báo cáo tài chính năm của Quỹ phải được kiểm toán trước khi nộp cho cơ quan nhà nước và trước khi công khai.

Điều 46. Báo cáo quyết toán

1. Quỹ phải lập báo cáo tài chính quý, năm. Báo cáo tài chính năm của Quỹ phải được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật.

Cuối kỳ kế toán (quý, năm), Quỹ phải lập, trình bày, gửi các báo cáo tài chính, báo cáo thống kê cho các cơ quan nhà nước và thực hiện công khai tài chính theo quy định của pháp luật hiện hành. Giám đốc Quỹ chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo tài chính, thống kê và việc thực hiện công khai tài chính. Ngoài các báo cáo tài chính, thống kê định kỳ lập và gửi theo quy định, Quỹ phải thực hiện lập, gửi các báo cáo đột xuất khi có yêu cầu của Bộ Công an và cơ quan quản lý nhà nước.

2. Hằng năm, Quỹ lập báo cáo quyết toán, báo cáo tài chính gửi Bộ Công an thẩm định, xét duyệt.
3. Sau khi có ý kiến phê duyệt của Bộ Công an, Giám đốc Quỹ quyết định Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán gửi Bộ Công an và Cơ quan có thẩm quyền.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

4. Báo cáo năm được gửi chậm nhất là sau 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Báo cáo kết quả kiểm toán báo cáo tài chính năm của Quỹ do tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện được gửi chậm nhất là sau 120 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

5. Quỹ thực hiện công khai tài chính theo quy định của pháp luật.

6. Số liệu quyết toán của Quỹ phải được đối chiếu, xác nhận với Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch.

7. Nội dung báo cáo quyết toán của Quỹ phải theo đúng các nội dung ghi trong dự toán ngân sách nhà nước được giao và theo mục lục ngân sách nhà nước.

8. Những khoản thu của Quỹ không đúng quy định của pháp luật phải được hoàn trả cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân đã nộp; những khoản thu của Quỹ nhưng chưa thu phải được truy thu đầy đủ; những khoản chi Quỹ không đúng với quy định của pháp luật phải được thu hồi đủ.

9. Báo cáo phải kèm theo thuyết minh đánh giá kết quả, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ của Quỹ.

10. Quỹ thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và quy định của Nghị định này về lập, chấp hành, quyết toán, kiểm toán đối với phân vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ.

11. Hằng năm, Bộ Công an báo cáo cơ quan có thẩm quyền tình hình thực hiện kế hoạch tài chính, kế hoạch tài chính năm sau và quyết toán thu, chi Quỹ để tổng hợp báo cáo Chính phủ.

12. Hằng năm, Quỹ thực hiện cân đối nguồn và lập dự toán kinh phí đối với các hoạt động tài trợ, hỗ trợ, cho vay, đầu tư và hoạt động quản lý của Quỹ báo cáo Bộ trưởng Bộ Công an phê duyệt.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

13. Quỹ thực hiện chuyển nguồn kinh phí dư trong năm tài chính sang năm kế tiếp theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản có liên quan.

Chương VI

GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG

Điều 47. Giám sát hoạt động của Quỹ

1. Quỹ có trách nhiệm xây dựng và vận hành hệ thống giám sát nội bộ bảo đảm hoạt động có hiệu quả, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền quy định tại Nghị định này.

Hệ thống giám sát nội bộ của Quỹ bao gồm các cơ chế, chính sách, quy chế, quy trình, cơ cấu tổ chức, nhân sự của Quỹ được xây dựng phù hợp với quy định tại Nghị định này và được tổ chức thực hiện nhằm kiểm soát, phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời rủi ro trong hoạt động của Quỹ.

2. Hằng năm, Quỹ phải báo cáo Bộ Công an về kết quả hoạt động, bao gồm kết quả hoạt động hỗ trợ, hiệu quả quản lý vốn, tài sản, đánh giá rủi ro, hạn chế trong hoạt động của Quỹ và kiến nghị, đề xuất giải pháp xử lý phù hợp.

3. Bộ Công an tổ chức giám sát thông qua các báo cáo của Quỹ để phát hiện các rủi ro về tài chính, hạn chế trong quản lý của Quỹ, hiệu quả hoạt động của Quỹ và có cảnh báo, giải pháp xử lý kịp thời theo các quy định của pháp luật về giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước. Nội dung giám sát được thực hiện theo quy định tại Điều 48 Nghị định này.

Điều 48. Nội dung giám sát hoạt động của Quỹ

1. Quản lý và sử dụng ngân sách hoạt động, các nguồn vốn khác, kinh phí hoạt động hằng năm và tài sản của Quỹ.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

2. Kết quả hoạt động của Quỹ.
3. Thực hiện chế độ tiền lương, tiền thưởng, thù lao của Quỹ.
4. Các nội dung giám sát liên quan khác theo yêu cầu của Bộ Công an.

Điều 49. Đánh giá kết quả hoạt động của Quỹ

1. Bộ Công an thực hiện đánh giá kết quả hoạt động và xếp loại Quỹ hằng năm.
2. Các chỉ tiêu đánh giá kết quả hoạt động hằng năm của Quỹ bao gồm:
 - a) Chỉ tiêu 1: Tăng trưởng dư nợ cho vay, doanh số tài trợ vốn;
 - b) Chỉ tiêu 2: Tỷ lệ nợ xấu;
 - c) Chỉ tiêu 3: Tổng thu nhập trừ tổng chi phí;
 - d) Chỉ tiêu 4: Tình hình chấp hành pháp luật về đầu tư, quản lý và sử dụng vốn, tài sản của Quỹ, nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, tình hình chấp hành quy định về chế độ báo cáo tài chính hằng năm và báo cáo tình hình hoạt động hằng năm của Quỹ;
 - đ) Chỉ tiêu 5: Mức độ hoàn thành theo kế hoạch về số lượng, quy mô, lĩnh vực và hiệu quả các nhiệm vụ, dự án do Quỹ hỗ trợ tài chính.
3. Yếu tố khách quan được xem xét, loại trừ khi đánh giá hoạt động của Quỹ:
 - a) Thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, biến động kinh tế - chính trị, chiến tranh và các nguyên nhân bất khả kháng khác;
 - b) Thay đổi về chính sách liên quan làm ảnh hưởng đến hoạt động hỗ trợ và kết quả hoạt động của Quỹ.
4. Bộ trưởng Bộ Công an ban hành quy định, hướng dẫn đánh giá kết quả hoạt động và xếp loại Quỹ.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 50. Trách nhiệm của Bộ Công an

1. Chủ trì, phối hợp với cơ quan có thẩm quyền báo cáo Thủ tướng Chính phủ cấp ngân sách hoạt động; quyết định tăng, giảm ngân sách hoạt động của Quỹ.
2. Ban hành điều lệ, quy chế tài chính, quy chế hoạt động của Quỹ; quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, đánh giá, khen thưởng, kỷ luật và chế độ chính sách đối với các chức vụ quản lý của Quỹ.
3. Thực hiện việc xếp hạng Quỹ theo quy định pháp luật và đánh giá kết quả hoạt động, xếp loại hằng năm đối với Quỹ.

Điều 51. Trách nhiệm của Quỹ

1. Tiếp nhận, quản lý và sử dụng hiệu quả, đúng quy định pháp luật các nguồn vốn hoạt động theo quy định tại Điều lệ Quỹ.
2. Quỹ tự kiểm soát mọi hoạt động thu chi theo quy chế chi tiêu nội bộ đảm bảo đúng quy định hiện hành và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các hoạt động của mình.
3. Quỹ có trách nhiệm ban hành quy trình tiếp nhận, đánh giá và ra quyết định phê duyệt hồ sơ đề nghị ủy thác cho vay theo nguyên tắc bảo đảm phân định rõ trách nhiệm, nghĩa vụ của các bên liên quan.

Điều 52. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân nhận vốn vay, hỗ trợ, đầu tư của Quỹ

1. Sử dụng vốn vay, hỗ trợ, đầu tư đúng mục đích, theo đúng thỏa thuận đã ký kết giữa Quỹ và các bên có liên quan.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

2. Hoàn trả đầy đủ, đúng hạn gốc, lãi cho vay và các chi phí phát sinh từ việc cho vay (nếu có) cho ngân hàng theo đúng thỏa thuận cho vay đã ký kết với ngân hàng.

3. Tuân thủ theo đúng quy định pháp luật và thực hiện đúng, đầy đủ các cam kết, nghĩa vụ theo thỏa thuận đã ký kết giữa Quỹ và các bên có liên quan.

4. Cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác, trung thực các thông tin, tài liệu liên quan đến việc vay vốn, sử dụng vốn hỗ trợ của Quỹ, chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, tính hợp pháp của các thông tin, tài liệu đã cung cấp.

Điều 53. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

2. Bộ trưởng các bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước,
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2).

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Hồ Đức Phúc



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 165/2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2025

NGHỊ ĐỊNH

QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT DỮ LIỆU

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Dữ liệu ngày 30 tháng 11 năm 2024;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Dữ liệu.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết khoản 3 Điều 13, khoản 5 Điều 14, khoản 5 Điều 15, khoản 3 Điều 16, khoản 4 Điều 17, khoản 4 Điều 18, khoản 3 Điều 20, khoản 5 Điều 21, khoản 5 Điều 22, khoản 4 Điều 23, khoản 5 Điều 25, khoản 4 Điều 26, khoản 4 Điều 27, khoản 3 Điều 30, khoản 8 Điều 31, khoản 5 Điều 35, khoản 4 Điều 36, khoản 3 Điều 37 của



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

Luật Dữ liệu và việc xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý, sử dụng dữ liệu; việc bảo đảm nguồn lực cho hoạt động của Trung tâm dữ liệu quốc gia; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động về dữ liệu.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam.
2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam.
3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài trực tiếp tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động dữ liệu số tại Việt Nam.

Chương II

CÁC HOẠT ĐỘNG XỬ LÝ DỮ LIỆU

Điều 3. Tiêu chí xác định dữ liệu quan trọng

Việc xác định dữ liệu quan trọng căn cứ theo mức độ có thể tác động của dữ liệu đến quốc phòng, an ninh, cơ yếu, đối ngoại, kinh tế vĩ mô, ổn định xã hội, sức khỏe và an toàn cộng đồng khi bị thu thập, sử dụng trái phép (không bao gồm bí mật nhà nước), bao gồm:

1. Dữ liệu có thể gây tác động nguy hiểm đến an ninh quốc gia, độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, khối đại đoàn kết toàn dân tộc; bảo vệ an ninh chính trị, an ninh trong các lĩnh vực tư tưởng - văn hóa, kinh tế, quốc phòng, đối ngoại, thông tin, xã hội, tài nguyên, môi trường, nông nghiệp, sinh học, y tế, lao động, xây dựng, giáo dục, đào tạo, khoa học và công nghệ.
2. Dữ liệu có thể gây tác động nguy hiểm đến kế hoạch phát triển quan hệ đối ngoại, ảnh hưởng lợi ích quốc gia và an ninh hợp tác quốc tế, dự án đầu tư của Việt Nam ở nước ngoài, an ninh năng lượng, hàng hải.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

3. Dữ liệu có thể gây tác động nguy hiểm đến phát triển, vận hành kinh tế vĩ mô, ngành kinh tế quan trọng của quốc gia, tổng cung, tổng cầu của xã hội, tổng giá trị kinh tế quốc gia, tỷ lệ thất nghiệp, lĩnh vực tiền tệ, thương mại, xuất, nhập khẩu, cung ứng hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ thiết yếu.

4. Dữ liệu có thể gây tác động nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản, quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân; công tác phòng chống dịch bệnh, phòng ngừa, theo dõi và điều trị các bệnh truyền nhiễm, bệnh nghề nghiệp, an toàn vệ sinh thực phẩm; cung ứng lao động, cung cấp các dịch vụ công.

Điều 4. Tiêu chí xác định dữ liệu cốt lõi

Việc xác định dữ liệu cốt lõi căn cứ vào tác động trực tiếp của dữ liệu gây nguy hiểm đến quốc phòng, an ninh, cơ yếu, đối ngoại, kinh tế vĩ mô, ổn định xã hội, sức khỏe và an toàn cộng đồng khi bị thu thập, sử dụng trái phép (không bao gồm bí mật nhà nước), bao gồm:

1. Dữ liệu trực tiếp gây tác động nguy hiểm đến an ninh quốc gia, độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, khối đại đoàn kết toàn dân tộc; bảo vệ an ninh chính trị, an ninh trong các lĩnh vực tư tưởng - văn hóa, kinh tế, quốc phòng, đối ngoại, thông tin, xã hội, tài nguyên, môi trường, nông nghiệp, sinh học, y tế, lao động, xây dựng, giáo dục, đào tạo, khoa học và công nghệ.

2. Dữ liệu trực tiếp gây tác động nguy hiểm đến kế hoạch phát triển quan hệ đối ngoại, ảnh hưởng lợi ích quốc gia và an ninh hợp tác quốc tế, dự án đầu tư của Việt Nam ở nước ngoài, an ninh năng lượng, hàng hải.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

3. Dữ liệu trực tiếp gây tác động nguy hiểm đến phát triển, vận hành kinh tế vĩ mô, ngành kinh tế quan trọng của quốc gia, tổng cung, tổng cầu của xã hội, tổng giá trị kinh tế quốc gia, tỷ lệ thất nghiệp, lĩnh vực tiền tệ, thương mại, xuất, nhập khẩu, cung ứng hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ thiết yếu.

4. Dữ liệu trực tiếp gây tác động nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản, quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân; công tác phòng chống dịch bệnh, phòng ngừa, theo dõi và điều trị các bệnh truyền nhiễm, bệnh nghề nghiệp, an toàn vệ sinh thực phẩm; cung ứng lao động, cung cấp các dịch vụ công.

Điều 5. Hoạt động lưu trữ dữ liệu

1. Chủ sở hữu dữ liệu quy định thời hạn lưu trữ cụ thể đối với dữ liệu do mình thu thập, tạo lập.
2. Cơ quan nhà nước phải ban hành quy trình kỹ thuật về lưu trữ dữ liệu do mình quản lý, bảo đảm lưu trữ dữ liệu an toàn.
3. Trung tâm dữ liệu quốc gia thiết lập các dịch vụ lưu trữ dữ liệu phục vụ nhu cầu của chủ sở hữu dữ liệu, chủ quản dữ liệu. Chủ sở hữu dữ liệu, chủ quản dữ liệu phối hợp với Trung tâm dữ liệu quốc gia xây dựng kế hoạch, lộ trình thực hiện theo dịch vụ lưu trữ dữ liệu cụ thể.

Điều 6. Truy cập, truy xuất dữ liệu

1. Truy cập dữ liệu là hoạt động tiếp cận, tác động tới dữ liệu theo đúng quyền được giao, bao gồm truy cập đọc, truy cập ghi, truy cập sửa, truy cập xóa, truy cập thực thi và các loại truy cập khác do chủ sở hữu dữ liệu, chủ quản dữ liệu quy định.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

2. Truy xuất dữ liệu là hoạt động truy cập và trích xuất dữ liệu, bao gồm truy xuất thủ công, truy xuất tự động, truy xuất theo thời gian thực và các loại truy xuất khác do chủ sở hữu dữ liệu, chủ quản dữ liệu quy định.

3. Nguyên tắc thực hiện truy cập, truy xuất dữ liệu:

- a) Bảo đảm hợp pháp, tuân thủ quy trình truy cập, truy xuất dữ liệu;
- b) Chỉ truy cập, truy xuất dữ liệu trong phạm vi quyền được giao và cần thiết cho mục đích được xác định.

4. Cơ quan nhà nước phải ban hành quy trình kỹ thuật về truy cập, truy xuất dữ liệu đối với dữ liệu thuộc phạm vi quản lý, gồm các nội dung chính sau:

- a) Quản lý thông tin đăng ký sử dụng;
- b) Quản lý phân quyền truy cập, truy xuất dữ liệu;
- c) Quản lý lịch sử truy cập, truy xuất dữ liệu;
- d) Quản lý công cụ truy cập, truy xuất dữ liệu.

Điều 7. Hỗ trợ chủ sở hữu dữ liệu thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu cho cơ quan nhà nước

Cơ quan nhà nước thực hiện các biện pháp hỗ trợ chủ sở hữu dữ liệu kết nối, chia sẻ dữ liệu cho cơ quan nhà nước gồm:

- 1. Xây dựng hệ thống thông tin bảo đảm việc kết nối, chia sẻ dữ liệu; bảo vệ, sử dụng dữ liệu đã được chủ sở hữu dữ liệu chia sẻ theo đúng mục đích đã được xác định.
- 2. Xây dựng các quy trình, ứng dụng, phần mềm để chủ sở hữu dữ liệu thực hiện các quyền của mình đối với dữ liệu đã cung cấp cho cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định việc hỗ trợ cho chủ sở hữu dữ liệu, bao gồm:

- a) Hỗ trợ đường truyền kết nối; hỗ trợ các công cụ để bảo đảm đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật kết nối, chia sẻ; hỗ trợ hạ tầng, an ninh an toàn bảo mật;
- b) Hỗ trợ kinh phí bảo đảm kết nối, chia sẻ; hỗ trợ bù đắp chi phí tạo lập, thu thập dữ liệu theo định mức của cơ quan nhà nước;
- c) Hỗ trợ nhân lực thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu; hỗ trợ đào tạo, tập huấn nguồn nhân lực phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu;
- d) Các hình thức hỗ trợ khác.

Điều 8. Cung cấp dữ liệu cho cơ quan nhà nước

1. Khuyến khích cá nhân, tổ chức chia sẻ, cung cấp dữ liệu của mình cho cơ quan nhà nước cho các mục tiêu vì lợi ích chung như chăm sóc sức khỏe, biến đổi khí hậu, cải thiện giao thông, tạo điều kiện cho việc tổng hợp và phổ biến số liệu thống kê chính thức, cải thiện việc cung cấp dịch vụ công, hoạch định chính sách công hoặc mục đích nghiên cứu khoa học.

Tổ chức, cá nhân chia sẻ, cung cấp dữ liệu một cách tự nguyện trên cơ sở có sự đồng ý của chủ thể dữ liệu để xử lý dữ liệu cá nhân liên quan đến họ hoặc sự cho phép của chủ sở hữu dữ liệu để cho phép sử dụng dữ liệu phi cá nhân của họ.

2. Cơ quan nhà nước yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp dữ liệu theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Luật Dữ liệu như sau:



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

a) Có văn bản yêu cầu hoặc hình thức khác bảo đảm có xác nhận về việc yêu cầu cung cấp dữ liệu trong đó chỉ rõ loại dữ liệu, mức độ chi tiết, khối lượng dữ liệu, tần suất truy cập dữ liệu, phương thức cung cấp dữ liệu, cơ sở pháp lý, căn cứ, lý do của yêu cầu, mục đích sử dụng dữ liệu, thời hạn sử dụng và thời hạn cần cung cấp dữ liệu, các hoạt động xử lý dữ liệu dự kiến sẽ thực hiện;

b) Thông báo cho tổ chức, cá nhân được yêu cầu cung cấp dữ liệu về các chế tài sẽ được áp dụng trong trường hợp không thực hiện yêu cầu.

3. Bàn giao, tiếp nhận dữ liệu được yêu cầu

a) Việc bàn giao, tiếp nhận dữ liệu được thực hiện theo đúng đối tượng, thời gian, loại dữ liệu, mức độ chi tiết, khối lượng dữ liệu, tần suất truy cập dữ liệu, phương thức cung cấp dữ liệu được yêu cầu cung cấp;

b) Thành phần tham gia bàn giao, tiếp nhận dữ liệu gồm có Chủ sở hữu dữ liệu, người đại diện hợp pháp hoặc người đang quản lý, sử dụng hợp pháp dữ liệu; cá nhân, đại diện tổ chức được giao quản lý, sử dụng dữ liệu;

c) Việc bàn giao, tiếp nhận dữ liệu phải được lập thành biên bản;

d) Bên yêu cầu cung cấp dữ liệu có quyền yêu cầu bên cung cấp dữ liệu bổ sung dữ liệu trong trường hợp dữ liệu bàn giao không đúng với phạm vi dữ liệu được yêu cầu cung cấp.

4. Hủy bỏ yêu cầu cung cấp dữ liệu

a) Yêu cầu cung cấp dữ liệu bị hủy bỏ trong các trường hợp yêu cầu cung cấp dữ liệu trái với quy định của Luật Dữ liệu và các luật khác có liên quan; yêu cầu cung cấp dữ liệu chưa được thực hiện nhưng điều kiện cung cấp dữ liệu quy



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

định tại khoản 1 Điều 18 Luật Dữ liệu không còn; yêu cầu cung cấp dữ liệu chưa được thực hiện nhưng vì lý do khách quan mà dữ liệu không còn tồn tại;

b) Việc hủy bỏ yêu cầu cung cấp dữ liệu phải được thể hiện bằng văn bản.

5. Yêu cầu sửa đổi, rút lại yêu cầu cung cấp dữ liệu

a) Trước thời hạn chỉ định cần cung cấp dữ liệu, chủ sở hữu dữ liệu, người đại diện hợp pháp hoặc người đang quản lý, sử dụng hợp pháp dữ liệu có thể yêu cầu cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, rút lại yêu cầu cung cấp dữ liệu;

b) Chủ sở hữu dữ liệu, chủ quản dữ liệu có thể yêu cầu sửa đổi, rút lại yêu cầu cung cấp dữ liệu trong các trường hợp yêu cầu cung cấp dữ liệu trái với quy định của Luật Dữ liệu và các luật khác có liên quan; phạm vi dữ liệu quản lý của chủ sở hữu dữ liệu, chủ quản dữ liệu không nằm trong yêu cầu cung cấp dữ liệu; vì lý do khách quan mà dữ liệu không còn tồn tại.

6. Thẩm quyền yêu cầu cung cấp dữ liệu

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Giám đốc Trung tâm dữ liệu quốc gia, Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có thẩm quyền yêu cầu cung cấp dữ liệu trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

Điều 9. Xác nhận, xác thực dữ liệu

1. Xác nhận dữ liệu được thực hiện như sau:

a) Dữ liệu được thu thập, cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu khác được xác nhận bởi chủ sở hữu dữ liệu, chủ quản dữ liệu;



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

b) Việc xác nhận dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội thực hiện thông qua quy chế phối hợp và phương thức kết nối, chia sẻ, cung cấp dữ liệu;

c) Ngoài trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, việc xác nhận dữ liệu được thực hiện theo thỏa thuận giữa người dùng dữ liệu với chủ quản dữ liệu, chủ sở hữu dữ liệu hoặc tổ chức khác theo quy định của pháp luật;

d) Chủ sở hữu dữ liệu, chủ quản dữ liệu chịu trách nhiệm về chất lượng dữ liệu, mức độ tin cậy, hợp pháp của dữ liệu do mình cung cấp, xác nhận; xây dựng quy trình, hình thức và tổ chức hoạt động xác nhận dữ liệu.

2. Chủ sở hữu dữ liệu, chủ quản dữ liệu có trách nhiệm tự xây dựng quy trình, hình thức và tổ chức hoạt động xác thực dữ liệu trong phạm vi mình sở hữu, quản lý.

3. Phạm vi và thời gian của việc xác thực dữ liệu do chủ sở hữu dữ liệu quyết định.

4. Việc xác nhận, xác thực dữ liệu thực hiện theo quy định của pháp luật về xác thực điện tử và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 10. Công khai dữ liệu

1. Việc công khai dữ liệu mở được thực hiện ngay sau khi dữ liệu được phân loại là dữ liệu mở. Chủ sở hữu dữ liệu, chủ quản dữ liệu thực hiện công khai dữ liệu mở dưới hình thức:

a) Cổng dữ liệu quốc gia;

b) Các cổng dữ liệu mở, cổng thông tin điện tử của bộ, ngành, địa phương và các hệ thống, nền tảng khác;

c) Các hệ thống trung gian phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu hoặc các hình thức khác theo quy định của pháp luật.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

2. Cơ quan nhà nước có trách nhiệm công bố danh mục dữ liệu mở và tổ chức công khai dữ liệu mở do mình quản lý và gửi Bộ Công an tổng hợp, đăng tải trên Cổng dữ liệu quốc gia.

3. Dữ liệu của cơ quan nhà nước không thuộc diện bị cấm công khai do liên quan đến an ninh quốc gia, quyền riêng tư, bí mật thương mại hoặc các lý do khác theo quy định của pháp luật phải được công khai như dữ liệu mở.

4. Cơ quan nhà nước xây dựng, triển khai quyết định công bố dữ liệu mở, trong đó xác định danh mục dữ liệu mở công bố, cơ chế thu thập, phân tích thông tin phản hồi của cá nhân, tổ chức về việc sử dụng dữ liệu mở; đánh giá chất lượng, tính khả dụng, việc tuân thủ các quy định pháp luật liên quan đến dữ liệu mở.

Điều 11. Mã hóa, giải mã dữ liệu

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được sử dụng một hoặc nhiều giải pháp mã hóa và quy trình mã hóa, giải mã phù hợp với hoạt động quản trị, quản lý dữ liệu của mình gồm:

- a) Giải pháp mã hóa dữ liệu khi truyền tải dữ liệu;
- b) Giải pháp mã hóa dữ liệu khi lưu trữ dữ liệu;
- c) Giải pháp mã hóa dữ liệu trên thiết bị số;
- d) Giải pháp bảo mật phần cứng nhằm phòng chống truy cập trái phép và bảo đảm rằng các thao tác mã hóa/giải mã chỉ được thực hiện trong môi trường an toàn;
- đ) Quy trình giải mã yêu cầu xác thực danh người thực hiện giải mã dữ liệu, xác định và cấp quyền truy cập dữ liệu đã được mã hóa;



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

e) Giải pháp ghi lại các hoạt động mã hóa và giải mã nhằm, bảo đảm tính hợp pháp, minh bạch, công bằng và phục vụ tra cứu;

g) Các giải pháp, quy trình khác theo quy định của pháp luật.

2. Bộ trưởng Bộ Công an quyết định hoặc phân cấp việc quyết định áp dụng các biện pháp để giải mã dữ liệu đối với các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 22 Luật Dữ liệu mà không cần chủ sở hữu dữ liệu, chủ quản dữ liệu đồng ý, trừ trường hợp thuộc lĩnh vực quân sự, quốc phòng.

3. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định hoặc phân cấp việc quyết định áp dụng các biện pháp để giải mã dữ liệu liên quan tới quân sự, quốc phòng đối với các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 22 Luật Dữ liệu mà không cần chủ sở hữu dữ liệu, chủ quản dữ liệu đồng ý.

Điều 12. Chuyển, xử lý dữ liệu xuyên biên giới

1. Chủ sở hữu dữ liệu, chủ quản dữ liệu khi cần chuyển, xử lý dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng xuyên biên giới thì thực hiện đánh giá tác động theo quy định khoản 2 Điều này.

Đánh giá tác động chuyển dữ liệu cốt lõi, quan trọng ra nước ngoài, cho tổ chức, cá nhân nước ngoài được thực hiện 01 lần cho suốt thời gian hoạt động của tổ chức, doanh nghiệp và được cập nhật, bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều này.

2. Bên chuyển dữ liệu phải đánh giá tác động với các vấn đề sau:

a) Tính hợp pháp, sự cần thiết, phạm vi, phương thức truyền dữ liệu và cách xử lý dữ liệu của bên nhận dữ liệu;



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

b) Những rủi ro mà việc chuyển dữ liệu có thể gây ra cho quốc phòng, an ninh, hoạt động kinh tế, đối ngoại, ổn định xã hội, lợi ích công cộng hoặc quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân hoặc tổ chức; rủi ro dữ liệu sẽ bị giả mạo, phá hủy, rò rỉ, mất hoặc sử dụng bất hợp pháp;

c) Trách nhiệm và nghĩa vụ, các biện pháp quản lý, kỹ thuật của bên nhận dữ liệu;

d) Các vấn đề khác có liên quan.

3. Văn bản giao kết giữa bên chuyển dữ liệu và bên nhận dữ liệu, phải xác định rõ:

a) Mục đích, phương pháp và phạm vi xuất dữ liệu, mục đích và phương pháp xử lý dữ liệu của bên nhận dữ liệu;

b) Địa điểm và thời gian lưu trữ dữ liệu, các biện pháp xử lý dữ liệu sau khi hết thời hạn lưu trữ, hoàn thành mục tiêu đã thỏa thuận;

c) Yêu cầu ràng buộc đối với bên nhận dữ liệu về việc cung cấp dữ liệu đã được chuyển giao cho bên thứ ba;

d) Các biện pháp bảo vệ dữ liệu mà bên nhận dữ liệu sẽ sử dụng;

đ) Biện pháp khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại, trách nhiệm xử lý vi phạm hợp đồng, biện pháp giải quyết tranh chấp đối với hành vi phạm nghĩa vụ bảo vệ dữ liệu;

e) Trách nhiệm của các bên trong việc xử lý dữ liệu.

4. Hồ sơ đánh giá tác động chuyển, xử lý dữ liệu xuyên biên giới gồm Báo cáo đánh giá tác động chuyển, xử lý dữ liệu xuyên biên giới (theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định này) và các văn bản khác có liên quan.

5. Trường hợp dữ liệu chuyển, xử lý ở nước ngoài là dữ liệu cốt lõi:



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

a) Bên chuyển dữ liệu gửi hồ sơ đánh giá tác động chuyên, xử lý dữ liệu xuyên biên giới đến Bộ Công an, trường hợp thuộc lĩnh vực quân sự, quốc phòng, cơ yếu thì gửi hồ sơ về Bộ Quốc phòng;

b) Đơn vị chịu trách nhiệm thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an nhận hồ sơ kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì yêu cầu bên chuyển dữ liệu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

c) Đơn vị chịu trách nhiệm thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an hoàn thành việc đánh giá hồ sơ đánh giá tác động chuyên, xử lý dữ liệu ra nước ngoài trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; trường hợp hồ sơ phức tạp, cần xác minh, kiểm tra thì không quá 15 ngày;

d) Bên chuyển dữ liệu phải được thông báo bằng văn bản về kết quả đánh giá. Sau khi nhận được kết quả đánh giá đạt, chủ quản dữ liệu quyết định việc chuyển dữ liệu cốt lõi ra nước ngoài, xử lý dữ liệu xuyên biên giới.

6. Trường hợp cần chuyển, xử lý xuyên biên giới là dữ liệu quan trọng:

Bên chuyển dữ liệu phải lập hồ sơ đánh giá tác động trước khi chuyển, xử lý dữ liệu xuyên biên giới để phục vụ hoạt động kiểm tra, đánh giá của Bộ Công an hoặc Bộ Quốc phòng trong trường hợp cần thiết (không cần sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền trước khi thực hiện).

Bên chuyển dữ liệu gửi 01 bản chính hồ sơ tới Bộ Công an hoặc Bộ Quốc phòng theo mẫu ban hành kèm theo Nghị định này trước 15 ngày khi tiến hành xử lý dữ liệu.

7. Việc đánh giá tác động của cơ quan có thẩm quyền tập trung vào việc đánh giá các rủi ro mà hoạt động chuyển, xử lý dữ liệu xuyên biên giới có thể gây ra cho an ninh quốc gia, lợi ích công cộng hoặc quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức, chủ yếu bao gồm các vấn đề sau:



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

- a) Tính hợp pháp, sự cần thiết của mục đích, phạm vi và phương pháp chuyển dữ liệu, xử lý dữ liệu;
- b) Tác động của các chính sách và quy định bảo vệ an toàn dữ liệu và môi trường an ninh mạng của quốc gia hoặc khu vực của bên nhận dữ liệu đối với tính bảo mật của dữ liệu; mức độ bảo vệ dữ liệu của bên nhận dữ liệu so với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật Việt Nam áp dụng;
- c) Quy mô, phạm vi, loại dữ liệu, nguy cơ bị giả mạo, phá hủy, rò rỉ, mất, chuyển giao hoặc sử dụng bất hợp pháp sau khi chuyển giao;
- d) Trách nhiệm và nghĩa vụ của các bên có liên quan;
- đ) Các vấn đề khác có tác động tới quốc phòng, an ninh, bảo vệ lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, quyền và lợi ích hợp pháp của chủ thể dữ liệu, chủ sở hữu dữ liệu theo quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

8. Các trường hợp bên chuyên dữ liệu phải thực hiện sửa đổi, bổ sung hồ sơ đánh giá tác động chuyển, xử lý dữ liệu xuyên biên giới gồm:

- a) Khi có sự thay đổi về mục đích, phương pháp, phạm vi, loại dữ liệu chuyển, xử lý, thay đổi mục đích hoặc phương pháp xử lý dữ liệu của bên nhận dữ liệu, ảnh hưởng đến an ninh an toàn dữ liệu; kéo dài thời gian lưu trữ dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng;
- b) Thay đổi chính sách, quy định bảo vệ dữ liệu và môi trường an ninh mạng ở quốc gia hoặc khu vực nơi bên nhận dữ liệu, thay đổi quyền kiểm soát thực tế của bên chuyên dữ liệu hoặc bên nhận dữ liệu và các tác động khác đến tính bảo mật của dữ liệu được chuyển.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

9. Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quyết định yêu cầu bên chuyên dữ liệu ngừng hoạt động chuyển, xử lý dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng trong trường hợp:

a) Dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng đã được chuyển, xử lý xuyên biên giới được sử dụng vào các hoạt động xâm phạm quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, quyền và lợi ích hợp pháp của chủ thể dữ liệu, chủ sở hữu dữ liệu theo quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

b) Bên chuyên dữ liệu không chấp hành quy định tại Điều này;

c) Có hành vi vi phạm các quy định về bảo vệ dữ liệu.

10. Việc định lượng dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng khi chuyển, xử lý dữ liệu xuyên biên giới được xác định dựa trên kết quả tích lũy lượng dữ liệu đã được chuyển, xử lý dữ liệu xuyên biên giới, mốc thời gian tính từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 đến thời điểm chuyển, xử lý dữ liệu.

11. Trường hợp chuyển, xử lý dữ liệu cốt lõi xuyên biên giới không cần sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền tại khoản 5 Điều này và trường hợp chuyển, xử lý dữ liệu quan trọng không phải thông báo cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 6 Điều này gồm:

a) Trong các tình huống khẩn cấp, thực sự cần thiết phải cung cấp dữ liệu cá nhân ra nước ngoài để bảo vệ tính mạng, sức khỏe và an toàn tài sản của cá nhân; để thực hiện nhiệm vụ, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật;

b) Thực hiện quản lý nhân sự xuyên biên giới theo quy tắc, quy chế lao động và thỏa ước lao động tập thể theo quy định của pháp luật;



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

c) Trường hợp thực sự cần thiết phải cung cấp dữ liệu nhằm mục đích ký kết hoặc thực hiện hợp đồng, bao gồm trường hợp hợp đồng liên quan đến vận chuyển xuyên biên giới, hậu cần, chuyển tiền, thanh toán, mở tài khoản ngân hàng và khách sạn, xin thị thực, dịch vụ kiểm tra.

12. Trường hợp chuyển, xử lý dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng theo quy định của khoản 11 Điều này phải gửi đánh giá tác động về Bộ Công an (hoặc Bộ Quốc phòng đối với dữ liệu do Bộ Quốc phòng quản lý) theo quy định tại khoản 4 Điều này sau 15 ngày kể từ ngày tiến hành thực hiện.

Điều 13. Các hoạt động khác trong xử lý dữ liệu

1. Thu hồi, xóa, hủy dữ liệu

a) Thu hồi dữ liệu là việc yêu cầu chuyển giao lại dữ liệu và thực hiện xóa, hủy dữ liệu đã cung cấp hoặc yêu cầu ngừng xử lý, sử dụng dữ liệu trong trường hợp không thể xóa, hủy dữ liệu.

Xóa dữ liệu là hoạt động loại bỏ dữ liệu khỏi cấu trúc, môi trường đang được lưu trữ.

Hủy dữ liệu là hoạt động loại bỏ dữ liệu khỏi cấu trúc, môi trường đang được lưu trữ và bảo đảm loại bỏ khả năng phục hồi bằng phương thức ghi đè hoặc phá hủy vật lý.

b) Việc xóa, hủy dữ liệu được thực hiện trong 72 giờ sau khi có yêu cầu của chủ thể dữ liệu và phải thông báo kết quả xử lý thu hồi, xóa, hủy dữ liệu cho chủ sở hữu dữ liệu, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Trường hợp không thể xóa, hủy dữ liệu, chủ sở hữu dữ liệu, chủ quản dữ liệu phải ngừng xử lý, sử dụng dữ liệu.

2. Điều chỉnh, cập nhật dữ liệu là việc thực hiện bổ sung, sửa một hoặc nhiều bản ghi dữ liệu trong cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

Chương III

QUẢN TRỊ, QUẢN LÝ, BẢO VỆ DỮ LIỆU

Điều 14. Quản trị, quản lý dữ liệu

1. Bộ Công an ban hành Khung quản trị, quản lý dữ liệu tổng thể để áp dụng chung cho cơ quan nhà nước có kết nối, chia sẻ dữ liệu với Trung tâm dữ liệu quốc gia.

2. Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu có kết nối, chia sẻ dữ liệu với Trung tâm dữ liệu quốc gia xây dựng Khung quản trị, quản lý dữ liệu chi tiết áp dụng đối với cơ sở dữ liệu do mình quản lý, bảo đảm phù hợp với Khung quản trị, quản lý dữ liệu tổng thể do Bộ Công an ban hành.

3. Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu xây dựng Khung quản trị, quản lý dữ liệu chi tiết bao gồm các nội dung chính sau:

- a) Cơ chế quản lý dữ liệu chủ, bảng mã danh mục dùng chung;
- b) Cơ chế quản lý hoạt động xử lý dữ liệu; phương án mở rộng, dự phòng lưu trữ dữ liệu;
- c) Đánh giá chất lượng dữ liệu; việc áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng dữ liệu, kết nối, chia sẻ dữ liệu;
- d) Cơ chế quản lý thông tin đặc tả dữ liệu (siêu dữ liệu);
- đ) Kiến trúc dữ liệu, mô hình dữ liệu;
- e) Cơ chế kết nối, chia sẻ;
- g) Cơ chế bảo vệ dữ liệu;
- h) Cơ chế phát triển, khai thác, sử dụng dữ liệu;



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

i) Cơ chế triển khai, kiểm soát, giám sát.

4. Quản lý dữ liệu chủ và dữ liệu danh mục dùng chung

a) Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu ban hành danh mục dữ liệu chủ, dữ liệu danh mục dùng chung trên cơ sở phối hợp, thống nhất với Bộ Công an;

b) Các nội dung quản trị, quản lý dữ liệu chủ bao gồm nguyên tắc cấp mã định danh; các thông tin cơ bản để mô tả, định danh, phân biệt đối tượng cụ thể trong dữ liệu chủ; quy trình tạo lập, cập nhật dữ liệu chủ; lựa chọn công nghệ, công cụ nhằm bảo đảm dữ liệu chủ được thu thập, cập nhật, khai thác và sử dụng chính xác, nhất quán và đầy đủ; thực hiện tạo lập, cập nhật, quản lý dữ liệu chủ; kết nối, chia sẻ dữ liệu chủ vào Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia; phối hợp với Bộ Công an để giám sát, đối soát bảo đảm chất lượng dữ liệu chủ trên toàn hệ thống;

c) Dữ liệu chủ trong cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu khác của cơ quan được giao trách nhiệm tạo lập và quản lý dữ liệu chủ có giá trị sử dụng chính thức, tương đương văn bản giấy được cơ quan có thẩm quyền cung cấp;

d) Bộ Công an xây dựng chính sách quản lý dữ liệu chủ được đồng bộ vào Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia; xây dựng các quy trình cho việc thu thập, cập nhật, xóa, sử dụng, chia sẻ, điều phối dữ liệu chủ trong Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia; xác định rõ các vai trò trách nhiệm cho chất lượng và tính toàn vẹn của dữ liệu chủ; giám sát chất lượng dữ liệu chủ.

5. Cơ quan nhà nước thực hiện dự án công nghệ thông tin về cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành phải lấy ý kiến của Bộ Công an (Trung tâm dữ liệu quốc gia) về nội dung xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý, sử dụng dữ liệu để tránh lãng phí, bảo đảm thống nhất, đồng bộ trong triển khai thực hiện.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

Điều 15. Xác định và quản lý rủi ro phát sinh trong xử lý dữ liệu

1. Các loại rủi ro phát sinh trong xử lý dữ liệu bao gồm:

- a) Rủi ro quyền riêng tư xảy ra do không tuân thủ quy định của pháp luật về quyền riêng tư của chủ thể dữ liệu trong quá trình xử lý và chuyển dữ liệu;
- b) Rủi ro an ninh mạng xảy ra do không áp dụng các biện pháp cần thiết để bảo vệ dữ liệu không được công khai khỏi những truy cập trái phép từ các đối tượng bên ngoài hoặc dữ liệu bị rò rỉ ra bên ngoài;
- c) Rủi ro nhận dạng và quản lý truy cập xảy ra do không bảo đảm việc bảo vệ dữ liệu không được công khai khỏi những truy cập trái phép;
- d) Rủi ro khác trong xử lý dữ liệu bao gồm: rủi ro chia sẻ dữ liệu xảy ra khi không có khả năng duy trì quyền kiểm soát đối với dữ liệu đã chia sẻ; rủi ro quản lý dữ liệu xảy ra do chất lượng của dữ liệu không đảm bảo.

2. Một số biện pháp phòng ngừa rủi ro phát sinh trong xử lý dữ liệu bao gồm:

- a) Thực hiện sao lưu dữ liệu thường xuyên và bảo đảm an toàn;
- b) Định kỳ bảo trì, bảo dưỡng, nâng cấp hệ thống nhằm duy trì và cải thiện hiệu suất, tính năng, tính bảo mật và tính nhất quán của hệ thống cơ sở dữ liệu; có biện pháp ứng phó khôi phục hệ thống để bảo đảm tính liên tục của hệ thống;
- c) Thực hiện các biện pháp bảo vệ dữ liệu theo quy định;
- d) Phân cấp chặt chẽ quyền truy cập đối với từng loại dữ liệu để phòng ngừa việc truy cập dữ liệu trái phép;



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

- d) Sử dụng các hệ thống giám sát và phát hiện xâm nhập để theo dõi hoạt động mạng và phát hiện các hành vi bất thường hoặc truy cập trái phép;
- e) Cài đặt và duy trì các phần mềm bảo mật;
- g) Thực hiện đánh giá rủi ro định kỳ hàng năm để xác định các lỗ hổng trong hệ thống và áp dụng các biện pháp phòng ngừa rủi ro tương ứng;
- h) Xây dựng phương án, kế hoạch xử lý sự cố để chủ động, kịp thời ứng phó, khắc phục sự cố;
- i) Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng bảo vệ dữ liệu, cách nhận biết các mối đe dọa, cách xử lý khi phát hiện rủi ro bảo mật; thường xuyên diễn tập phòng ngừa sự cố, giám sát, phát hiện, bảo đảm kịp thời ứng phó, khắc phục sự cố;
- k) Các biện pháp khác theo quy định pháp luật.

Điều 16. Bảo vệ dữ liệu

1. Cơ quan nhà nước có trách nhiệm tổ chức quản lý và bảo vệ dữ liệu thuộc phạm vi quản lý, bao gồm thiết lập hệ thống quản lý, giám sát, đánh giá rủi ro và cảnh báo sớm trong toàn bộ quá trình xử lý dữ liệu; thực hiện phân cấp, phân quyền truy cập phù hợp đối với các loại dữ liệu khác nhau, bảo đảm tuân thủ các chính sách chung về bảo vệ dữ liệu.

Khuyến khích các chủ quản dữ liệu không thuộc cơ quan nhà nước xây dựng các quy định riêng về bảo vệ dữ liệu do mình quản lý.

2. Việc bảo vệ dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng là dữ liệu cá nhân thực hiện theo quy định của Luật Dữ liệu và Nghị định này.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

Trường hợp chuyên, xử lý dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng xuyên biên giới và quản lý, bảo vệ dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng là dữ liệu cá nhân thực hiện theo quy định của Điều 12 và khoản 11 Điều 17 Nghị định này; không phải đánh giá tác động theo pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

3. Chủ quản dữ liệu cung cấp hoặc ủy thác việc xử lý dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng cho tổ chức, cá nhân không thuộc quy định tại Điều 12 Nghị định này phải đáp ứng những yêu cầu như sau:

a) Thỏa thuận với bên nhận dữ liệu về mục đích, phương thức, phạm vi, nghĩa vụ bảo vệ an ninh thông qua hợp đồng và tiến hành giám sát việc thực hiện nghĩa vụ của bên nhận dữ liệu. Hồ sơ về việc xử lý dữ liệu quan trọng được cung cấp hoặc ủy thác cho các bên nhận dữ liệu khác phải được lưu trữ ít nhất 3 năm;

b) Khi thực hiện cung cấp, ủy thác xử lý dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng, chủ quản dữ liệu cần thực hiện mã hóa, ký số và thực hiện các biện pháp bảo mật khác để bảo đảm tính bí mật, toàn vẹn và tính chống chối bỏ;

c) Bên tiếp nhận dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng phải thực hiện nghĩa vụ bảo vệ dữ liệu, xử lý dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng theo đúng mục đích, phương thức, phạm vi đã thỏa thuận.

4. Các biện pháp bảo vệ dữ liệu bao gồm:

a) Quản lý có liên quan đến xử lý dữ liệu gồm: xây dựng chính sách, quy chế, tiêu chí đánh giá an toàn, an ninh dữ liệu để bảo đảm tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy định về bảo vệ dữ liệu và các biện pháp quản lý khác theo quy định của pháp luật;

b) Biện pháp kỹ thuật có liên quan đến xử lý dữ liệu: bảo đảm an ninh vật lý, kiểm soát truy cập, kiểm tra an ninh mạng và các biện pháp kỹ thuật khác theo quy định của pháp luật;



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

- c) Quản lý nhân lực bảo vệ dữ liệu: xây dựng quy chế quản lý con người, đào tạo nhân lực bảo vệ dữ liệu;
- d) Các biện pháp bảo vệ dữ liệu khác theo quy định pháp luật.

Điều 17. Quản lý bảo vệ dữ liệu trong quá trình xử lý

1. Chủ quản dữ liệu phải thiết lập hệ thống quản lý việc bảo vệ dữ liệu trong toàn bộ quá trình xử lý dữ liệu.
2. Chủ quản dữ liệu thực hiện các biện pháp bảo vệ dữ liệu trong quá trình thu thập, tạo lập dữ liệu. Đối với dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng chủ quản dữ liệu cần thực hiện các nội dung sau:
 - a) Xây dựng quy trình thu thập, tạo lập dữ liệu và đánh giá, áp dụng các biện pháp bảo vệ trước khi thu thập, tạo lập dữ liệu;
 - b) Kiểm tra tính xác thực, giám sát chất lượng dữ liệu và truy xuất nguồn gốc dữ liệu.
3. Chủ quản dữ liệu thực hiện lưu trữ dữ liệu theo phương pháp, thời hạn theo quy định của pháp luật. Đối với dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng, chủ quản dữ liệu thực hiện các nội dung sau:
 - a) Xây dựng quy trình lưu trữ dữ liệu, trong đó quy định về quy trình sao lưu, phục hồi dữ liệu, ghi nhật ký lưu trữ, sao lưu, phục hồi dữ liệu;
 - b) Xây dựng hệ thống quản lý lưu trữ dữ liệu và áp dụng các công cụ, biện pháp kỹ thuật để bảo vệ dữ liệu trong quá trình lưu trữ, tự động thực hiện việc sao lưu, phục hồi dữ liệu;
 - c) Thực hiện xóa, hủy dữ liệu khi hết thời hạn lưu trữ hoặc dữ liệu không còn cần thiết cho mục đích xử lý.
4. Khi xử lý, sử dụng dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng, chủ quản dữ liệu cần thực hiện:



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

a) Xây dựng, triển khai quy chế truy cập, truy xuất dữ liệu bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc đặc quyền tối thiểu trong quá trình xử lý, sử dụng dữ liệu;

b) Xây dựng hệ thống kiểm soát truy cập dữ liệu, trong đó thiết lập nền tảng quản lý truy cập và nhận dạng thông nhất; áp dụng các biện pháp kỹ thuật để bảo vệ dữ liệu, kiểm soát việc truy cập, truy xuất dữ liệu trong quá trình xử lý, sử dụng dữ liệu.

5. Chủ quản dữ liệu có trách nhiệm làm rõ phạm vi, mục đích, quy trình, xây dựng quy chế bảo vệ và áp dụng các biện pháp bảo vệ dựa trên phân loại, mức độ và mục đích, trường hợp ứng dụng của dữ liệu được cung cấp ra bên ngoài.

6. Chủ sở hữu dữ liệu phải phân tích, đánh giá tác động đến quốc phòng, an ninh, đối ngoại, kinh tế vĩ mô, ổn định xã hội, sức khỏe và an toàn cộng đồng trước khi công khai dữ liệu.

7. Chủ sở hữu dữ liệu, chủ quản dữ liệu xây dựng phương án xóa, hủy dữ liệu, làm rõ mục tiêu, quy tắc, quy trình, kỹ thuật xóa, hủy, ghi nhận và lưu giữ hoạt động xóa, hủy. Trường hợp xóa, hủy dữ liệu quan trọng, dữ liệu cốt lõi thì chủ quản dữ liệu phải có tài liệu chứng minh hoạt động xóa, hủy dữ liệu bảo đảm không thể khôi phục.

8. Trường hợp chủ quản dữ liệu có nhu cầu chuyển dữ liệu vì tổ chức lại, giải thể, phá sản thì phải làm rõ kế hoạch chuyển dữ liệu và thông báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân bị ảnh hưởng.

Trường hợp tổ chức lại, giải thể tổ chức có quản lý dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng, chủ quản dữ liệu phải áp dụng các biện pháp bảo đảm an toàn dữ liệu, báo cáo phương án xử lý dữ liệu, tên hoặc thông tin của bên tiếp nhận cho cơ quan có thẩm quyền có liên quan.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

9. Trường hợp chủ quản dữ liệu ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện hoạt động xử lý dữ liệu thì phải làm rõ trách nhiệm, nghĩa vụ bảo mật dữ liệu của bên ủy thác và bên được ủy thác thông qua hợp đồng, thỏa thuận ủy thác. Trường hợp ủy thác xử lý dữ liệu quan trọng, dữ liệu cốt lõi thì bên ủy thác phải xác minh năng lực, trình độ bảo vệ dữ liệu của bên được ủy thác.

10. Chủ quản dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng phải ghi nhật ký xử lý dữ liệu trong toàn bộ quá trình xử lý dữ liệu. Nhật ký được lưu giữ trong thời gian ít nhất sáu tháng.

11. Chủ quản dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng hàng năm phải thực hiện đánh giá rủi ro đối với hoạt động xử lý dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng trong phạm vi quản lý, lập, lưu trữ báo cáo đánh giá rủi ro theo mẫu ban hành kèm theo Nghị định này và phải luôn có sẵn để phục vụ hoạt động kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền, trừ trường hợp đã lập hồ sơ đánh giá tác động chuyển, xử lý dữ liệu xuyên biên giới theo quy định tại Điều 12 Nghị định này. Báo cáo đánh giá rủi ro bao gồm:

a) Thông tin cơ bản về chủ quản dữ liệu, thông tin về bộ phận có chức năng bảo vệ an toàn dữ liệu, tên và thông tin liên lạc của người chịu trách nhiệm về bảo vệ dữ liệu;

b) Mục đích, loại, số lượng, phương pháp, phạm vi, thời gian lưu trữ, vị trí lưu trữ dữ liệu, hoạt động xử lý dữ liệu và hoàn cảnh thực hiện các hoạt động xử lý dữ liệu;

c) Hệ thống quản lý bảo vệ dữ liệu, các biện pháp kỹ thuật mã hóa, sao lưu, dán nhãn, kiểm soát truy cập và xác thực, các biện pháp cần thiết khác;

d) Rủi ro an toàn dữ liệu đã phát hiện, sự cố an toàn dữ liệu đã xảy ra và cách giải quyết;



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

đ) Các nội dung báo cáo khác theo quy định của các cơ quan có thẩm quyền có liên quan.

Điều 18. Quản lý nhân sự và đào tạo, bồi dưỡng nhân sự bảo vệ dữ liệu

1. Chủ sở hữu dữ liệu, chủ quản dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng phải xác định người chịu trách nhiệm về bảo vệ dữ liệu và bộ phận bảo vệ an toàn dữ liệu.

2. Người chịu trách nhiệm về bảo vệ dữ liệu có chức năng, nhiệm vụ quản lý, bảo vệ dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng bao gồm tổ chức xây dựng các kế hoạch bảo vệ an toàn dữ liệu quan trọng, tổ chức đánh giá rủi ro; thực hiện báo cáo trực tiếp về tình hình bảo vệ dữ liệu cho các cơ quan có thẩm quyền theo quy định; phải được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về bảo vệ dữ liệu.

3. Bộ phận bảo vệ an toàn dữ liệu có chức năng, nhiệm vụ như sau:

a) Phát triển, triển khai hệ thống quản lý bảo vệ dữ liệu, quy trình vận hành, kế hoạch ứng cứu khẩn cấp sự cố bảo vệ dữ liệu;

b) Định kỳ tổ chức và thực hiện các hoạt động như giám sát rủi ro an toàn dữ liệu, đánh giá rủi ro, diễn tập khẩn cấp, tuyên truyền, giáo dục, đào tạo, giải quyết kịp thời các rủi ro, sự cố an toàn dữ liệu mạng;

c) Nghiên cứu và đề xuất các quyết định liên quan đến bảo vệ dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng;

d) Tiếp nhận và xử lý các báo cáo về bảo vệ dữ liệu của đơn vị.

4. Chủ sở hữu dữ liệu, chủ quản dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng phải thực hiện:

a) Làm rõ các yêu cầu quản lý an toàn trong tuyển dụng, sử dụng, đào tạo, giới thiệu, luân chuyển, từ chức, đánh giá và lựa chọn nhân sự;



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

b) Không bố trí những người có tiền án trong lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông làm người chịu trách nhiệm về bảo vệ dữ liệu;

c) Ký thỏa thuận trách nhiệm bảo mật với nhân viên xử lý dữ liệu.

5. Xây dựng kế hoạch và thực hiện đào tạo về bảo vệ dữ liệu hàng năm.

6. Người chịu trách nhiệm về bảo vệ dữ liệu được thỏa thuận với chủ sở hữu, chủ quản dữ liệu về các trường hợp miễn trừ trách nhiệm khi xảy ra thiệt hại đối với dữ liệu được bảo vệ.

Điều 19. Giám sát bảo mật dữ liệu, cảnh báo sớm và quản lý khẩn cấp

1. Nội dung giám sát bảo mật dữ liệu, cảnh báo sớm và quản lý khẩn cấp gồm:

a) Thiết lập cơ chế giám sát rủi ro an toàn dữ liệu;

b) Tổ chức soạn thảo các giao diện, tiêu chuẩn giám sát;

c) Xây dựng cơ chế báo cáo, chia sẻ thông tin rủi ro an toàn dữ liệu, thống nhất thu thập, phân tích, đánh giá, báo cáo thông tin rủi ro an toàn dữ liệu;

d) Xây dựng kế hoạch ứng phó khẩn cấp sự cố an toàn dữ liệu.

2. Bộ Công an thực hiện giám sát bảo mật, cảnh báo sớm và quản lý khẩn cấp dữ liệu trừ nội dung quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Bộ Quốc phòng thực hiện giám sát bảo mật, cảnh báo sớm và quản lý khẩn cấp đối với các dữ liệu thuộc phạm vi quản lý.

4. Chủ quản dữ liệu có trách nhiệm:



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

a) Thông báo kịp thời cho chủ sở hữu dữ liệu về các sự cố an toàn dữ liệu có thể gây tổn hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức và đưa ra các biện pháp giảm thiểu thiệt hại;

b) Sau khi xảy ra sự cố an toàn dữ liệu, phải kịp thời tiến hành ứng phó khẩn cấp theo kế hoạch ứng phó khẩn cấp, báo cáo các sự cố bảo mật liên quan đến dữ liệu quan trọng và dữ liệu cốt lõi cho Bộ Công an, Bộ Quốc phòng quản lý trong thời gian sớm nhất có thể.

5. Bộ Công an thiết lập cơ chế giám sát rủi ro an toàn dữ liệu, xây dựng các tiêu chuẩn giám sát và cảnh báo sớm an toàn dữ liệu, phối hợp xây dựng các phương tiện kỹ thuật giám sát và cảnh báo sớm an toàn dữ liệu, hình thành năng lực giám sát, cảnh báo sớm, xử lý, truy xuất nguồn gốc, tăng cường chia sẻ thông tin với các bộ phận liên quan.

Chủ quản dữ liệu phải thực hiện giám sát rủi ro an toàn dữ liệu, kịp thời điều tra các rủi ro an ninh tiềm ẩn và áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa rủi ro an toàn dữ liệu.

6. Bộ Công an xây dựng cơ chế báo cáo, chia sẻ thông tin rủi ro an toàn dữ liệu, thống nhất thu thập, phân tích, đánh giá, báo cáo thông tin rủi ro an toàn dữ liệu, khuyến khích các tổ chức cung cấp dịch vụ bảo mật, tổ chức nghiên cứu khoa học chia sẻ thông tin về rủi ro an toàn dữ liệu.

Chủ quản dữ liệu tóm tắt và phân tích riêng các rủi ro bảo mật dữ liệu trong phạm vi quản lý, đồng thời báo cáo kịp thời các rủi ro có thể gây ra các sự cố bảo mật lớn về Bộ Công an.

7. Bộ Công an xây dựng kế hoạch ứng phó khẩn cấp sự cố an toàn dữ liệu, bao gồm cơ cấu và trách nhiệm tổ chức khẩn cấp, phân loại và phân cấp các sự cố an toàn dữ liệu, giám sát và cảnh báo sớm, quy trình ứng phó khẩn cấp, các biện pháp bảo vệ, đồng thời tổ chức, phối hợp ứng phó với các sự cố dữ liệu quan trọng, an toàn dữ liệu cốt lõi.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

8. Chủ quản dữ liệu thực hiện diễn tập kế hoạch dự phòng đối với các sự cố an toàn dữ liệu quan trọng, cốt lõi tiên hành diễn tập khẩn cấp định kỳ 06 tháng/lần, lưu hồ sơ diễn tập và báo cáo tóm tắt diễn tập, cập nhật kịp thời các kế hoạch dự phòng theo những thay đổi lớn trong chính hệ thống xử lý dữ liệu hoặc môi trường bên ngoài.

Chương IV

TRUNG TÂM DỮ LIỆU QUỐC GIA, CƠ SỞ DỮ LIỆU TỔNG HỢP QUỐC GIA

Điều 20. Cơ sở hạ tầng của Trung tâm dữ liệu quốc gia

1. Hệ thống thông tin của Trung tâm dữ liệu quốc gia tách biệt với hệ thống phát triển, kiểm tra và thử nghiệm; bảo đảm an ninh, bảo mật theo cấp độ nhằm kiểm soát, phát hiện, ngăn chặn các nguy cơ mất an ninh, an toàn thông tin.
2. Trung tâm dữ liệu quốc gia xây dựng, phát triển cơ sở hạ tầng điện toán đám mây và triển khai thành các vùng chức năng để phục vụ nhu cầu của cơ quan nhà nước bảo đảm việc phát triển các phân hệ tích hợp, đồng bộ, khai thác dữ liệu, yêu cầu cao về bảo mật thông tin.
3. Trung tâm dữ liệu quốc gia thiết lập hạ tầng tính toán hiệu suất cao và hệ thống phân tích dữ liệu phục vụ công tác quản lý với các mô hình phân tích dự báo phục vụ công tác khai thác từ Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia. Cung cấp điều kiện kỹ thuật hỗ trợ việc nghiên cứu phát triển lĩnh vực toán ứng dụng; hỗ trợ công tác xây dựng các cơ chế chính sách, quy hoạch, chiến lược phát triển quốc gia, phát triển sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.
4. Trung tâm dữ liệu quốc gia thiết lập Cổng dữ liệu quốc gia là đầu mối để các cơ quan nhà nước công bố thông tin về các loại dữ liệu đang quản lý; công bố dữ liệu mở, cung cấp dữ liệu mở nhằm tăng cường tính minh bạch trong hoạt động của Chính phủ và thúc đẩy sáng tạo, phát triển kinh tế, xã hội; để tổ chức, cá nhân cung cấp dữ liệu phục vụ cho các



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

mục tiêu vì lợi ích chung, cải thiện việc cung cấp dịch vụ công, hoạch định chính sách công hoặc mục đích nghiên cứu khoa học vì lợi ích chung; phục vụ cơ quan, tổ chức, cá nhân truy cập, tìm kiếm, khám phá và sử dụng dữ liệu mở.

5. Trung tâm dữ liệu quốc gia xây dựng ứng dụng trên thiết bị số phục vụ khai thác, sử dụng dữ liệu của Trung tâm dữ liệu quốc gia, cung cấp các sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu và phát triển các tiện ích khác để phục vụ cơ quan, tổ chức, cá nhân.

6. Trung tâm dữ liệu quốc gia xây dựng hệ thống liên lạc với cá nhân và tổ chức phục vụ hoạt động của Trung tâm dữ liệu quốc gia.

7. Trung tâm dữ liệu quốc gia cung cấp các loại dịch vụ sau:

a) Dịch vụ hạ tầng nhà trạm, chỗ đặt máy chủ, cung cấp không gian hạ tầng chỗ đặt, hệ thống điện, điều hòa và các thiết bị liên quan khác để triển khai hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu, cho phép chủ quản cơ sở dữ liệu, cơ quan, tổ chức có nhu cầu chủ động sử dụng, kiểm soát hệ thống của mình, theo hình thức sử dụng không gian chung hoặc theo khu riêng, tuân thủ quy định về quản lý, vận hành Trung tâm dữ liệu quốc gia;

b) Dịch vụ cung cấp máy chủ, thiết bị mạng, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, bảo mật hoặc lưu trữ với cấu hình đa dạng, không gian chỗ đặt tương ứng tại các Trung tâm dữ liệu quốc gia, phù hợp với nhu cầu của chủ quản cơ sở dữ liệu, cơ quan, tổ chức có nhu cầu;

c) Dịch vụ triển khai và vận hành hạ tầng kỹ thuật phục vụ cơ sở dữ liệu quốc gia và hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu, cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin khác.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

8. Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội xác định loại dịch vụ cung cấp bởi Trung tâm dữ liệu quốc gia theo quy định tại khoản 7 Điều này, bảo đảm phù hợp với hiện trạng, yêu cầu nghiệp vụ, quy định về đầu tư dự án công nghệ thông tin sử dụng vốn ngân sách nhà nước và gửi văn bản đề nghị Trung tâm dữ liệu quốc gia cung cấp dịch vụ. Nội dung văn bản đề nghị cần xác định rõ nhu cầu sử dụng dịch vụ của Trung tâm dữ liệu quốc gia; quy mô hệ thống dự kiến đặt tại Trung tâm dữ liệu quốc gia; nhu cầu về nhân lực hỗ trợ quản trị, vận hành hạ tầng, hệ thống thông tin.

9. Bộ trưởng Bộ Công an hướng dẫn việc cung cấp, triển khai các dịch vụ của Trung tâm dữ liệu quốc gia khi có đủ các điều kiện về hạ tầng.

Điều 21. Trách nhiệm của Trung tâm dữ liệu quốc gia

1. Hướng dẫn cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về dữ liệu thuộc phạm vi đồng bộ về Trung tâm dữ liệu quốc gia.

2. Thực hiện các biện pháp giám sát, đánh giá chất lượng dữ liệu được chia sẻ, đồng bộ về Trung tâm dữ liệu quốc gia.

3. Điều phối dữ liệu của Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia.

4. Thực hiện các biện pháp bảo vệ dữ liệu được áp dụng ngay từ khi bắt đầu và trong suốt quá trình xử lý dữ liệu theo quy định tại khoản 6 Điều 16 Nghị định này.

5. Thực hiện ký kết các thỏa thuận, biên bản ghi nhớ với các cơ quan, tổ chức quốc tế để thúc đẩy hợp tác quốc tế trong quản lý, bảo vệ dữ liệu, nghiên cứu khoa học, chuyển giao dữ liệu xuyên biên giới, đào tạo, nâng cao năng lực, trình độ về các nội dung liên quan đến dữ liệu nhằm thúc đẩy các hoạt động đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

6. Giúp Bộ Công an thực hiện quản lý nhà nước về dữ liệu.

Điều 22. Bảo đảm nguồn lực xây dựng, phát triển Trung tâm dữ liệu quốc gia

1. Trung tâm dữ liệu quốc gia xây dựng kế hoạch, chương trình đào tạo, hợp tác quốc tế, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của Trung tâm dữ liệu quốc gia.

2. Cán bộ, chiến sĩ làm việc tại Trung tâm dữ liệu quốc gia được hưởng mức hỗ trợ là 500.000 đồng/ngày làm việc từ nguồn thu phí khai thác, sử dụng dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia sau khi nộp vào ngân sách nhà nước.

Tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Trung tâm dữ liệu quốc gia được vận dụng chế độ hỗ trợ này để quyết định các chế độ đối với người làm công tác chuyên môn về dữ liệu.

3. Bộ trưởng Bộ Công an ban hành danh mục vị trí việc làm tại Trung tâm dữ liệu quốc gia; ban hành cơ chế thu hút, trọng dụng, đãi ngộ nguồn nhân lực chất lượng cao làm việc cho Trung tâm dữ liệu quốc gia.

Điều 23. Khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia

1. Khai thác qua kết nối, chia sẻ trực tiếp thông tin với Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia

a) Trung tâm dữ liệu quốc gia cấp tài khoản cho cơ quan, tổ chức để truy cập, khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia;

b) Cơ quan, tổ chức được Trung tâm dữ liệu quốc gia cấp tài khoản có trách nhiệm tạo lập, quản lý tài khoản riêng trên hệ thống thông tin của mình đã kết nối với Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia và phân quyền sử dụng tài khoản đã tạo lập cho cá nhân thuộc quyền quản lý theo chức năng, nhiệm vụ được giao;



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

c) Cá nhân được phân quyền sử dụng tài khoản riêng thuộc cơ quan, tổ chức sử dụng tài khoản riêng đó để tra cứu, khai thác thông tin về công dân trong Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia thông qua hệ thống thông tin của cơ quan, tổ chức;

d) Hệ thống thông tin của cơ quan, tổ chức gửi yêu cầu khai thác thông tin tới Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia qua tài khoản đã được Trung tâm dữ liệu quốc gia cấp. Kết quả khai thác được thể hiện dưới dạng văn bản giấy hoặc văn bản điện tử và được lưu trữ tại hệ thống thông tin được kết nối, chia sẻ, khai thác thông tin;

đ) Trung tâm dữ liệu quốc gia có trách nhiệm kiểm tra, xác thực thông tin tài khoản và trả kết quả khai thác theo yêu cầu, phù hợp với quyền hạn, phạm vi thông tin được khai thác của tài khoản.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia qua cổng dữ liệu quốc gia, Cổng Dịch vụ công quốc gia tại Trung tâm dữ liệu quốc gia và thiết bị, phương tiện, phần mềm theo hướng dẫn của Bộ Công an.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia qua cổng thông tin điện tử, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính theo hướng dẫn của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

4. Khai thác bằng văn bản yêu cầu khai thác, cung cấp thông tin

a) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có văn bản yêu cầu khai thác, cung cấp thông tin trong Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia và gửi về Trung tâm dữ liệu quốc gia;



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

b) Văn bản yêu cầu khai thác, cung cấp thông tin phải nêu rõ mục đích, nội dung, phạm vi thông tin cần khai thác trong Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia và cam đoan về việc chịu trách nhiệm trong sử dụng thông tin khi được khai thác và các thông tin khác;

c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia thì người có thẩm quyền xem xét, quyết định cho phép khai thác thông tin;

d) Trường hợp đồng ý cho phép khai thác thông tin thì có văn bản trả lời và cung cấp thông tin cho cơ quan, tổ chức, cá nhân. Trường hợp không đồng ý cho phép khai thác thông tin thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

5. Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia phục vụ thực hiện thủ tục hành chính:

a) Tự động thực hiện thủ tục hành chính, chế độ, chính sách cho cá nhân, tổ chức khi thông tin, dữ liệu phục vụ cho việc xem xét, giải quyết thủ tục hành chính đã có đầy đủ trong Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia. Cơ quan, người có thẩm quyền chủ động giải quyết thủ tục hành chính, chế độ, chính sách cho cá nhân, tổ chức dựa trên thông tin, dữ liệu đã được kết nối, chia sẻ, khai thác từ Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia và sự đồng ý của cá nhân, tổ chức;

b) Khai thác, tái sử dụng dữ liệu, xây dựng dịch vụ công trực tuyến tập trung trên Cổng dịch vụ công quốc gia, bảo đảm đơn giản, thông suốt, thuận lợi, thân thiện với người sử dụng, tiết kiệm, hiệu quả;

c) Kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia với Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh phục vụ tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức, bảo đảm không yêu cầu cá nhân, tổ chức khai báo, cung cấp lại thông tin, giấy tờ đã có trong Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia; đồng bộ đầy đủ dữ liệu số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính từ Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

ting, Cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành do bộ, cơ quan, địa phương quản lý với Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia phục vụ khai thác, tái sử dụng dữ liệu, bảo đảm cá nhân, tổ chức chỉ cung cấp thông tin, dữ liệu, giấy tờ một lần cho cơ quan nhà nước trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công.

Điều 24. Kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia

1. Chủ quản các cơ sở dữ liệu của các cơ quan nhà nước khi xây dựng cơ sở dữ liệu có kết nối đến Trung tâm dữ liệu quốc gia có trách nhiệm tuân thủ hướng dẫn của Trung tâm dữ liệu quốc gia để bảo đảm việc kết nối, chia sẻ dữ liệu.

2. Trung tâm dữ liệu quốc gia và cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu xây dựng thỏa thuận kết nối, chia sẻ dữ liệu như sau bao gồm những nội dung:

- a) Mục đích chia sẻ dữ liệu;
- b) Phạm vi dữ liệu được chia sẻ;
- c) Phương thức kết nối, chia sẻ dữ liệu;
- d) Thời gian, tần suất chia sẻ dữ liệu;
- đ) Các nội dung khác có liên quan.

3. Phương thức chia sẻ dữ liệu

a) Việc chia sẻ dữ liệu giữa cơ sở dữ liệu của cơ quan nhà nước được thực hiện thông qua Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu của Trung tâm dữ liệu quốc gia và các nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu khác;

b) Việc chia sẻ dữ liệu giữa tổ chức, cá nhân với Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia thực hiện qua Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu, cổng dữ liệu, qua tập tin và các phương thức khác tùy theo thỏa thuận chia sẻ giữa các bên.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

4. Trung tâm dữ liệu quốc gia thực hiện giám sát hoạt động chia sẻ thông qua hệ thống giám sát để có đánh giá việc cung cấp và sử dụng dữ liệu.

Điều 25. Cung cấp dữ liệu cho Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia

1. Tổ chức, cá nhân không phải là cơ quan nhà nước cung cấp dữ liệu cho Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia thông qua thỏa thuận với Trung tâm dữ liệu quốc gia. Văn bản thỏa thuận cung cấp dữ liệu phải xác định rõ mục đích cung cấp dữ liệu; phạm vi dữ liệu được cung cấp; phương thức cung cấp dữ liệu; thời gian, tần suất cung cấp và các nội dung liên quan khác.

2. Trách nhiệm của cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu trong việc cung cấp dữ liệu cho Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia

- a) Đồng bộ dữ liệu cho Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Luật Dữ liệu;
- b) Đồng bộ dữ liệu chủ, dữ liệu phục vụ giải quyết thủ tục hành chính trên Cổng dịch vụ công quốc gia thuộc phạm vi quản lý ngay khi có sự điều chỉnh, cập nhật vào Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia;
- c) Đối với dữ liệu khác thực hiện đồng bộ khi có điều chỉnh, cập nhật theo thỏa thuận với Trung tâm dữ liệu quốc gia.

3. Trung tâm dữ liệu quốc gia phối hợp với cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu triển khai các biện pháp kỹ thuật phù hợp để bảo đảm khi dữ liệu chủ thay đổi, dữ liệu trong các cơ sở dữ liệu tham chiếu đến phải được đồng bộ tương ứng.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

Chương V

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC

Điều 26. Trách nhiệm của Bộ Công an

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức triển khai, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Nghị định này.
2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan quản lý hoạt động xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý, sử dụng dữ liệu; bảo đảm an ninh dữ liệu, đấu tranh phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực dữ liệu; quản lý, theo dõi, giám sát đối với hoạt động kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu theo quy định của Nghị định này.
3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan triển khai xây dựng Trung tâm dữ liệu quốc gia đáp ứng các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với trung tâm dữ liệu.
4. Chủ trì xây dựng, ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và hướng dẫn thi hành văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về dữ liệu.
5. Chủ trì phối hợp Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ, Bộ Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan rà soát, tổng hợp đề xuất Chính phủ chỉ đạo các bộ, cơ quan, địa phương xây dựng, sửa đổi, bổ sung các văn bản liên quan đến việc triển khai, quản trị vận hành của Trung tâm dữ liệu quốc gia.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

6. Tổ chức thực hiện kết nối, chia sẻ, điều phối dữ liệu giữa hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của cơ quan, tổ chức, cá nhân với Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia thông qua Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu của Trung tâm dữ liệu quốc gia.

7. Bảo đảm hạ tầng công nghệ thông tin cho cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội phục vụ việc quản lý, quản trị, xử lý dữ liệu thuộc phạm vi quản lý tại Trung tâm dữ liệu quốc gia.

8. Chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định, đánh giá, kiểm tra, hỗ trợ giám sát và điều phối ứng phó sự cố an ninh mạng, an toàn thông tin trong quá trình xây dựng, triển khai, vận hành các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tại Trung tâm dữ liệu quốc gia.

9. Chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hoặc hướng dẫn kỹ thuật về tổ chức, kết nối, chia sẻ, đồng bộ dữ liệu với Trung tâm dữ liệu quốc gia.

10. Xây dựng tiêu chuẩn kiến trúc hệ thống phần mềm tại Trung tâm dữ liệu quốc gia.

11. Hướng dẫn tổ chức phân loại dữ liệu của cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức, chỉ đạo công tác đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ về dữ liệu trên phạm vi cả nước.

12. Xây dựng và vận hành Cổng dữ liệu quốc gia.

13. Bộ trưởng Bộ Công an quyết định mức chi cho hoạt động hỗ trợ kinh phí bảo đảm kết nối, chia sẻ; hỗ trợ bù đắp chi phí tạo lập, thu thập dữ liệu trên cơ sở thống nhất với Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

Điều 27. Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng

1. Chịu trách nhiệm trước Chính phủ trong thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với các dữ liệu thuộc phạm vi quản lý.
2. Phối hợp với Bộ Công an, các cơ quan, tổ chức bố trí lực lượng, phương tiện thích hợp để phát hiện, ngăn chặn từ xa mọi hành vi xâm phạm Trung tâm dữ liệu quốc gia cả về địa lý và trên không gian mạng.
3. Chủ trì quản lý hoạt động lưu trữ, bảo vệ dữ liệu, bảo đảm an ninh dữ liệu; quản lý, theo dõi, giám sát, tổ chức thực hiện kết nối, chia sẻ, điều phối dữ liệu giữa hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu; ứng dụng khoa học trong xử lý, quản lý, khai thác, sử dụng dữ liệu; quản lý, cấp phép chuyển dữ liệu ra nước ngoài; sử dụng quỹ phát triển dữ liệu quốc gia đối với các dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng.

Điều 28. Trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Hướng dẫn cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội phát triển, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin và việc xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về tổ chức, kết nối, chia sẻ, đồng bộ dữ liệu; thực hiện chuẩn hoá, kết nối, chia sẻ dữ liệu, tính toán tối ưu giữa việc đầu tư hạ tầng mới và sử dụng hạ tầng do Trung tâm dữ liệu quốc gia cung cấp.
2. Rà soát, đánh giá năng lực mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan để xây dựng phương án nâng cấp, bảo đảm các đơn vị có thể truy cập, quản trị hệ thống đặt tại Trung tâm dữ liệu quốc gia thông qua mạng truyền số liệu chuyên dùng.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

3. Phối hợp với Bộ Công an và cơ quan có liên quan trong nghiên cứu làm chủ và ứng dụng các công nghệ số, dữ liệu số hình thành các sản phẩm, dịch vụ phục vụ phát triển chính phủ số, chính quyền số và phát triển kinh tế - xã hội thông qua các Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp quốc gia.

4. Phối hợp với Bộ Công an trong việc xác định mức chi cho hoạt động hỗ trợ kinh phí bảo đảm kết nối, chia sẻ; hỗ trợ bù đắp chi phí tạo lập, thu thập dữ liệu.

Điều 29. Trách nhiệm của Văn phòng Chính phủ

1. Chủ trì xây dựng yêu cầu chức năng, nghiệp vụ, giao diện; hỗ trợ, hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương xử lý các vấn đề về chức năng, quy trình nghiệp vụ, dữ liệu của Cổng Dịch vụ công quốc gia; phối hợp với Bộ Công an quản trị, vận hành Cổng Dịch vụ công quốc gia tại Trung tâm dữ liệu quốc gia; thực hiện các nhiệm vụ khác về phát triển Cổng Dịch vụ công quốc gia theo yêu cầu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; quản lý, vận hành Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính;

2. Phối hợp Bộ Công an và các đơn vị liên quan đánh giá nhu cầu, thực hiện chuyển dịch hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin các hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ để đặt tại Trung tâm dữ liệu quốc gia.

Điều 30. Trách nhiệm của Ban Cơ yếu Chính phủ

1. Chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai các sản phẩm mã hóa, giải mã dữ liệu.

2. Ban Cơ yếu Chính phủ giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với dữ liệu về cơ yếu.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

3. Phối hợp với Bộ Công an triển khai các giải pháp bảo đảm an toàn, xác thực và bảo mật thông tin dùng mật mã; triển khai dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ cho các hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu của cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội.

Điều 31. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

1. Phối hợp với Bộ Công an trong việc xác định mức chi cho hoạt động hỗ trợ kinh phí bảo đảm kết nối, chia sẻ; hỗ trợ bù đắp chi phí tạo lập, thu thập dữ liệu.
2. Ban hành Thông tư quy định thu phí khai thác và sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia, cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành trên cơ sở đề xuất của các bộ, cơ quan ngang bộ.

Điều 32. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

1. Chủ trì, phối hợp với Bộ Công an, Bộ Quốc phòng và cơ quan có liên quan quản lý hoạt động thu thập, cập nhật, điều chỉnh, sao chép, chia sẻ, chuyển giao, xóa, hủy dữ liệu, lưu trữ, bảo vệ dữ liệu thuộc phạm vi quản lý.
2. Thực hiện đồng bộ dữ liệu thuộc phạm vi quản lý về Trung tâm dữ liệu quốc gia theo quy định của Nghị định này và phối hợp với Bộ Công an thực hiện giám sát và đối soát để bảo đảm tính chính xác của dữ liệu.
3. Các bộ, ngành, địa phương phối hợp Văn phòng Chính phủ, Bộ Công an và các đơn vị có liên quan thực hiện tái cấu trúc quy trình, sửa đổi các văn bản pháp lý theo lộ trình thu thập, cập nhật, đồng bộ dữ liệu về Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

4. Thực hiện nâng cấp, bảo trì, sửa chữa hạ tầng, thiết bị của cơ quan khi sử dụng hạ tầng của Trung tâm dữ liệu quốc gia.

5. Kiến nghị Bộ Tài chính về mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý và sử dụng đối với phí khai thác và sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia, cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành thuộc ngành, lĩnh vực quản lý.

Chương VI **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 33. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Điều 34. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng các bộ, Thủ trưởng các cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KSTT (2)

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Nguyễn Chí Dũng



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

PHỤ LỤC

DANH MỤC HỒ SƠ VÀ BIỂU MẪU

(Kèm theo Nghị định số 165/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ)

STT	Nội dung	Thành phần hồ sơ	Biểu mẫu
1	Đánh giá tác động chuyển, xử lý dữ liệu xuyên biên giới	Thông báo gửi hồ sơ đánh giá tác động chuyển, xử lý dữ liệu xuyên biên giới	Mẫu số 01a - Thông báo gửi hồ sơ đánh giá tác động chuyển, xử lý dữ liệu xuyên biên giới đối với cá nhân Mẫu số 01b- Thông báo gửi hồ sơ đánh giá tác động chuyển, xử lý dữ liệu xuyên biên giới đối với tổ chức
		Báo cáo đánh giá tác động chuyển, xử lý dữ liệu xuyên biên giới.	Mẫu số 02 - Báo cáo đánh giá tác động chuyển, xử lý dữ liệu xuyên biên giới
		Thông báo kết quả hồ sơ đánh giá tác động chuyển, xử lý dữ liệu xuyên biên giới	Mẫu số 03- Thông báo kết quả hồ sơ đánh giá tác động chuyển, xử lý dữ liệu xuyên biên giới
		Bản sao Hợp đồng hoặc các văn bản thỏa thuận	



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

STT	Nội dung	Thành phần hồ sơ	Biểu mẫu
		có hiệu lực pháp lý khác được ký kết với bên nhận dữ liệu	
		Trường hợp bên chuyển dữ liệu là tổ chức: Bản sao quyết định thành lập, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc các giấy tờ khác có giá trị tương đương của bên chuyển dữ liệu	
		Trường hợp bên chuyển dữ liệu là cá nhân: bản sao thẻ căn cước, hộ chiếu hoặc giấy tờ định danh cá nhân khác còn hiệu lực ít nhất 06 tháng tính tới thời điểm nộp hồ sơ của bên chuyển dữ liệu	
		Trường hợp bên nhận dữ liệu là tổ chức: Bản sao quyết định thành lập, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc các giấy tờ khác có giá trị tương đương của bên nhận dữ liệu	
		Trường hợp bên nhận dữ liệu là cá nhân: bản sao hộ chiếu hoặc giấy tờ định danh cá nhân	



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

STT	Nội dung	Thành phần hồ sơ	Biểu mẫu
		khác còn hiệu lực ít nhất 06 tháng tính tới thời điểm nộp hồ sơ của bên nhận dữ liệu	
2	Chấm dứt chuyển, xử lý dữ liệu xuyên biên giới	Thông báo chấm dứt chuyển, xử lý dữ liệu xuyên biên giới	Mẫu số 04a - Thông báo chấm dứt chuyển dữ liệu xuyên biên giới của cá nhân Mẫu 04b - Thông báo chấm dứt chuyển dữ liệu xuyên biên giới của tổ chức
		Trường hợp bên chuyển dữ liệu là tổ chức: Bản sao quyết định thành lập, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc các giấy tờ khác có giá trị tương đương của bên chuyển dữ liệu	
		Trường hợp bên chuyển dữ liệu là cá nhân: bản sao thẻ căn cước, hộ chiếu hoặc giấy tờ định danh cá nhân khác còn hiệu lực ít nhất 06 tháng tính tới thời điểm nộp hồ sơ	
		Biên bản hoặc văn bản thỏa thuận khác về việc	



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

STT	Nội dung	Thành phần hồ sơ	Biểu mẫu
		chấm dứt chuyển, xử lý dữ liệu biên giới và trách nhiệm của các bên sau thời gian chấm dứt chuyển, xử lý dữ liệu xuyên biên giới	
3	Đánh giá rủi ro hoạt động xử lý dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng	Thông báo gửi báo cáo đánh giá rủi ro hoạt động xử lý dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng	Mẫu 05a - Thông báo gửi báo cáo đánh giá rủi ro hoạt động xử lý dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng đối với cá nhân
			Mẫu 05b - Thông báo gửi báo cáo đánh giá rủi ro hoạt động xử lý dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng đối với tổ chức
		Báo cáo đánh giá rủi ro hoạt động xử lý dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng	Mẫu 06 - Báo cáo đánh giá rủi ro hoạt động xử lý dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng
		Bản sao Hợp đồng hoặc các văn bản thỏa thuận có hiệu lực pháp lý khác được ký kết với bên nhận, nhận ủy thác xử lý dữ liệu (nếu có thực	



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

STT	Nội dung	Thành phần hồ sơ	Biểu mẫu
		hiện cung cấp, ủy thác xử lý dữ liệu)	
		Trường hợp bên báo cáo là tổ chức: Bản sao quyết định thành lập, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc các giấy tờ khác có giá trị tương đương của bên báo cáo	
		Trường hợp bên báo cáo là cá nhân: bản sao thẻ căn cước, hộ chiếu hoặc giấy tờ định danh cá nhân khác còn hiệu lực ít nhất 06 tháng tính tới thời điểm nộp hồ sơ của bên báo cáo	
		Trường hợp bên nhận, nhận ủy thác xử lý dữ liệu là tổ chức: Bản sao quyết định thành lập, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc các giấy tờ khác có giá trị tương đương của bên nhận, nhận ủy thác xử lý dữ liệu	
		Trường hợp bên nhận, nhận ủy thác xử lý dữ liệu là cá nhân: bản sao hộ chiếu hoặc giấy tờ định danh cá nhân khác còn hiệu lực ít nhất 06	



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

STT	Nội dung	Thành phần hồ sơ	Biểu mẫu
		tháng tính tới thời điểm nộp hồ sơ của bên nhận, nhận ủy thác xử lý dữ liệu.	
	Khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia		Mẫu số 07a - Phiếu đề nghị khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia
			Mẫu số 07b - Phiếu cung cấp thông tin trong Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

Mẫu 01a

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm ...

THÔNG BÁO GỬI HỒ SƠ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CHUYÊN, XỬ LÝ DỮ LIỆU XUYÊN BIÊN GIỚI

Kính gửi: Trung tâm Dữ liệu Quốc gia - Bộ Công an.

Thực hiện quy định của Luật Dữ liệu về dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng, kính gửi Bộ Công an Hồ sơ đánh giá tác động chuyên, xử lý dữ liệu xuyên biên giới, như sau:

1. Thông tin về người gửi hồ sơ

- Tên cá nhân:

- Địa chỉ:.....

Số CMTND/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu.....

cấp ngày...../...../..... tại.....

- Số điện thoại:.....

- Email:.....



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

- Đơn vị công tác (nếu có):.....

2. Hồ sơ đánh giá tác động chuyển, xử lý dữ liệu xuyên biên giới (bao gồm các hồ sơ theo mẫu, tài liệu, văn bản, hình ảnh kèm theo)

1.

2.

3. Cam kết

Tôi xin cam kết: Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của Hồ sơ đánh giá tác động chuyển, xử lý dữ liệu xuyên biên giới và tài liệu kèm theo./.

Nơi nhận:

- Như trên;

...

NGƯỜI GỬI HỒ SƠ

(Ký, ghi rõ họ tên)



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

Mẫu số 01b

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm ...

THÔNG BÁO GỬI HỒ SƠ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CHUYÊN, XỬ LÝ DỮ LIỆU XUYÊN BIÊN GIỚI

Kính gửi: Trung tâm Dữ liệu Quốc gia - Bộ Công an.

Thực hiện quy định của Luật Dữ liệu về dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng, kính gửi Bộ Công an Hồ sơ đánh giá tác động chuyên, xử lý dữ liệu xuyên biên giới, như sau:

1. Thông tin về tổ chức, doanh nghiệp

- Tên tổ chức, doanh nghiệp:.....
- Địa chỉ trụ sở chính:.....
- Địa chỉ trụ sở giao dịch:.....
- Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư số: do cấp ngày ... tháng ... năm ... tại ...
- Điện thoại:..... Website.....



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

- Nhân sự chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn dữ liệu:

Họ và tên:.....

Chức danh:.....

Số điện thoại liên lạc (cố định và di động):.....

Email:.....

2. Hồ sơ đánh giá tác động chuyển, xử lý dữ liệu xuyên biên giới (bao gồm các hồ sơ theo mẫu, tài liệu, văn bản, hình ảnh kèm theo)

1.

2.

3. Cam kết

(Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) xin cam kết: Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của Hồ sơ đánh giá tác động chuyển, xử lý dữ liệu xuyên biên giới và tài liệu kèm theo.

Nơi nhận:

- Như trên;

...

TM. TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

Mẫu số 02

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CHUYÊN, XỬ LÝ DỮ LIỆU XUYÊN BIÊN GIỚI

I. THÔNG TIN VỀ BÊN CHUYÊN DỮ LIỆU			
1	Tên tổ chức/cá nhân (tiếng Việt):	1a	Tên tổ chức/cá nhân (quốc tế):
1b	Tên tổ chức/cá nhân (viết tắt):	1c	Mã số thuế
2	Số giấy định danh cá nhân (trường hợp là cá nhân):	3	Loại hình doanh nghiệp (theo quy định tại Nghị định 53/2023/NĐ-CP)
		Trong nước ☐ Nước ngoài ☐	
4	Địa chỉ (trụ sở chính/nơi cư trú):		
5	Người đại diện:		
6	Chi nhánh, văn phòng đại diện (tên và địa chỉ)::		



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

7	Điện thoại:
8	Fax:
9	Email:
10	Website:
11	Mạng xã hội (tên tài khoản mạng xã hội được sử dụng chính thức của tổ chức, cá nhân):
12	Ngày tháng năm thành lập (kèm theo bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc các giấy tờ khác liên quan tới việc thành lập công ty):
13	Lĩnh vực, ngành nghề đăng ký kinh doanh chính:
14	Sự tuân thủ pháp luật Việt Nam (Mô tả ngắn gọn các hình phạt hành chính, điều tra và cải chính mà đơn vị nhận được trong hai năm qua trong quá trình hoạt động kinh doanh, tập trung vào các tình huống liên quan đến an ninh mạng và dữ liệu.)
15	Bộ phận có chức năng bảo vệ an toàn dữ liệu (kèm theo bản sao quyết định phân công hoặc các giấy tờ khác có liên quan tới việc phân công thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an toàn dữ liệu):
Địa chỉ:	
Chức năng, nhiệm vụ:	
16	Thông tin về người đứng đầu bộ phận có chức năng bảo vệ an toàn dữ liệu
Tên người đứng đầu bộ phận:	



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

Ngày, tháng, năm sinh: Giới tính: Nam ☐ / Nữ: ☐

Chức vụ:

Học hàm, học vị/ Trình độ chuyên môn:

Điện thoại cơ quan:..... Mobile:.....

E-mail:.....

17	Người thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an toàn dữ liệu (<i>Thống kê những người được phân công thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an toàn dữ liệu</i>)		
----	---	--	--

TT	Họ và tên	Chức vụ	SĐT, Email liên hệ
1			
2			
3			

II. THÔNG TIN CỦA BÊN NHẬN DỮ LIỆU (THEO HỢP ĐỒNG) (*Ghi cụ thể từng tổ chức là Bên nhận dữ liệu, kèm theo hợp đồng hoặc các văn bản khác thể hiện sự liên quan tới việc nhận dữ liệu xuyên biên giới*)

1	Tên tổ chức/cá nhân (<i>tiếng Việt</i>):	1a	Tên tổ chức/cá nhân (<i>quốc tế</i>):
1b	Tên tổ chức/cá nhân (<i>viết tắt</i>):	1c	Mã số thuế
2	Số giấy định danh cá nhân (<i>trường hợp là cá nhân</i>):	3	Loại hình doanh nghiệp (<i>theo quy định tại Nghị định 53/2023/NĐ-CP</i>)



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

		Trong nước ☐ Nước ngoài ☐
4	Địa chỉ (trụ sở chính):	
5	Người đại diện:	
6	Chi nhánh, văn phòng đại diện (tên và địa chỉ)::	
7	Điện thoại:	
8	Fax:	
9	Email:	
10	Website:	
11	Mạng xã hội (tên tài khoản mạng xã hội được sử dụng chính thức của tổ chức, cá nhân):	
12	Ngày tháng năm thành lập (kèm theo bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc các giấy tờ khác liên quan tới việc thành lập công ty):	
13	Lĩnh vực, ngành nghề đăng ký kinh doanh chính:	
14	Sự tuân thủ pháp luật Việt Nam (Mô tả ngắn gọn các hình phạt hành chính, điều tra và cải chính mà đơn vị nhận được trong hai năm qua trong quá trình hoạt động kinh doanh, tập trung vào các tình huống liên quan đến an ninh mạng và dữ liệu.)	



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

II. HOẠT ĐỘNG CHUYỂN, XỬ LÝ DỮ LIỆU XUYÊN BIÊN GIỚI		
1	Mục đích chuyển, xử lý dữ liệu xuyên biên giới (nêu rõ mục đích/tại sao chuyển, xử lý dữ liệu xuyên biên giới)	
2	Hoạt động chuyển, xử lý dữ liệu xuyên biên giới (nêu cụ thể các hoạt động chuyển, xử lý dữ liệu xuyên biên giới phù hợp với mục đích chuyển, xử lý dữ liệu)	
3	Loại dữ liệu (dữ liệu nào được chuyển, xử lý dữ liệu xuyên biên giới)	
4	Khối lượng dữ liệu dự kiến chuyển (nêu rõ khối lượng dữ liệu bằng Byte, Megabyte, Gigabyte, Terabyte...)	
5	Thời gian chuyển, xử lý dữ liệu xuyên biên giới (nêu rõ thời gian dự kiến xử lý đối với từng hoạt động xử lý dữ liệu cá nhân; trường hợp có nhiều mốc thời gian xử lý dữ liệu khác nhau thì nêu rõ từng mốc thời gian xử lý)	
6	Thời gian dự kiến để xóa, hủy dữ liệu của bên nhận (nêu rõ khoảng thời gian dự kiến đối với từng loại dữ liệu)	
	Từ:	Đến:
7	Cách thức xóa, hủy dữ liệu (có thể khôi phục, không thể khôi phục)	
8	Biện pháp bảo vệ dữ liệu	
8.1	Biện pháp quản lý (nêu rõ tên biện pháp, trường hợp đã ban hành thì nêu rõ tên, số hiệu, trích yếu, văn bản)	
8.2	Biện pháp kỹ thuật (nêu rõ biện pháp đã áp dụng (phần cứng, phần mềm, hệ thống, thiết bị và mục đích của việc áp dụng)	



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

8.3	Áp dụng tiêu chuẩn bảo vệ dữ liệu (nêu cụ thể tên tiêu chuẩn đã áp dụng nội dung áp dụng)
8.4	Kiểm tra an ninh mạng đối với hệ thống thông tin, phương tiện, thiết bị nhằm bảo vệ dữ liệu (nêu cụ thể nội dung, đối tượng, tần suất, mục đích)

III	ĐÁNH GIÁ RỦI RO CHUYỂN, XỬ LÝ DỮ LIỆU XUYÊN BIÊN GIỚI
1	Tính cần thiết của việc chuyển, xử lý dữ liệu xuyên biên giới (nêu rõ tính cần thiết của việc chuyển, xử lý dữ liệu xuyên biên giới, phương án thay thế về bên nhận (nếu có)):
2	Phương thức chuyển dữ liệu xuyên biên giới (nêu rõ phương thức với từng loại dữ liệu nếu có nhiều phương thức):
3	Cách thức xử lý và lưu trữ dữ liệu của bên nhận (nêu rõ với từng loại dữ liệu):
4	Biện pháp bảo vệ dữ liệu mà bên nhận áp dụng (nêu rõ và mô tả các biện pháp cả về kỹ thuật và biện pháp khác):
5	Đánh giá rủi ro (nêu rõ quy mô, phạm vi và độ nhạy cảm của dữ liệu được chuyển, xử lý xuyên biên giới và dự đoán những rủi ro có thể xảy đến với an ninh quốc gia, hoạt động kinh tế, ổn định xã hội, lợi ích công cộng hoặc quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân tổ chức; nêu rõ phương án phòng ngừa):
6	Phương án xử lý rủi ro dữ liệu bị giả mạo, phá hủy, rò rỉ, mất, chuyển giao hoặc có được hoặc sử dụng bất hợp pháp trong hoặc sau khi dữ liệu được chuyển, xử lý xuyên biên giới:



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

Mẫu số 03

.....
.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

THÔNG BÁO KẾT QUẢ HỒ SƠ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CHUYÊN, XỬ LÝ DỮ LIỆU XUYÊN BIÊN GIỚI

Kính gửi:

Căn cứ theo thông báo sốngày... tháng....năm....của cơ quan/đơn vị/tổ chức..... về việc gửi hồ sơ đánh giá tác động chuyên, xử lý dữ liệu xuyên biên giới.

1. Thông tin về tổ chức, doanh nghiệp

- Tên tổ chức, doanh nghiệp:.....
- Địa chỉ trụ sở chính:.....
- Địa chỉ trụ sở giao dịch:.....
- Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư số: do cấp ngày ... tháng ... năm ... tại ...
- Điện thoại: Website.....



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

2. Phản hồi kết quả hồ sơ

(Chúng) tôi gửi thông báo này cho cơ quan/đơn vị/ tổ chức được biết kết quả hồ sơ của đơn vị như sau:

- Đạt: ☐

- Không đạt: ☐

Lý do không đạt:..... (Cụ thể tại tài liệu đính kèm).

3. Tài liệu đính kèm (Nếu có)

1.

2.

Nếu nhận được thông báo này, còn điểm nào chưa rõ đề nghị cơ quan/đơn vị/tổ chức cho ý kiến. (Chúng) tôi sẵn sàng trả lời thêm./.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;

...

TM. THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

Mẫu số 04a

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

THÔNG BÁO CHẤM DỨT CHUYỂN, XỬ LÝ DỮ LIỆU XUYÊN BIÊN GIỚI

Kính gửi: Trung tâm Dữ liệu Quốc gia - Bộ Công an.

Thực hiện quy định của Luật Dữ liệu về dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng, kính gửi Bộ Công an Thông báo chấm dứt chuyển, xử lý dữ liệu xuyên biên giới, như sau:

1. Thông tin về người gửi hồ sơ

- Tên cá nhân:.....

- Địa chỉ:.....

Số CMTND/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu.....

cấp ngày/...../..... tại

- Số điện thoại:.....

- Email:.....



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

- Đơn vị công tác (nếu có):.....

2. Hồ sơ đánh giá tác động chuyển, xử lý dữ liệu xuyên biên giới gửi ngày/...../.....

Số giấy tiếp nhận hồ sơ:.....

3. Thời gian chấm dứt chuyển, xử lý dữ liệu xuyên biên giới:...../...../.....

- Thời gian xóa, hủy dữ liệu tại bên nhận:

4. Tài liệu kèm theo:

.....
.....
.....

5. Cam kết

Tôi xin cam kết: Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của Thông báo chấm dứt chuyển, xử lý dữ liệu xuyên biên giới và tài liệu kèm theo./.

Nơi nhận:

- Như trên;

...

NGƯỜI GỬI HỒ SƠ

(Ký, ghi rõ họ tên)



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

Mẫu số 04b

TÊN TỔ CHỨC

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm ...

THÔNG BÁO CHẤM DỨT CHUYÊN, XỬ LÝ DỮ LIỆU XUYÊN BIÊN GIỚI

Kính gửi: Trung tâm Dữ liệu Quốc gia - Bộ Công an.

Thực hiện quy định của Luật Dữ liệu về dữ liệu cốt lõi) dữ liệu quan trọng, kính gửi Bộ Công an Thông báo chấm dứt chuyên, xử lý dữ liệu xuyên biên giới, như sau:

1. Thông tin về tổ chức, doanh nghiệp

- Tên tổ chức, doanh nghiệp:.....
- Địa chỉ trụ sở chính:.....
- Địa chỉ trụ sở giao dịch:.....
- Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư số: do cấp ngày ... tháng ... năm ... tại ...
- Điện thoại:..... Website.....



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

- Nhân sự chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn dữ liệu:

Họ và tên:.....

Chức danh:.....

Số điện thoại liên lạc (cố định và di động):.....

Email:.....

2. Hồ sơ đánh giá tác động chuyển, xử lý dữ liệu xuyên biên giới gửi ngày ../../..

Số giấy tiếp nhận hồ sơ:.....

3. Thời gian chấm dứt chuyển, xử lý dữ liệu xuyên biên giới:

- Thời gian xóa, hủy dữ liệu tại bên nhận:

4. Tài liệu kèm theo:

.....

5. Cam kết

(Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) xin cam kết: Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của Thông báo chấm dứt chuyển, xử lý dữ liệu xuyên biên giới và tài liệu kèm theo.

Nơi nhận:

- Như trên

TM. TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

Mẫu số 05a

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm

THÔNG BÁO GỬI BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ RỦI RO HOẠT ĐỘNG XỬ LÝ DỮ LIỆU CỐT LỖI, DỮ LIỆU QUAN TRỌNG

Kính gửi: Trung tâm Dữ liệu Quốc gia - Bộ Công an.

Thực hiện quy định của Luật Dữ liệu về dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng, kính gửi Bộ Công an Báo cáo đánh giá rủi ro hoạt động xử lý dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng, như sau:

1. Thông tin về người gửi hồ sơ

- Tên cá nhân:.....

- Địa chỉ:.....

Số CMTND/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu.....

cấp ngày/...../..... tại.....

- Số điện thoại:.....

- Email:.....



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

- Đơn vị công tác (nếu có):.....

2. Báo cáo đánh giá rủi ro hoạt động xử lý dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng (bao gồm các hồ sơ theo mẫu, tài liệu, văn bản, hình ảnh kèm theo)

1.

2.

3. Cam kết

Tôi xin cam kết: Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của Báo cáo đánh giá rủi ro hoạt động xử lý dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng và tài liệu kèm theo./.

Nơi nhận:

- Như trên;

...

NGƯỜI GỬI HỒ SƠ

(Ký, ghi rõ họ tên)



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

Mẫu số 05b

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm ...

THÔNG BÁO GỬI BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ RỦI RO HOẠT ĐỘNG XỬ LÝ DỮ LIỆU CỐT LỖI, DỮ LIỆU QUAN TRỌNG

Kính gửi: Trung tâm Dữ liệu Quốc gia - Bộ Công an.

Thực hiện quy định của Luật Dữ liệu về dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng, kính gửi Bộ Công an Hồ sơ đánh giá tác động chuyên, xử lý dữ liệu xuyên biên giới, như sau:

1. Thông tin về tổ chức, doanh nghiệp

- Tên tổ chức, doanh nghiệp:.....

- Địa chỉ trụ sở chính:.....

- Địa chỉ trụ sở giao dịch:.....

- Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư số: do cấp ngày ... tháng ... năm ... tại ...

- Điện thoại:.....Website.....



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

- Nhân sự chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn dữ liệu:

Họ và tên:.....

Chức danh:.....

Số điện thoại liên lạc (cố định và di động):.....

Email:.....

2. Báo cáo đánh giá rủi ro hoạt động xử lý dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng (bao gồm các hồ sơ theo mẫu, tài liệu, văn bản, hình ảnh kèm theo)

1.

2.

3. Cam kết

(Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) xin cam kết: Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của Báo cáo đánh giá rủi ro hoạt động xử lý dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng và tài liệu kèm theo.

Nơi nhận:

- Như trên;

...

TM. TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

Mẫu số 06

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ RỦI RO HOẠT ĐỘNG XỬ LÝ DỮ LIỆU CỐT LỖI, DỮ LIỆU QUAN TRỌNG

I. THÔNG TIN VỀ CHỦ QUẢN DỮ LIỆU				
1	Tên tổ chức/cá nhân (tiếng Việt):		Tên tổ chức/cá nhân (quốc tế):	
	Số giấy tờ định danh (Trường hợp là cá nhân):			
	Tên tổ chức/cá nhân (viết tắt):		Mã số thuế	
2	Mã số doanh nghiệp:		3	Loại hình doanh nghiệp (theo quy định tại Nghị định 53/2023/NĐ-CP)
			Trong nước ☐ Nước ngoài ☐	
4	Địa chỉ (trụ sở chính):			
5	Người đại diện:			



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

6	Chi nhánh, văn phòng đại diện (tên và địa chỉ)::
7	Điện thoại:
8	Fax:
9	Email:
10	Website:
11	Mạng xã hội (tên tài khoản mạng xã hội được sử dụng chính thức của tổ chức, cá nhân):
12	Ngày tháng năm thành lập (kèm theo bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc các giấy tờ khác liên quan tới việc thành lập công ty):
13	Lĩnh vực, ngành nghề đăng ký kinh doanh chính:
14	Bộ phận có chức năng bảo vệ an toàn dữ liệu (kèm theo bản sao quyết định phân công hoặc các giấy tờ khác có liên quan tới việc phân công thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an toàn dữ liệu): Địa chỉ tổ chức: Chức năng, nhiệm vụ:
15	Thông tin về người đứng đầu bộ phận có chức năng bảo vệ an toàn dữ liệu

Tên người đứng đầu bộ phận:

Ngày, tháng, năm sinh: Giới tính: Nam ☐ / Nữ: ☐



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

Chức vụ:

Học hàm, học vị/ Trình độ chuyên môn:

Số điện thoại:.....

E-mail:.....

16	Người thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an toàn dữ liệu <i>(Thống kê những người được phân công thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an toàn dữ liệu)</i>		
TT	Họ và tên	Chức vụ	SĐT, Email liên hệ
1			
2			
3			

II. HOẠT ĐỘNG XỬ LÝ DỮ LIỆU CỐT LỖI, DỮ LIỆU QUAN TRỌNG CỦA CHỦ QUẢN DỮ LIỆU

- Mục đích xử lý dữ liệu cốt lỗi, dữ liệu quan trọng** *(nêu rõ mục đích/tại sao thu thập, xử lý dữ liệu, bảo đảm nguyên tắc mục đích, phù hợp với hoạt động của tổ chức)*



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

2	Hoạt động xử lý dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng (nêu cụ thể các hoạt động xử lý dữ liệu phù hợp với mục đích xử lý dữ liệu)
3	Loại dữ liệu được xử lý (dữ liệu nào được thu thập, xử lý)
4	Khối lượng dữ liệu (nêu rõ khối lượng dữ liệu bằng Byte, Megabyte, Gigabyte, Terabyte...)
5	Thời gian xử lý dữ liệu (nêu rõ thời gian dự kiến xử lý dữ liệu đối với từng hoạt động xử lý dữ liệu; trường hợp có nhiều mốc thời gian xử lý dữ liệu khác nhau thì nêu rõ từng mốc thời gian xử lý)
6	Thời gian lưu trữ dữ liệu (nêu rõ khoảng thời gian dự kiến lưu trữ dữ liệu đối với từng loại dữ liệu, từng hoạt động xử lý dữ liệu; trường hợp theo quy định của pháp luật thì nêu rõ theo quy định nào;)
7	Vị trí lưu trữ dữ liệu (nêu rõ vị trí lưu trữ của từng loại dữ liệu trong trường hợp có nhiều vị trí lưu trữ dữ liệu)
8	Phương pháp xử lý dữ liệu (nêu rõ phương pháp xử lý đối với từng hoạt động xử lý dữ liệu và từng loại dữ liệu)
9	Hệ thống xóa, hủy dữ liệu (nêu rõ mục tiêu, quy tắc, quy trình, kỹ thuật xóa, hủy, ghi nhận và lưu giữ hoạt động xóa, hủy)
10	Hệ thống quản lý an ninh dữ liệu
10.1	Biện pháp quản lý (nêu rõ biện pháp đã áp dụng, đính kèm theo chính sách đã ban hành nếu có, đánh giá hiệu quả của biện pháp)



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

10.2	Biện pháp kỹ thuật (nêu rõ biện pháp đã áp dụng, bao gồm cả nội dung về phần cứng, phần mềm, hệ thống, thiết bị và mục đích của việc áp dụng, đánh giá hiệu quả của biện pháp)
10.3	Biện pháp khác (nêu rõ biện pháp đã áp dụng, đánh giá hiệu quả của biện pháp)
10.4	Rủi ro an toàn dữ liệu đã được phát hiện (nêu cụ thể rủi ro đã phát hiện, thời gian, cách giải quyết)
10.5	Sự cố an toàn dữ liệu đã xảy ra (nêu cụ thể tình huống, nguyên nhân sự cố, thời gian, cách giải quyết)

III	CUNG CẤP, ỦY THÁC XỬ LÝ DỮ LIỆU CỐT LỖI, DỮ LIỆU QUAN TRỌNG (trong trường hợp có nhiều bên, nêu rõ từng bên theo mẫu bên dưới)		
	Có ☐ / Không: ☐		
1	Thông tin về Bên nhận, nhận ủy thác xử lý dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng (nếu có)		
a)	Tên tổ chức/cá nhân (tiếng Việt):	b)	Tên tổ chức/cá nhân (quốc tế):
c)	Tên tổ chức/cá nhân (viết tắt):	d)	Mã số thuế
e)	Số giấy tờ định danh cá nhân: (Trường hợp là cá nhân)	g)	Loại hình doanh nghiệp (theo quy định tại Nghị định 53/2023/NĐ-CP)



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

Trong nước ☐

Nước ngoài ☐

h) Địa chỉ (trụ sở chính/nơi cư trú):

i) Người đại diện:

k) Chi nhánh, văn phòng đại diện (tên và địa chỉ)::

l) Điện thoại:

m) Fax:

n) Email:

o) Webstie:

p) Mạng xã hội (tên tài khoản mạng xã hội được sử dụng chính thức của tổ chức, cá nhân):

q) Lĩnh vực, ngành nghề đăng ký kinh doanh chính:

2 Mục đích nhận, nhận ủy thác xử lý dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng: (nêu rõ mục đích với từng hoạt động nhận, xử lý dữ liệu)

3 Hoạt động xử lý dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng của Bên nhận, nhận ủy thác xử lý dữ liệu (nêu cụ thể các hoạt động xử lý dữ liệu phù hợp với mục đích xử lý dữ liệu)

4 Loại dữ liệu được xử lý (dữ liệu nào được nhận, nhận ủy thác xử lý)



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

5	Khối lượng dữ liệu (nêu rõ khối lượng từng loại dữ liệu bằng Byte, Megabyte, Gigabyte, Terabyte...)
6	Thời gian xử lý dữ liệu (nêu rõ thời gian dự kiến xử lý dữ liệu đối với từng hoạt động xử lý dữ liệu; trường hợp có nhiều mốc thời gian xử lý dữ liệu khác nhau thì nêu rõ từng mốc thời gian xử lý)
7	Thời gian lưu trữ dữ liệu (nêu rõ khoảng thời gian dự kiến lưu trữ dữ liệu đối với từng loại dữ liệu, từng hoạt động xử lý dữ liệu; trường hợp theo quy định của pháp luật thì nêu rõ theo quy định nào;)
8	Vị trí lưu trữ dữ liệu (nêu rõ vị trí lưu trữ của từng loại dữ liệu trong trường hợp có nhiều vị trí lưu trữ dữ liệu)
9	Phương pháp xử lý dữ liệu (nêu rõ phương pháp xử lý đối với từng hoạt động xử lý dữ liệu và từng loại dữ liệu)



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

Mẫu số 07a

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ...tháng ... năm ...

PHIẾU ĐỀ NGHỊ

Khai thác, cung cấp thông tin trong Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia

Kính gửi: Trung tâm Dữ liệu Quốc gia - Bộ Công an.

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN, TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ

1. Họ và tên người/người đại diện tổ chức đề nghị:.....

2. Ngày, tháng, năm sinh:...../...../.....; 3. Giới tính:.....

4. Số định danh cá nhân:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

5. Nơi cư trú ⁽²⁾:.....

.....

II. THÔNG TIN NGƯỜI ĐẠI DIỆN THỰC HIỆN THỦ TỤC (nếu có)

1. Họ, chữ đệm và tên:.....

2. Ngày, tháng, năm sinh:...../...../.....; 3. Giới tính:.....



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

4. Số định danh cá nhân:

III. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ⁽³⁾ :

1. Phạm vi thông tin đề nghị khai thác:.....

2. Mục đích yêu cầu khai thác:.....

3. Địa chỉ nhận kết quả:.....

.....

Nơi nhận:

- Như trên;

...

TM. TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP

(hoặc người gửi hồ sơ)

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu đối với doanh nghiệp)



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

Mẫu số 07b

.....
.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....
....., ngày ... tháng.... năm

PHIẾU CUNG CẤP THÔNG TIN **trong Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia**

Kính gửi:.....

I. Thông tin cá nhân, cơ quan, tổ chức đề nghị cung cấp thông tin:

1. Họ và tên của cá nhân hoặc người đại diện cơ quan, tổ chức:
2. Số định danh cá nhân:

II. Thông tin trong Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia:

Trung tâm dữ liệu quốc gia cung cấp thông tin theo yêu cầu tại Phiếu số:

.....

Kết quả như sau:.....

.....



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

.....

.....

.....

.....

....., ngày.....tháng.....năm.....

TM. THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(Ký tên, đóng dấu hoặc ký số)



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

CHÍNH PHỦ

Số: 175/NQ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

PHÊ DUYỆT ĐỀ ÁN TRUNG TÂM DỮ LIỆU QUỐC GIA CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Công an nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Công an nhân dân ngày 22 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật An ninh mạng ngày 12 tháng 6 năm 2018;



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 39/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ ban hành quy chế làm việc của Chính phủ;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt Đề án Trung tâm dữ liệu quốc gia (sau đây gọi tắt là Đề án), với các nội dung chính như sau:

I. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG TRUNG TÂM DỮ LIỆU QUỐC GIA

1. Xây dựng Trung tâm dữ liệu quốc gia phải phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; phù hợp với các quy hoạch, chiến lược phát triển quốc gia; bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với sự phát triển của các cơ sở dữ liệu quốc gia và tiến trình chuyển đổi số quốc gia, phù hợp với kiến trúc Chính phủ điện tử, góp phần xây dựng, phát triển Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số. Mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp triển khai Đề án phải có tính khả thi, bảo đảm việc xây dựng, quản lý, khai thác Trung tâm dữ liệu quốc gia hiệu quả, bền vững.

2. Xây dựng Trung tâm dữ liệu quốc gia theo các tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế, phù hợp với xu thế và xứng tầm thế giới. Công tác triển khai cần thực hiện nhanh nhằm tạo nền tảng để thay đổi một cách căn bản, toàn diện việc thu thập, lưu trữ, quản lý, cung cấp, tích hợp, chia sẻ thông tin, phân tích dữ liệu của Chính phủ bảo đảm mục tiêu quản lý xã hội,



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

chỉ đạo điều hành, cung cấp dịch vụ công và tiện ích cho người dân và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; sản phẩm tạo ra phải là công cụ giải quyết, tháo gỡ các điểm nghẽn, cũng như tạo đột phá trong phát triển cơ sở dữ liệu quốc gia và các hệ thống cơ sở dữ liệu khác hình thành trong tương lai. Trung tâm dữ liệu quốc gia phải trở thành một thành phần hạ tầng số quan trọng phục vụ phát triển kinh tế và quản lý xã hội phù hợp với đặc điểm của Việt Nam.

3. Xây dựng Trung tâm dữ liệu quốc gia phải ứng dụng những giải pháp công nghệ tiên tiến, hiện đại nhất, có giá trị sử dụng lâu dài, tận dụng các thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4, nhất là phát triển hệ sinh thái các dịch vụ và công nghệ mới như điện toán đám mây, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo... để nâng cao hiệu quả trong quản lý, vận hành và khai thác; tiêu chuẩn hóa, quy chuẩn hóa về hạ tầng kỹ thuật số, nền tảng kết nối; tận dụng tối đa và kế thừa có hiệu quả các dịch vụ, ứng dụng, hệ thống đã được triển khai trước đây và tối ưu, hiệu quả, bảo mật, chống lãng phí các dịch vụ, hệ thống dự kiến triển khai trong thời gian tới. Tối ưu hóa thời gian, chi phí đầu tư, nguồn nhân lực trong triển khai xây dựng và vận hành Trung tâm dữ liệu quốc gia.

4. Trung tâm dữ liệu quốc gia phải bảo đảm là một trụ cột quan trọng phục vụ quá trình chuyển đổi số quốc gia, hỗ trợ đắc lực và hiện đại hóa công tác quản lý xã hội. Trung tâm dữ liệu quốc gia phải là nơi tập hợp các thông tin, dữ liệu tổng hợp từ các cơ sở dữ liệu quốc gia và trở thành một trung tâm tích hợp, đồng bộ, lưu trữ, chia sẻ và điều phối thông tin, phân tích dữ liệu về con người và các dữ liệu tổng hợp quốc gia. Trung tâm này phải có tính sẵn sàng cao, hoạt động liên tục 24/7, sự ổn định cao; khả năng bảo đảm an toàn dữ liệu, an ninh thông tin, an ninh mạng ở cấp độ cao nhất; triển khai theo hướng mở, phát triển các dịch vụ tiện ích, giá trị gia tăng, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu về tích hợp, thu thập, lưu trữ, chia sẻ và phân tích dữ liệu.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

5. Xác định rõ phạm vi, lộ trình triển khai Đề án; nghiên cứu áp dụng các cơ chế đặc biệt về đầu tư, xây dựng, cấu hình, đấu thầu, chỉ định thầu, thanh toán, quyết toán, kiểm toán, giải ngân... để bảo đảm thiết thực, hiệu quả, tiết kiệm, chống tiêu cực, tham nhũng, lợi ích nhóm trong quá trình thực hiện đề án; đồng thời cần phân chia giai đoạn đầu tư phù hợp, đồng bộ, thống nhất, có trọng tâm, trọng điểm, tránh trùng lặp, chồng chéo, lãng phí đáp ứng yêu cầu đề ra; phù hợp với quy hoạch tổng thể quốc gia và quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực, địa phương và vùng lãnh thổ.

II. VỊ TRÍ, VAI TRÒ CỦA TRUNG TÂM DỮ LIỆU QUỐC GIA

1. Vị trí

Trung tâm dữ liệu quốc gia là trung tâm dữ liệu do Chính phủ xây dựng, quản lý, khai thác và vận hành; tích hợp, đồng bộ, lưu trữ, chia sẻ, phân tích, khai thác, điều phối dữ liệu của các cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật nhằm hình thành kho dữ liệu về con người và kho dữ liệu tổng hợp¹ từ các cơ sở dữ liệu quốc gia; dữ liệu tại Trung tâm dữ liệu quốc gia là nền tảng cốt lõi cung cấp các dịch vụ liên quan đến dữ liệu, hỗ trợ hoạch định chính sách, kiến tạo phát triển, xây dựng Chính phủ số, xã hội số và kinh tế số, bảo đảm quốc phòng an ninh. Đồng thời cung cấp hạ tầng công nghệ thông tin cho các tổ chức chính trị - xã hội, hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia và các cơ quan có nhu cầu sử dụng để khai thác, vận hành, nâng cao hiệu quả, bảo đảm an ninh, an toàn thông tin.

2. Vai trò của Trung tâm dữ liệu quốc gia

- Tích hợp, đồng bộ, lưu trữ, khai thác, chia sẻ, phân tích và điều phối tất cả các dữ liệu tổng hợp từ các cơ sở dữ liệu quốc gia, dữ liệu liên quan đến con người (bao gồm người có quốc tịch Việt Nam và người có liên quan đến hoạt động kinh tế - xã hội tại Việt Nam) theo quy định của pháp luật để tạo dựng kho dữ liệu về con người; dữ liệu liên quan đến con người bao gồm các thông tin đã được số hóa có nội dung gắn với con người bao gồm: dữ liệu dân cư, bảo hiểm, y



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

tế và an sinh xã hội, giáo dục và đào tạo, cán bộ công chức, viên chức, căn cước, hộ tịch, hoạt động tài chính, và các hoạt động khác từ các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương và các cơ sở dữ liệu khác.

- Sử dụng các dữ liệu đã được thu thập, đồng bộ để thực hiện đơn giản hóa các thủ tục hành chính, cải thiện sự phục vụ của cơ quan nhà nước cho người dân, doanh nghiệp. Đồng thời, tiến hành phân tích chuyên sâu nhằm hỗ trợ Chính phủ trong công tác quản lý nhà nước; đưa ra các chính sách an sinh liên quan đến bảo hiểm, y tế, giáo dục,... góp phần thúc đẩy sự phát triển, tiến bộ cho xã hội.

- Phân tích chuyên sâu các dữ liệu bảo đảm việc hỗ trợ công tác xây dựng các cơ chế chính sách, quy hoạch, chiến lược phát triển quốc gia. Đồng thời tạo điều kiện phát triển nhiều sản phẩm dịch vụ mới trên nền các dữ liệu số được khai thác từ các kho dữ liệu dùng chung và kho dữ liệu mở, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

- Tập trung các công nghệ, giải pháp hiện đại, đồng bộ, bảo đảm an ninh an toàn để cung cấp hạ tầng công nghệ thông tin cho các cơ quan Đảng, Quốc hội, cơ quan nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội khi có nhu cầu.

- Trao đổi, kết nối quốc tế nhằm chia sẻ thông tin, nghiên cứu xây dựng và thực thi các chiến lược phát triển đất nước và đặt nền tảng nghiên cứu, hỗ trợ khai thác, phát triển nền khoa học công nghệ quốc gia.

III. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1. Mục tiêu tổng quát

a) Về phát triển Trung tâm dữ liệu quốc gia

Trung tâm dữ liệu quốc gia khi đưa vào triển khai hoạt động sẽ là tiền đề để thúc đẩy quá trình phát triển và đẩy mạnh khai thác các cơ sở dữ liệu quốc gia phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; góp phần thực hiện mục tiêu nâng tầm chiến



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

lược phát triển kinh tế số của Việt Nam theo kịp các quốc gia trên thế giới, bảo đảm điều kiện cho Việt Nam phát triển và hòa nhập với nền kinh tế số của thế giới.

b) Về phát triển dữ liệu quốc gia

Phát triển kho dữ liệu tổng hợp với dữ liệu gắn với con người và các dữ liệu tổng hợp từ các cơ sở dữ liệu quốc gia sẽ là trụ cột dữ liệu chính để tạo nền tảng cho phát triển Chính phủ số, thúc đẩy kinh tế số và hình thành xã hội số. Hình thành các hệ thống dữ liệu tin cậy, ổn định của Nhà nước và doanh nghiệp từ đó triển khai các giải pháp kết nối để chia sẻ, sử dụng lại và phát triển các mô hình/ứng dụng phân tích dữ liệu chuyên sâu để tạo ra nhiều giá trị mới, sản phẩm dịch vụ mới và động lực mới cho phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn chuyển đổi số của Việt Nam.

c) Về phát triển Chính phủ số và cải cách, cắt giảm thủ tục hành chính

Cung cấp hạ tầng phục vụ xây dựng các cơ sở dữ liệu quốc gia và hình thành kho thông tin định danh số cho công dân, tổ chức trong thực hiện các thủ tục hành chính, kết hợp cùng với việc tích hợp đồng bộ, liên thông giữa các cơ sở dữ liệu quốc gia khác sẽ giúp phát triển Chính phủ số và cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục hành chính không còn phù hợp, gia tăng sự hài lòng của người dân với hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước. Hỗ trợ công tác chỉ đạo, điều hành, hoạch định chính sách của Chính phủ và các bộ, ngành, địa phương trên nền tảng dữ liệu số.

d) Về phát triển kinh tế - xã hội

Thúc đẩy các giao dịch thương mại trên môi trường số được thường xuyên, liên tục, an toàn và minh bạch hơn. Đồng thời hình thành và từng bước mở rộng kho dữ liệu về con người để người dân, doanh nghiệp khai thác, sử dụng



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

phục vụ sáng tạo, triển khai các ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh mới góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế số và xây dựng xã hội số.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Về dữ liệu

- Hoàn thành xây dựng và đưa vào khai thác kho dữ liệu tổng hợp, triển khai ngay việc tổng hợp dữ liệu liên quan đến công dân Việt Nam và người nước ngoài sinh sống, có hoạt động tại Việt Nam làm tiền đề phát triển các cơ sở dữ liệu quốc gia phục vụ bảo đảm an ninh quốc gia, phát triển kinh tế - xã hội (hoàn thành cơ bản năm 2025); bảo đảm dữ liệu đúng, đủ, sạch, sống cho các cơ sở dữ liệu quốc gia cũng như cơ sở dữ liệu của các cơ quan, tổ chức do dữ liệu được tổng hợp, đối sánh từ nhiều nguồn; giảm thiểu các bước trung gian trong quá trình kết nối, chia sẻ. Kho dữ liệu về con người bao gồm dữ liệu thuộc các lĩnh vực: dân cư, dữ liệu sinh trắc, di biến động cư trú, bảo hiểm, y tế và an sinh xã hội, giáo dục và đào tạo; lao động việc làm, hộ tịch và thu thập tối đa các thông tin lĩnh vực khác như vi phạm hành chính, thuế, thu nhập cá nhân...

- Đến hết năm 2025, hoàn thành cơ bản xây dựng và đưa vào khai thác kho dữ liệu tổng hợp được đồng bộ từ các cơ sở dữ liệu quốc gia và phối hợp khai thác với kho dữ liệu về con người; từ năm 2026, triển khai thực hiện việc phân tích dữ liệu chuyên sâu hỗ trợ công tác xây dựng cơ chế chính sách, quy hoạch chiến lược phát triển quốc gia; đồng thời tạo điều kiện phát triển nhiều sản phẩm, dịch vụ mới trên nền các dữ liệu số được khai thác từ các kho dữ liệu dùng chung và kho dữ liệu mở, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

- Từ năm 2025, đưa Trung tâm dữ liệu quốc gia đóng vai trò là nơi trao đổi, kết nối quốc tế nhằm chia sẻ thông tin, nghiên cứu phát triển các chiến lược phát triển và đặt nền tảng nghiên cứu, hỗ trợ khai thác, phát triển nền tảng khoa học công nghệ đất nước.

- Đến 2030, hoàn thành việc triển khai Trung tâm dữ liệu quốc gia là nơi lưu trữ dữ liệu, hệ thống thông tin của các cơ sở dữ liệu quốc gia, kết nối liên thông dữ liệu với các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, các hệ thống thông tin trong nước và tổ chức Chính phủ các nước để phục vụ các hoạt động trên môi trường số bảo đảm lợi ích hợp pháp của Việt Nam.

b) Về quy hoạch kiến trúc dữ liệu của Trung tâm dữ liệu quốc gia

- Đến năm 2025, hoàn thành xây dựng và triển khai Bộ tiêu chuẩn áp dụng cho công tác quy hoạch kiến trúc các cơ sở dữ liệu quốc gia tại Trung tâm dữ liệu quốc gia về việc phân cấp, phân loại dữ liệu theo các độ mở, cấp độ mật, tối mật, tuyệt mật và mức độ ảnh hưởng đến quốc gia, người dân và doanh nghiệp; hoàn thành quy hoạch cụ thể phân kho lưu trữ và thiết lập các chính sách an ninh an toàn thông tin phù hợp với đối tượng, phương thức truy cập, quyền khai thác đối với từng loại dữ liệu.

- Đến năm 2030, hoàn thành việc triển khai các quy hoạch, tiêu chuẩn, kiến trúc dữ liệu tại Trung tâm dữ liệu quốc gia cũng như cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương.

c) Về phân tích và khai thác dữ liệu

- Đến hết năm 2025, triển khai thành công các công nghệ, giải pháp hiện đại và đào tạo được chuyên gia khoa học dữ liệu, đặc biệt là chuyên gia phân tích dữ liệu có trình độ cao để thực hiện công tác phát triển, tổng hợp và khai thác, phân tích dữ liệu tổng thể, đa chiều, khách quan,...



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

- Từ năm 2026, triển khai công tác lập các báo cáo dự báo tham mưu cho Chính phủ và các bộ, ngành, địa phương phục vụ công tác quản lý, điều hành thông qua dữ liệu. Thực hiện cung cấp một số dữ liệu dùng chung, dữ liệu mở quan trọng đáp ứng nhu cầu sử dụng cho người dân, doanh nghiệp và đối tác nước ngoài khai thác phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

- Đến năm 2030, trên 90% các hoạt động hành chính trao đổi, phối hợp cung cấp thông tin giữa các cơ quan nhà nước được thay thế bằng chia sẻ dữ liệu số từ các kho dữ liệu tổng hợp trong Trung tâm dữ liệu quốc gia.

d) Về hạ tầng, thiết bị công nghệ thông tin

- Đến hết 2025, hoàn thành cơ bản việc xây dựng hạ tầng nhà trạm của Trung tâm dữ liệu quốc gia tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của quốc tế về trung tâm dữ liệu, về an toàn thông tin, bảo đảm độ sẵn sàng của hệ thống, hạ tầng công nghệ hiện đại, đồng bộ. Chủ động triển khai nền tảng điện toán đám mây trong Trung tâm dữ liệu quốc gia, liên tục cập nhật theo xu thế công nghệ mới nhất, tránh lãng phí, đáp ứng mục tiêu của cuộc cách mạng 4.0.

- Từ năm 2026, thực hiện cung cấp hạ tầng nhà trạm (nguồn điện, điều hòa, bảo đảm phòng cháy chữa cháy...) và chỗ đặt trang thiết bị công nghệ thông tin theo tiêu chuẩn Trung tâm dữ liệu ANSI/TIA-942 tối thiểu Tier 3 hoặc tương đương cho các bộ, ngành và địa phương (có nhu cầu) nhằm bảo đảm tính đồng bộ trong bảo đảm an toàn, an ninh thông tin. Đồng thời, tăng cường các yếu tố về an ninh, quốc phòng trong việc bảo đảm tính bí mật, an ninh trật tự cả trong và xung quanh khu vực Trung tâm dữ liệu quốc gia; bảo đảm cung cấp hạ tầng công nghệ thông tin (tài nguyên hệ thống) cho các cơ sở dữ liệu quốc gia; các bộ, ngành, địa phương (có nhu cầu) và 100% các tổ chức chính trị - xã hội sử dụng; tích hợp với hạ tầng công nghệ thông tin có sẵn của các đơn vị để thống nhất, đồng bộ trong công tác vận hành, quản trị và bảo đảm an ninh, an toàn, tiết kiệm, hiệu quả.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

- Đến năm 2030, cơ bản các hệ thống thông tin của bộ, ngành, địa phương (có nhu cầu) được quản lý, lưu trữ ở Trung tâm dữ liệu quốc gia (trừ các hệ thống phục vụ quốc phòng, an ninh, các hệ thống chuyên ngành đặc thù khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định).

đ) Về cải cách, cắt giảm thủ tục hành chính

Tham gia và đóng góp quan trọng vào việc thực hiện các mục tiêu cải cách hành chính và phát triển Chính phủ số Việt Nam, như: bảo đảm 100% kết quả giải quyết thủ tục hành chính, giấy tờ do cơ quan nhà nước ban hành được lưu trữ trong kho dữ liệu số của các cơ quan nhà nước, được chia sẻ và sử dụng lại trong các thủ tục hành chính, hoạt động hành chính và sử dụng thay thế hoàn toàn bản giấy. 100% người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống của các cấp chính quyền từ trung ương đến địa phương. Đến năm 2025, tối thiểu 80% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến, người dân, tổ chức và đơn vị chỉ phải nhập dữ liệu một lần. Cắt giảm tối thiểu 20% thành phần hồ sơ thủ tục hành chính của các cơ quan nhà nước so với hiện nay. Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính đạt tối thiểu 90%. Đến năm 2030, 90% số lượng người dân, doanh nghiệp tham gia hệ thống Chính phủ điện tử được xác thực định danh điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin của các cấp chính quyền từ trung ương đến địa phương. Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính đạt tối thiểu 95%.

e) Về phát triển Chính phủ điện tử

Đến năm 2025, Việt Nam thuộc nhóm: 70 nước dẫn đầu về Chính phủ điện tử (EGDI); 50 nước dẫn đầu về công nghệ thông tin (IDI); 40 nước dẫn đầu về an toàn, an ninh mạng (GCI).



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

Đến năm 2030, Việt Nam thuộc nhóm: 50 nước dẫn đầu về Chính phủ điện tử (EGDI); 30 nước dẫn đầu về công nghệ thông tin (IDI); 30 nước dẫn đầu về an toàn, an ninh mạng (GCI).

g) Về phát triển kinh tế - xã hội

Phát triển thêm các lĩnh vực, ngành nghề kinh tế mới dựa trên dữ liệu và đóng góp vào tăng trưởng tỷ trọng kinh tế số trong Tổng sản phẩm trong nước (GDP) theo mục tiêu quốc gia “Đến năm 2025, kinh tế số Việt Nam đạt khoảng 20% GDP, đưa Việt Nam vươn lên đứng thứ hai về kinh tế số ở Đông Nam Á. Đến năm 2030, kinh tế số chiếm 30% GDP”. Tham gia quan trọng vào phát triển nền kinh tế dữ liệu, bảo đảm mục tiêu kinh tế dữ liệu đóng góp vào GDP đất nước.

IV. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI TRIỂN KHAI

1. Đối tượng sử dụng dịch vụ của Trung tâm dữ liệu quốc gia

a) Đối với các bộ, ban, ngành, địa phương, tổ chức chính trị - xã hội: Các hệ thống sử dụng hạ tầng nhà trạm, hạ tầng công nghệ thông tin tại vùng dùng chung của Trung tâm dữ liệu quốc gia, gồm:

- Kho dữ liệu dùng chung, kho dữ liệu mở được đồng bộ từ kho dữ liệu tổng hợp tại vùng chuyên dụng.
- Các hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia.
- Các hệ thống của cơ quan, tổ chức khối Đảng, Quốc hội, tổ chức chính trị - xã hội.
- Các hệ thống của cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc cơ quan nhà nước có nhu cầu sử dụng hạ tầng nhà trạm, hạ tầng công nghệ thông tin tại Trung tâm dữ liệu quốc gia.

b) Đối với người dân và doanh nghiệp



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

Người dân và doanh nghiệp thực hiện cung cấp và khai thác dữ liệu thông tin của mình và dữ liệu trong kho dữ liệu mở tại vùng dùng chung của Trung tâm dữ liệu quốc gia theo quy định của pháp luật.

2. Phạm vi triển khai

a) Phạm vi xây dựng hạ tầng nhà trạm Trung tâm dữ liệu quốc gia

- Bộ Công an đầu tư, xây dựng các tòa nhà, hạ tầng dùng chung của các Trung tâm dữ liệu quốc gia với lộ trình xây dựng dự kiến theo từng giai đoạn trong Nghị quyết (mỗi Trung tâm dữ liệu quốc gia bao gồm tòa Trung tâm dữ liệu cho vùng chuyên dụng, tòa Trung tâm dữ liệu cho vùng dùng chung, các hạng mục dùng chung như hạ tầng cơ bản, các tòa nhà làm việc, hệ thống điện, đường truyền, các lớp an ninh vật lý).

- Đối với các cơ quan, đơn vị đã có hạ tầng nhà trạm vẫn đang bảo đảm theo tiêu chuẩn (tiêu chuẩn TIA-942 hoặc Uptime Tier-3, Trung tâm dữ liệu hạng III - TCVN 9250:2021) tiếp tục quản trị, vận hành trung tâm dữ liệu do mình xây dựng; tuy nhiên, cần phối hợp Trung tâm dữ liệu quốc gia và các cơ quan liên quan nghiên cứu, đánh giá việc đầu tư nâng cấp hạ tầng nhà trạm phù hợp với lộ trình chuyển hệ thống, thiết bị, giải pháp công nghệ thông tin của đơn vị về Trung tâm dữ liệu quốc gia và dừng việc bảo trì, nâng cấp hạ tầng nhà trạm trung tâm dữ liệu.

- Đối với các cơ quan, đơn vị có hạ tầng nhà trạm không bảo đảm theo tiêu chuẩn thực hiện duy trì hệ thống và phối hợp với Trung tâm dữ liệu quốc gia, các cơ quan liên quan nghiên cứu, đánh giá việc đầu tư phục vụ duy trì hạ tầng nhà trạm trung tâm dữ liệu phù hợp với lộ trình triển khai các Trung tâm dữ liệu quốc gia và thời gian hết khấu hao của các thiết bị, giải pháp phục vụ vận hành hạ tầng nhà trạm.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

- Đối với các cơ quan, đơn vị chưa có hạ tầng nhà trạm (đang đi thuê chỗ đặt hệ thống) thì căn cứ theo đối tượng sử dụng dịch vụ của Trung tâm dữ liệu quốc gia để xây dựng phương án đặt hệ thống thông tin tại Trung tâm dữ liệu quốc gia hoặc tiếp tục thuê của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ, hạn chế tối đa việc xây dựng mới các Trung tâm dữ liệu riêng của từng đơn vị (trừ Trung tâm dữ liệu phục vụ công tác quốc phòng, an ninh).

b) Phạm vi đầu tư hệ thống, trang thiết bị, giải pháp công nghệ thông tin

- Trung tâm dữ liệu quốc gia thực hiện đầu tư toàn bộ hạ tầng nhà trạm, hạ tầng công nghệ thông tin của vùng chuyên dụng; đầu tư, triển khai các giải pháp hạ tầng công nghệ thông tin, bảo đảm an ninh an toàn, hệ thống nền tảng điện toán đám mây, hệ thống tính toán hiệu năng cao... của vùng dùng chung (Các cơ quan, đơn vị có thể đầu tư các thiết bị, giải pháp theo tiêu chuẩn kỹ thuật của Trung tâm dữ liệu quốc gia để tích hợp vào nền tảng điện toán đám mây dùng chung để triển khai hệ thống của mình theo nhu cầu).

- Các cơ quan, đơn vị thuộc đối tượng sử dụng:

+ Các cơ quan, đơn vị đã đầu tư hệ thống hoặc đã được phê duyệt thiết kế chi tiết và dự toán: Tiếp tục quản trị vận hành, nâng cấp hệ thống theo nhu cầu. Trong quá trình chuyển hệ thống, thiết bị, giải pháp về Trung tâm dữ liệu quốc gia hoặc tích hợp vào Nền tảng điện toán đám mây tại Trung tâm dữ liệu quốc gia cần phối hợp Trung tâm dữ liệu quốc gia và các cơ quan liên quan đánh giá việc đầu tư bảo đảm phù hợp với lộ trình triển khai Đề án Trung tâm dữ liệu quốc gia và thời gian hết khấu hao của các thiết bị, giải pháp, bảo đảm có thể kế thừa, tận dụng tối đa.

+ Các cơ quan, đơn vị chưa đầu tư hệ thống hoặc đang đi thuê hạ tầng của doanh nghiệp: Căn cứ theo hướng dẫn, quy chuẩn kỹ thuật của Bộ Thông tin và Truyền thông và Bộ Công an (Trung tâm dữ liệu quốc gia), các cơ quan, đơn vị



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

đầu tư thiết bị, giải pháp và tích hợp vào Nền tảng điện toán đám mây tại Trung tâm dữ liệu quốc gia để xây dựng, phát triển hệ thống của đơn vị mình.

- Đối với các cơ quan, đơn vị không thuộc đối tượng sử dụng: Các cơ quan, đơn vị vẫn tiếp tục thực hiện các thủ tục đầu tư, mua sắm thiết bị, giải pháp công nghệ hoặc thuê hạ tầng công nghệ thông tin của doanh nghiệp theo các quy định hiện hành.

c) Phạm vi lưu trữ dữ liệu

- Trung tâm dữ liệu quốc gia lưu trữ dữ liệu được tổng hợp từ các cơ sở dữ liệu quốc gia; đồng thời lưu trữ dữ liệu thông tin liên quan đến con người từ các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương, dữ liệu khác do các cơ quan, tổ chức, cá nhân đồng bộ về theo quy định của pháp luật để xây dựng các kho dữ liệu dùng chung (không bao gồm các dữ liệu thuộc lĩnh vực quân sự, quốc phòng) nhằm tạo khu vực tin cậy cho các đơn vị khai thác theo chức năng nhiệm vụ. Từ đó, các đơn vị cũng có thể tra cứu các thông tin khác từ kho dữ liệu dùng chung, kho dữ liệu mở cũng như các kết quả sau khi tổng hợp, phân tích,... do Trung tâm dữ liệu quốc gia cung cấp để đánh giá, kịp thời đưa ra các chính sách, quyết định phù hợp, chính xác.

- Dữ liệu về con người bao gồm tối thiểu các thành phần:

+ Dữ liệu định danh cá nhân công dân bao gồm dữ liệu từ các loại giấy tờ tùy thân; thông tin cá nhân (địa chỉ, ngày, tháng, năm sinh); dữ liệu y tế; dữ liệu sinh trắc; dữ liệu ADN; dữ liệu việc làm, dữ liệu học bạ... theo quy định của pháp luật.

+ Dữ liệu được thu thập từ kết quả tổng hợp, phân tích và khai thác dữ liệu của công dân.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

- Dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương vẫn được lưu trữ, xử lý tại hệ thống Trung tâm dữ liệu của các bộ, ngành và địa phương theo yêu cầu riêng, phục vụ các mặt công tác quản lý nhà nước của các đơn vị.

d) Phạm vi quản lý

- Về dữ liệu:

+ Trung tâm dữ liệu quốc gia quản lý và bảo đảm an ninh, an toàn thông tin đối với các dữ liệu thông tin đã được đồng bộ về vùng chuyên dụng và kho dữ liệu dùng chung, kho dữ liệu mở tại vùng dùng chung; đồng thời phối hợp với các cơ quan, đơn vị trong quá trình tích hợp, chia sẻ dữ liệu tại vùng dùng chung của Trung tâm dữ liệu quốc gia.

+ Các bộ, ban, ngành, địa phương và tổ chức chính trị xã hội tiếp tục thực hiện việc quản lý cơ sở dữ liệu trong hệ thống của đơn vị mình, phối hợp với Trung tâm dữ liệu quốc gia bảo đảm an ninh an toàn thông tin hệ thống, bảo mật dữ liệu tại đơn vị trong quá trình đồng bộ dữ liệu với Trung tâm dữ liệu quốc gia.

- Về quản trị vận hành hệ thống:

+ Trung tâm dữ liệu quốc gia chịu trách nhiệm quản trị toàn bộ hạ tầng công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu của vùng chuyên dụng và các hạng mục dùng chung như hạ tầng cơ bản, các tòa nhà làm việc, hệ thống điện, đường truyền, các lớp an ninh vật lý cho Trung tâm dữ liệu quốc gia; thực hiện công tác vận hành hạ tầng công nghệ thông tin, bảo đảm an ninh an toàn, hệ thống nền tảng điện toán đám mây, hệ thống tính toán hiệu năng cao... của vùng dùng chung.

+ Các đơn vị tiếp tục quản lý và vận hành, bảo đảm an ninh, an toàn thông tin hệ thống đối với các hệ thống chỉ đặt chỗ tại Trung tâm dữ liệu quốc gia.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

+ Các đơn vị sử dụng tài nguyên của hạ tầng điện toán đám mây do Trung tâm dữ liệu quốc gia cung cấp thực hiện quản trị từ xa hoặc quản trị tại Trung tâm dữ liệu quốc gia, đồng thời thống nhất về trách nhiệm quản lý, vận hành các thành phần hệ thống thông tin theo nhu cầu của các đơn vị (mạng, đường truyền, hệ thống bảo mật, máy chủ, phần mềm), ưu tiên các cơ quan, đơn vị tự quản trị, vận hành hệ thống lõi công nghệ thông tin của mình.

V. NHIỆM VỤ

1. Về xây dựng và hoàn thiện cơ sở pháp lý

a) Rà soát văn bản pháp luật

Rà soát, tổng hợp, đánh giá, đề xuất sửa đổi các luật có quy định liên quan đến cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương.

- Đơn vị chủ trì: Bộ Công an.

- Thời gian thực hiện: Trong năm 2023, 2024.

b) Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 01/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an để bổ sung Trung tâm dữ liệu quốc gia là đơn vị tương đương cấp Cục thuộc Bộ Công an.

- Đơn vị chủ trì: Bộ Công an.

- Thời gian hoàn thành: Trong năm 2024.

c) Tham mưu Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050

- Đơn vị chủ trì: Bộ Thông tin và Truyền thông.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

- Thời gian thực hiện: Quý IV năm 2023.

d) Tham mưu Chính phủ ban hành Nghị định quy định danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia, việc xây dựng, cập nhật, duy trì và khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia.

- Đơn vị chủ trì: Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Thời gian thực hiện: Quý IV năm 2023.

2. Về xây dựng, vận hành Trung tâm dữ liệu quốc gia

a) Xây dựng hạ tầng vận hành Trung tâm dữ liệu quốc gia đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

- Đơn vị chủ trì: Bộ Công an.

- Thời gian thực hiện: Theo lộ trình triển khai Đề án, đối với Trung tâm dữ liệu quốc gia số 1 hoàn thành trong năm 2025.

b) Hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin của Trung tâm dữ liệu quốc gia gồm xây dựng và triển khai Nền tảng điện toán đám mây; Kho dữ liệu tổng hợp; Hệ thống phân tích dữ liệu phục vụ công tác quản lý; Hệ thống dịch vụ dữ liệu chuyên ngành và hệ thống quản lý khai thác dữ liệu chuyên ngành.

- Đơn vị chủ trì: Bộ Công an.

- Thời gian thực hiện: Theo lộ trình triển khai Đề án, đối với Trung tâm dữ liệu quốc gia số 1 hoàn thành trước năm 2025.

c) Bảo đảm an ninh, an toàn thông tin trong quá trình xây dựng, triển khai, quản trị, vận hành hệ thống.

- Đơn vị chủ trì: Bộ Công an.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

- Thời gian thực hiện: Thực hiện thường xuyên.

d) Chuyển đổi các hệ thống thông tin từ các bộ, ngành, địa phương về Trung tâm dữ liệu quốc gia.

- Đơn vị chủ trì: Bộ, ngành, địa phương là chủ quản cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu.

- Thời gian thực hiện: Theo lộ trình triển khai Đề án.

đ) Tích hợp, đồng bộ dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của các Bộ, ngành, địa phương về Trung tâm dữ liệu quốc gia.

- Đơn vị chủ trì: Bộ, ngành, địa phương là chủ quản cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu.

- Thời gian thực hiện: Theo lộ trình triển khai Đề án.

3. Về bảo đảm các điều kiện quản lý, vận hành Trung tâm dữ liệu quốc gia

a) Xây dựng mô hình tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và bố trí nhân sự cho đơn vị cấp Cục thuộc Bộ Công an để quản lý và vận hành Trung tâm dữ liệu quốc gia.

- Đơn vị chủ trì: Bộ Công an.

- Thời gian hoàn thành: Trong năm 2024.

b) Đào tạo, tập huấn, bảo đảm nguồn nhân lực phục vụ quản trị, vận hành Trung tâm dữ liệu quốc gia.

- Đơn vị chủ trì: Bộ Công an.

- Thời gian thực hiện: Theo lộ trình triển khai Đề án.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

VI. GIẢI PHÁP

1. Giải pháp về cơ chế, chính sách

- Thực hiện ngay các công việc tổng hợp đưa vào chương trình xây dựng Luật, pháp lệnh để bảo đảm cơ sở pháp lý triển khai Đề án (Nhóm nhiệm vụ xây dựng hoàn thiện cơ sở pháp lý).
- Hoàn thiện cơ chế chính sách để triển khai sớm việc thu hút nhân sự, đặc biệt là các chuyên gia trình độ cao, phục vụ quá trình triển khai Đề án ngay từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư.
- Đẩy nhanh việc hoàn thiện và triển khai các Dự án thành phần thuộc Đề án. Tiến hành rà soát, đánh giá, cập nhật và ban hành kịp thời các cơ chế, chính sách hỗ trợ các đơn vị khai thác sử dụng các dịch vụ của Trung tâm dữ liệu quốc gia...
- Rà soát, cập nhật thường xuyên các quy định về vận hành, khai thác, sử dụng dịch vụ của Trung tâm dữ liệu quốc gia và việc cập nhật, đồng bộ dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu chuyên ngành về Trung tâm dữ liệu quốc gia bảo đảm yêu cầu: đúng, đủ, sạch, sống và các quy định về bảo đảm an toàn thông tin.
- Hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy người dân và doanh nghiệp sử dụng hiệu quả dịch vụ dữ liệu của Trung tâm dữ liệu quốc gia để phục vụ quá trình phát triển kinh tế - xã hội.
- Tăng cường sự phối hợp giữa các bộ, ngành và địa phương trong việc triển khai thực hiện Đề án Trung tâm dữ liệu quốc gia.

2. Giải pháp về bảo đảm nhân lực

a) Bảo đảm số lượng nhân lực



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

- Điều động cán bộ cho Trung tâm dữ liệu quốc gia từ các nguồn chính: Công an các đơn vị địa phương, học viên các Học viện Công an nhân dân.

- Triển khai ngay việc thu hút, tuyển chọn công dân vào Công an nhân dân và phát triển nguồn nhân lực chuyên môn cao về khoa học dữ liệu, quản trị, vận hành các thành phần của hệ thống.

- Triển khai cơ chế hỗ trợ và kêu gọi các cơ sở giáo dục đại học, các đơn vị công nghệ thông tin trong nước và quốc tế thực hiện công việc đào tạo và phát triển nhân lực khoa học dữ liệu trong nước để phát triển các lĩnh vực liên quan đến dữ liệu về con người và khai thác dữ liệu mở góp phần phát triển kinh tế - xã hội.

- Nghiên cứu, xây dựng phương án thuê dịch vụ vận hành chuyên nghiệp của các doanh nghiệp, bảo đảm chất lượng dịch vụ và an ninh, an toàn hệ thống.

b) Đào tạo, bồi dưỡng nhân lực

Xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo chi tiết cho các cán bộ của Trung tâm dữ liệu quốc gia. Phát triển các hình thức liên kết đào tạo nhằm đáp ứng tốt nhu cầu và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Trước mắt, chú trọng tổ chức các hội thảo chuyên đề nhằm tăng cường năng lực triển khai hiệu quả các Dự án thành phần của Đề án. Huy động sớm các đơn vị, doanh nghiệp công nghệ trong công an nhân dân tham gia sâu hơn vào thực hiện các nhiệm vụ của Đề án nhằm tận dụng các nguồn lực về công nghệ, nhân sự chuyên môn cao, hạ tầng kỹ thuật dịch vụ,... của các đơn vị để đẩy nhanh hơn quá trình triển khai Đề án.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

c) Chế độ, chính sách đãi ngộ

Lĩnh vực công nghệ thông tin là lĩnh vực có tính chất đặc thù, đòi hỏi độ khó cao trong xử lý công tác chuyên môn, thị trường lao động luôn sẵn sàng đáp ứng mức thu nhập rất cao đối với nhóm lao động đặc biệt này. Do đó để cạnh tranh với thị trường lao động, thu hút được các chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt trong lĩnh vực công nghệ thông tin tham gia vào triển khai các hoạt động của Trung tâm dữ liệu quốc gia, xem xét cho áp dụng các cơ chế chính sách nêu tại Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII: “Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị được sử dụng quỹ tiền lương và kinh phí chi thường xuyên được giao hằng năm để thuê chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị và quyết định mức chi trả thu nhập tương xứng với nhiệm vụ được giao”.

Ngoài ra, đề xuất cơ chế được sử dụng nguồn thu phí, lệ phí và nguồn thu sự nghiệp để hỗ trợ chi trả chế độ bồi dưỡng chính sách cho cán bộ Trung tâm dữ liệu quốc gia theo quy định của pháp luật.

3. Giải pháp về khoa học và công nghệ

- Ưu tiên đầu tư cho các dự án nghiên cứu phát triển, chuyển giao công nghệ khai thác dữ liệu, các ứng dụng khai phá, thu thập dữ liệu... như phát triển các mô hình phân tích dự báo sử dụng dữ liệu về con người phục vụ công tác quản lý xã hội chuyên ngành và xây dựng kho dữ liệu mở; ứng dụng các kỹ thuật, công nghệ mới trong khai phá thu thập và thực hiện tính toán phân tích các dữ liệu về con người trong kho dữ liệu tổng hợp.

- Triển khai áp dụng thống nhất các tiêu chuẩn về phát triển dữ liệu trong các cơ quan nhà nước. Yêu cầu đẩy mạnh sử dụng công nghệ điện toán đám mây trong ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin tại các cơ quan nhà nước.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

- Khuyến khích mọi hình thức hợp tác khoa học công nghệ với các tổ chức, trong và ngoài nước thực hiện việc chuyển giao công nghệ và kinh nghiệm quản lý tiên tiến trong lĩnh vực liên quan. Huy động năng lực của các doanh nghiệp công an nhân dân cùng tham gia nghiên cứu phát triển và làm chủ các công nghệ lõi, như: nền tảng điện toán đám mây, cơ sở dữ liệu lớn, phần mềm trung gian, điện toán và lưu trữ phân tán, mô hình lưu thông dữ liệu,...

- Khuyến khích sử dụng các phần mềm, giải pháp, thiết bị là sản phẩm của các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, do các học viện, trường đại học, viện nghiên cứu và doanh nghiệp Việt Nam phát triển và thiết kế, trong việc xây dựng hạ tầng lưu trữ, phân tích, chia sẻ dữ liệu: nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu; các hệ thống ứng dụng hỗ trợ, phục vụ chỉ đạo, điều hành; các ứng dụng và giải pháp theo dõi, giám sát và điều phối toàn bộ quá trình kết nối, chia sẻ dữ liệu.

4. Giải pháp về huy động vốn và phân bổ vốn đầu tư

Nguồn vốn thực hiện Đề án bao gồm nguồn ngân sách nhà nước (đầu tư phát triển, kinh phí thường xuyên) theo phân cấp hiện hành, các nguồn huy động hợp pháp khác, để thực hiện các công việc:

- Đầu tư xây dựng công trình và mua sắm trang thiết bị, phần mềm, cơ sở dữ liệu của Trung tâm.
- Đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ cho cán bộ, chiến sĩ.
- Ban hành, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật.
- Công tác chuẩn bị đầu tư (khảo sát, hội thảo, thuê tư vấn, chuyên gia,...); lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi các dự án.
- Quản lý, vận hành, bảo trì, bảo dưỡng, duy tu, sửa chữa cơ sở vật chất, trang thiết bị trong quá trình khai thác sử dụng.
- Chi bồi dưỡng, chính sách đãi ngộ cho cán bộ, chiến sĩ.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

Ngoài ra, thực hiện kêu gọi các doanh nghiệp đồng hành, san sẻ kinh phí trong đào tạo và thu hút nhân sự chất lượng cao phục vụ công tác vận hành và làm chủ công nghệ.

5. Giải pháp về bảo đảm kết nối mạng truyền dẫn thông suốt giữa Trung tâm dữ liệu quốc gia và các bộ, ngành và địa phương

Căn cứ hiện trạng và nhu cầu kết nối của các đơn vị, việc kết nối giữa Trung tâm dữ liệu quốc gia và các bộ, ngành và địa phương có thể được linh hoạt triển khai trên:

- Hạ tầng mạng WAN (mạng chuyên dụng) hiện tại của mỗi đơn vị: Trung tâm dữ liệu quốc gia sẽ phối hợp với các bộ, ngành và địa phương bổ sung kết nối đường truyền mạng WAN của các đơn vị tới hạ tầng công nghệ thông tin của các đơn vị tại Trung tâm dữ liệu quốc gia.

- Hạ tầng mạng truyền số liệu chuyên dùng: Bộ Công an sẽ phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện cho các đơn vị liên quan, bảo đảm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ triển khai Đề án.

- Hạ tầng mạng Internet của Trung tâm dữ liệu quốc gia.

6. Giải pháp về hợp tác quốc tế

- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về khoa học dữ liệu gắn với các lĩnh vực giáo dục và đào tạo, nghiên cứu và chuyên gia đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực khoa học dữ liệu quốc gia và cho Trung tâm dữ liệu quốc gia.

- Tăng cường việc liên kết về đào tạo nguồn lực khoa học dữ liệu giữa các trường Đại học, Cao đẳng, các doanh nghiệp với các trường Đại học lớn, các Viện nghiên cứu, các doanh nghiệp lớn trong và ngoài nước để phát triển nguồn lực chất lượng cao cho lĩnh vực khoa học dữ liệu.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

- Khảo sát, nghiên cứu kinh nghiệm phát triển Trung tâm dữ liệu quốc gia của các nước tiên tiến; tổ chức hoặc đăng cai tổ chức các triển lãm, hội nghị, hội thảo quốc gia và quốc tế về phát triển ngành khoa học dữ liệu quốc gia.
- Tăng cường triển khai các hoạt động xúc tiến đầu tư cho lĩnh vực khai thác dữ liệu mở để góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội.

VII. CÁC GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN

Để bảo đảm đề án thực hiện được hiệu quả, quá trình thực hiện đề án sẽ được chia thành 3 giai đoạn triển khai cụ thể:

1. Giai đoạn 1 từ năm 2023 đến hết năm 2025 (Giai đoạn xây dựng cơ sở)

a) Xây dựng và hoàn thiện cơ sở pháp lý

- Nghiên cứu đề xuất ban hành, sửa đổi văn bản quy phạm pháp luật trình cấp có thẩm quyền thông qua nhằm tạo các cơ sở pháp lý cho việc triển khai Đề án.
- Trình cấp có thẩm quyền phê duyệt các quyết định hướng dẫn về quản trị, vận hành, duy trì Trung tâm dữ liệu quốc gia; các tiêu chuẩn lưu trữ, kết nối, đồng bộ, khai thác, chia sẻ dữ liệu, phần mềm tại Trung tâm dữ liệu quốc gia.

b) Phát triển nhân lực

- Hoàn thiện xây dựng và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt cơ cấu tổ chức nhân sự đơn vị quản lý, vận hành và phát triển Trung tâm dữ liệu quốc gia.
- Hình thành bộ khung tổ chức và tuyển dụng một số chuyên gia để thực hiện ngay các công việc quản lý dự án và nghiên cứu ứng dụng công nghệ dữ liệu phục vụ triển khai Đề án.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

- Triển khai đào tạo nhân lực phục vụ triển khai Đề án và xây dựng phương án phối hợp với doanh nghiệp để thực hiện quản trị, vận hành hệ thống.

c) Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật Trung tâm dữ liệu

- Trong năm 2023 - 2024: Hoàn thiện trình và phê duyệt đầu tư 02 Dự án thành phần của Đề án bao gồm dự án xây dựng Trung tâm dữ liệu quốc gia số 01, dự án Công nghệ thông tin cho Trung tâm dữ liệu quốc gia số 01.

- Trong năm 2024 - 2025: (1) Triển khai các dự án bao gồm xây dựng cơ bản và đưa vào khai thác các cấu phần chính của Trung tâm dữ liệu quốc gia số 1 (Trung tâm dữ liệu cho vùng dùng chung, Trung tâm dữ liệu cho vùng chuyên dụng, các tòa nhà làm việc và các công trình phụ trợ khác); (2) Mua sắm, lắp đặt các giải pháp, thiết bị công nghệ thông tin để xây dựng các hệ thống; (3) Bổ sung thiết bị công nghệ, giải pháp cần thiết để xây dựng hệ thống dự phòng đặt tại Trung tâm dữ liệu quốc gia về Dân cư, Trung tâm dữ liệu bảo đảm tiêu chuẩn của các bộ, ngành, địa phương trong giai đoạn chờ đầu tư, xây dựng Trung tâm dữ liệu quốc gia số 02.

- Năm 2025, triển khai và hoàn thành các thủ tục chuẩn bị đầu tư 02 Dự án bao gồm dự án xây dựng Trung tâm dữ liệu quốc gia số 02, dự án Công nghệ thông tin cho Trung tâm dữ liệu quốc gia số 02 và phân đấu bắt đầu xây dựng Trung tâm dữ liệu quốc gia số 02 từ Quý I năm 2026.

d) Phát triển các cơ sở dữ liệu bao gồm 03 đối tượng thực hiện:

- Trung tâm dữ liệu quốc gia thực hiện giai đoạn đầu phát triển kho dữ liệu tổng hợp, kho dữ liệu về con người với dữ liệu được tổng hợp từ các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương trong các lĩnh vực xã hội; từng bước hình thành kho dữ liệu dùng chung và kho dữ liệu mở.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

- Các bộ, ngành, địa phương: chuẩn hóa dữ liệu theo các hướng dẫn của Bộ Công an (Trung tâm dữ liệu quốc gia); nghiên cứu, xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia và thực hiện tích hợp, đồng bộ các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương về Trung tâm dữ liệu quốc gia để từng bước hình thành kho dữ liệu tổng hợp, kho dữ liệu dùng chung khác của Chính phủ (tùy theo điều kiện, hiện trạng thực tế của các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương).

- Các tổ chức chính trị - xã hội triển khai các cơ sở dữ liệu của đơn vị tại Trung tâm dữ liệu quốc gia.

đ) Cung cấp dịch vụ

- Từ Quý III năm 2025, Trung tâm dữ liệu quốc gia bắt đầu thực hiện: (1) Cung cấp hạ tầng công nghệ thông tin cho các cơ sở dữ liệu quốc gia, các cơ quan khối Đảng, Quốc hội, tổ chức chính trị - xã hội; các cơ quan, đơn vị có nhu cầu đặt tại Trung tâm dữ liệu quốc gia; phối hợp các cơ quan, đơn vị xây dựng phương án và hoàn thành việc chuyển các hệ thống chính (hoặc dự phòng) của các đơn vị về Trung tâm dữ liệu quốc gia số 01; (2) Cung cấp dịch vụ phân phối, chia sẻ dữ liệu từ kho dữ liệu dùng chung cho các bộ, ngành, địa phương; (3) Cung cấp dữ liệu mở cho người dân, doanh nghiệp khai thác, sử dụng phục vụ phát triển kinh tế xã hội.

- Các bộ quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ quan khối Đảng, Quốc hội, tổ chức chính trị - xã hội thực hiện: (1) Phối hợp với Trung tâm dữ liệu quốc gia xây dựng và triển khai phương án di chuyển hệ thống thông tin bảo đảm an ninh, an toàn đơn vị có nhu cầu chuyển hệ thống công nghệ thông tin có sẵn về Trung tâm dữ liệu quốc gia (hoàn thành trong Quý IV năm 2025); (2) Chủ động thực hiện bố trí kinh phí thực hiện việc di chuyển hệ thống theo các phương án triển khai; (3) Đồng bộ dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu quốc gia, dữ liệu liên quan đến con người về Trung tâm dữ liệu quốc gia.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

2. Giai đoạn 2 từ năm 2026 đến hết năm 2028 (Giai đoạn mở rộng)

a) Xây dựng và hoàn thiện cơ sở pháp lý:

Tiếp tục hoàn thiện cơ sở pháp lý cho việc triển khai thu thập phát triển dữ liệu và cung cấp dịch vụ của Trung tâm dữ liệu quốc gia.

b) Phát triển nhân lực:

Hoàn thiện mô hình và cơ cấu tổ chức đơn vị quản lý và vận hành Trung tâm dữ liệu quốc gia. Đẩy mạnh công tác đào tạo và tuyển dụng để chủ động trong công tác quản trị, vận hành các hệ thống; tập trung việc thuê chuyên gia, nhân sự bên ngoài phục vụ công tác sản xuất, nghiên cứu phát triển ứng dụng.

c) Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật Trung tâm dữ liệu

- Trung tâm dữ liệu quốc gia thực hiện:

+ Trong năm 2026 - 2027: (1) Xây dựng và lắp đặt thiết bị, hệ thống tại Trung tâm dữ liệu quốc gia số 02 (quy mô tương tự Trung tâm dữ liệu quốc gia số 01) để bảo đảm tính dự phòng, năng lực xử lý, chất lượng đường truyền và tối ưu nguồn nhân lực, tăng cường tính sẵn sàng; (2) Hoàn thiện xây dựng và bổ sung năng lực hạ tầng theo nhu cầu cho Trung tâm xử lý dữ liệu số 01 tại Hòa Lạc; (3) Triển khai dự án chuyển thiết bị phục vụ dự phòng Trung tâm dữ liệu quốc gia Hòa Lạc đang đặt tại Trung tâm dữ liệu quốc gia về dân cư, Trung tâm dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương sang Trung tâm dữ liệu quốc gia số 02, bổ sung tài nguyên cho Trung tâm dữ liệu quốc gia số 02 phù hợp với nhu cầu sử dụng và bảo đảm tính dự phòng 100% cho các hệ thống triển khai tại Trung tâm dữ liệu quốc gia số 01 và Trung tâm dữ liệu quốc gia số 02.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

+ Trong năm 2028: triển khai và hoàn thành các thủ tục chuẩn bị đầu tư 02 Dự án bao gồm dự án xây dựng Trung tâm dữ liệu quốc gia số 03, dự án Công nghệ thông tin cho Trung tâm dữ liệu quốc gia số 03 và phần đầu bắt đầu xây dựng Trung tâm dữ liệu quốc gia số 03 từ Quý I năm 2029.

- Các bộ, ban, ngành, địa phương, tổ chức chính trị - xã hội thực hiện: (1) Đầu tư thiết bị, giải pháp và tích hợp vào các hệ thống hạ tầng kỹ thuật và công nghệ tại Trung tâm dữ liệu quốc gia để xây dựng, phát triển hệ thống thông tin của đơn vị mình căn cứ theo hướng dẫn, tiêu chuẩn kỹ thuật của Bộ Công an (Trung tâm dữ liệu quốc gia) chủ trì phối hợp Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành cho Trung tâm dữ liệu quốc gia. Các đơn vị bố trí kinh phí triển khai và tích hợp với hệ thống của Trung tâm dữ liệu quốc gia (đối với đơn vị có nhu cầu); (2) Chuyển hệ thống còn lại (chính hoặc dự phòng) của các cơ quan, đơn vị về Trung tâm dữ liệu quốc gia số 02 để bảo đảm yêu cầu về dự phòng.

d) Phát triển các cơ sở dữ liệu:

- Trung tâm dữ liệu quốc gia thực hiện: (1) Mở rộng phát triển kho dữ liệu về con người với dữ liệu được tổng hợp tối thiểu từ các cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành: Tài nguyên - môi trường, Kế hoạch đầu tư,... (2) Tích hợp, đồng bộ dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành về Trung tâm dữ liệu quốc gia, thực hiện tổng hợp thành các kho dữ liệu dùng chung, kho dữ liệu mở theo quy hoạch/chiến lược; (3) Triển khai mở rộng các cơ sở dữ liệu chuyên ngành của các tổ chức chính trị - xã hội tại Trung tâm dữ liệu quốc gia.

- Các bộ, ban, ngành, địa phương, tổ chức chính trị - xã hội khẩn trương xây dựng các cơ sở dữ liệu quốc gia, tiếp tục phát triển, mở rộng các cơ sở dữ liệu chuyên ngành của các tổ chức, đơn vị mình và bảo đảm tích hợp duy trì đồng bộ liên tục với Trung tâm dữ liệu quốc gia.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

đ) Cung cấp dịch vụ:

- Trung tâm dữ liệu quốc gia thực hiện: (1) Mở rộng cung cấp dịch vụ hạ tầng nhà trạm và dịch vụ hạ tầng công nghệ thông tin (bao gồm cả Trung tâm dữ liệu chính và Trung tâm dữ liệu dự phòng) cho các bộ, ngành, địa phương có nhu cầu; (2) Mở rộng dịch vụ cung cấp dịch vụ hạ tầng phục vụ triển khai các hệ thống thông tin chuyên ngành của các cơ quan khối Đảng, Quốc hội, tổ chức chính trị - xã hội; (3) Mở rộng cung cấp dịch vụ phân phối, chia sẻ dữ liệu từ kho dữ liệu dùng chung cho các bộ, ngành, địa phương; (4) Mở rộng dịch vụ cung cấp dữ liệu mở cho người dân, doanh nghiệp khai thác, sử dụng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và (5) Thí điểm cung cấp một số dịch vụ điện toán đám mây theo mô hình PaaS/SaaS (dịch vụ nền tảng/dịch vụ phần mềm) cho các đơn vị có nhu cầu.

- Các bộ, ban, ngành, địa phương, tổ chức chính trị - xã hội tùy theo nhu cầu và điều kiện phát triển thực hiện tăng cường và mở rộng phạm vi sử dụng các dịch vụ của Trung tâm dữ liệu quốc gia cung cấp.

3. Giai đoạn 3 (từ năm 2029 đến hết năm 2030): Giai đoạn phát triển

a) Xây dựng và hoàn thiện cơ sở pháp lý: Đánh giá và rà soát hoàn thiện các cơ sở pháp lý (nếu có) cho việc triển khai thu thập phát triển dữ liệu, cung cấp dịch vụ của Trung tâm dữ liệu quốc gia.

b) Củng cố và phát triển nhân lực: Tiếp tục củng cố và hoàn thiện thêm tổ chức đơn vị quản lý, vận hành Trung tâm dữ liệu quốc gia. Thực hiện tuyển dụng và liên kết đào tạo bổ sung nhân sự phục vụ hoạt động của Trung tâm dữ liệu quốc gia. Triển khai liên kết với các cơ sở nghiên cứu ứng dụng và phát triển các công nghệ khai thác dữ liệu lớn.

c) Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật Trung tâm dữ liệu:



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

- Trung tâm dữ liệu quốc gia thực hiện: (1) Triển khai bổ sung tài nguyên cho các Trung tâm dữ liệu quốc gia số 01 và 02 theo nhu cầu mở rộng sử dụng của các bộ, ngành, địa phương và của Trung tâm; (2) Xây dựng và lắp đặt thiết bị, hệ thống tại Trung tâm dữ liệu quốc gia số 03.

- Các bộ, ban, ngành, địa phương, tổ chức chính trị - xã hội tiếp tục thực hiện triển khai đầu tư theo quy định.

d) Phát triển các cơ sở dữ liệu:

- Trung tâm dữ liệu quốc gia thực hiện: (1) Tiếp tục triển khai mở rộng phát triển kho dữ liệu về con người với dữ liệu được tổng hợp từ 100% các cơ sở dữ liệu quốc gia được xây dựng; (2) Tích hợp, đồng bộ các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành về Trung tâm dữ liệu quốc gia. Thực hiện tổng hợp thành các kho dữ liệu dùng chung, kho dữ liệu mở theo quy hoạch/chiến lược.

- Các bộ, ban, ngành, địa phương, tổ chức chính trị - xã hội tiếp tục phát triển, mở rộng các cơ sở dữ liệu chuyên ngành của các tổ chức, đơn vị mình để tích hợp, đồng bộ với Trung tâm dữ liệu quốc gia.

đ) Cung cấp dịch vụ:

- Trung tâm dữ liệu quốc gia thực hiện mở rộng : (1) Cung cấp dịch vụ hạ tầng và tài nguyên cho 100% hệ thống thông tin của các bộ, ngành và địa phương có nhu cầu; (2) Dịch vụ cung cấp phục vụ triển khai cho 100% các hệ thống thông tin chuyên ngành của các tổ chức chính trị - xã hội; (3) Cung cấp một số dịch vụ điện toán đám mây theo mô hình PaaS/SaaS (dịch vụ nền tảng/dịch vụ phần mềm) cho các đơn vị có nhu cầu; (4) Kho dữ liệu dùng chung, kho dữ liệu mở và phát triển thêm dịch vụ tiện ích.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

- Các bộ, ban, ngành, địa phương, tổ chức chính trị - xã hội tăng cường và mở rộng phạm vi sử dụng các dịch vụ của Trung tâm dữ liệu quốc gia cung cấp theo nhu cầu.

VIII. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Đề án được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.
2. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Đề án trong dự toán ngân sách hàng năm được cấp có thẩm quyền giao.
3. Khuyến khích việc huy động theo quy định của pháp luật các nguồn kinh phí ngoài ngân sách trung ương để triển khai Đề án.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm Tổ công tác triển khai Đề án 06:
 - a) Chỉ đạo tổ chức xây dựng, triển khai thực hiện Đề án Trung tâm dữ liệu quốc gia và các Dự án thành phần của Đề án.
 - b) Tổ chức kiện toàn, bổ sung đại diện Bộ Xây dựng, Bộ Khoa học và Công nghệ, Ban Cơ yếu Chính phủ vào Tổ công tác.
2. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
 - a) Phối hợp chặt chẽ với Bộ Công an, Văn phòng Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông, Ban Cơ yếu Chính phủ và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Đề án.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

b) Rà soát dữ liệu thông tin có liên quan đến con người được quản lý theo các quy trình, nghiệp vụ chuyên ngành và phối hợp với Trung tâm dữ liệu quốc gia xây dựng phương án đồng bộ dữ liệu con người theo phạm vi quản lý về Trung tâm dữ liệu quốc gia.

c) Tổ chức tổng kết, đánh giá hàng năm và theo hoạt động của Đề án trong phạm vi bộ, ngành, địa phương.

d) Kết nối Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của Trung tâm dữ liệu quốc gia.

đ) Tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ đối với các hệ thống thông tin được triển khai cài đặt, vận hành tại Trung tâm dữ liệu quốc gia.

e) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ tiến hành rà soát văn bản quy phạm pháp luật để đề xuất cấp có thẩm quyền thực hiện sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản pháp luật phục vụ kết nối, khai thác dữ liệu giữa Trung tâm dữ liệu quốc gia và các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

g) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố Hà Nội, Hồ Chí Minh, Hòa Bình, Cần Thơ, Lâm Đồng và các địa phương có liên quan phối hợp Bộ Công an trong quá trình giới thiệu, cung cấp đất và triển khai Trung tâm dữ liệu quốc gia.

h) Trong quá trình triển khai thực hiện Đề án, nếu có khó khăn, vướng mắc, các bộ, ngành, địa phương có trách nhiệm gửi kiến nghị về Bộ Công an để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ để kịp thời tháo gỡ, bảo đảm triển khai thực hiện Đề án đúng tiến độ và có chất lượng.

3. Trách nhiệm của Bộ Công an

a) Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông và bộ, ngành, địa phương tổ chức triển khai, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Nghị quyết.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

b) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành địa phương triển khai các nhiệm vụ trong Đề án, gồm: Xây dựng Trung tâm dữ liệu quốc gia bao gồm hạ tầng vận hành và hạ tầng công nghệ thông tin để triển khai các hệ thống của Trung tâm dữ liệu quốc gia cũng như hỗ trợ các bộ, ngành, địa phương, tổ chức chính trị - xã hội; xây dựng và triển khai Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của Trung tâm dữ liệu quốc gia; xây dựng Kho dữ liệu tổng hợp từ các cơ sở dữ liệu quốc gia; xây dựng hệ thống phân tích dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, cơ quan nhà nước, người dân và doanh nghiệp theo lộ trình của Nghị quyết này.

c) Chủ trì phối hợp Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông và các cơ quan liên quan rà soát, tổng hợp đề xuất Chính phủ chỉ đạo các bộ, cơ quan, địa phương xây dựng, sửa đổi, bổ sung các văn bản liên quan đến việc triển khai, quản trị vận hành của Trung tâm dữ liệu quốc gia.

d) Là đầu mối phụ trách đăng ký việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin của đơn vị hành chính nhà nước, doanh nghiệp với kho dữ liệu tổng hợp từ các cơ sở dữ liệu quốc gia thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của Trung tâm dữ liệu quốc gia.

đ) Là đầu mối phụ trách tiếp nhận đăng ký yêu cầu hỗ trợ cung cấp, lắp đặt, tích hợp các thiết bị công nghệ thông tin, hệ thống cho các đơn vị có nhu cầu.

e) Là đầu mối tổng hợp nhu cầu về hạ tầng công nghệ thông tin của bộ, ngành, địa phương, thiết kế và lên kế hoạch mở rộng, phát triển (về năng lực tính toán, năng lực lưu trữ, năng lực an ninh, phạm vi và độ lớn) để đáp ứng nhu cầu tăng trưởng hàng năm.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

g) Chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông thẩm định, đánh giá, kiểm tra, hỗ trợ giám sát và điều phối ứng phó sự cố an ninh mạng, an toàn thông tin trong quá trình xây dựng, triển khai, vận hành các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quan trọng trong Trung tâm dữ liệu quốc gia.

h) Bộ trưởng Bộ Công an quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy Trung tâm dữ liệu quốc gia.

i) Kịp thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của các bộ, ngành, địa phương trong quá trình tổ chức thực hiện Nghị quyết.

k) Chủ trì phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn về việc phân cấp, phân loại dữ liệu, kiến trúc phần mềm, kiến trúc hệ thống, tổ chức, kết nối, chia sẻ dữ liệu của Trung tâm dữ liệu quốc gia.

4. Trách nhiệm của Văn phòng Chính phủ

a) Phối hợp với Bộ Công an, Bộ Thông tin và Truyền thông theo dõi, đôn đốc các cơ quan thực hiện các nhiệm vụ của Nghị quyết.

b) Phối hợp với Bộ Công an và các đơn vị liên quan đánh giá nhu cầu, thực hiện chuyển dịch hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin các hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ (Công Dịch vụ công quốc gia, Trục liên thông văn bản quốc gia, Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia...) lên Trung tâm dữ liệu quốc gia theo lộ trình sau khi Trung tâm này được hình thành.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

5. Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng

Phối hợp với Bộ Công an, các cơ quan, tổ chức bố trí lực lượng, phương tiện thích hợp để phát hiện, ngăn chặn từ xa mọi hành vi xâm phạm Trung tâm dữ liệu quốc gia cả về địa lý và trên không gian mạng.

6. Trách nhiệm của Bộ Thông tin và Truyền thông

a) Chủ trì hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương phát triển, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật theo tiêu chuẩn, tránh đầu tư dàn trải, lãng phí.

b) Hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương thực hiện chuẩn hoá, kết nối, chia sẻ dữ liệu, tính toán tối ưu giữa việc đầu tư hạ tầng mới và sử dụng hạ tầng do Trung tâm dữ liệu quốc gia cung cấp.

c) Rà soát, đánh giá năng lực mạng Truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan để xây dựng phương án nâng cấp, bảo đảm các đơn vị có thể truy cập, quản trị hệ thống đặt tại Trung tâm dữ liệu quốc gia thông qua mạng truyền số liệu chuyên dùng.

d) Hoàn thiện Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050 trình Thủ tướng Chính phủ ban hành; xây dựng Nghị định quy định danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia, việc xây dựng, cập nhật, duy trì và khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia, trình Chính phủ ban hành; ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành Khung kiến trúc Chính phủ điện tử 3.0; hướng dẫn, thẩm định chặt chẽ việc xây dựng Kiến trúc Chính phủ điện tử (phiên bản 3.0) của các bộ, ngành, địa phương, bảo đảm phù hợp, đồng bộ với Khung kiến trúc Chính phủ điện tử 3.0.

7. Trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành công bố các tiêu chuẩn Việt Nam có liên quan.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

b) Hỗ trợ nghiên cứu làm chủ và ứng dụng các công nghệ số, dữ liệu số hình thành các sản phẩm, dịch vụ phục vụ phát triển chính phủ số, chính quyền số và phát triển kinh tế - xã hội thông qua các Chương trình Khoa học và Công nghệ trọng điểm cấp quốc gia.

8. Trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Trên cơ sở đề nghị của Bộ Công an và các bộ, cơ quan trung ương và địa phương tham gia thực hiện Đề án (nếu có), Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính trình cấp có thẩm quyền bổ sung các dự án đầu tư xây dựng và mua sắm trang thiết bị, phần mềm, cơ sở dữ liệu của Đề án vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn khi đáp ứng các điều kiện quy định của Luật Đầu tư công và Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch đầu tư công trung hạn.

9. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

- a) Bố trí kinh phí thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.
- b) Tham mưu, đề xuất cấp có thẩm quyền ưu tiên phân bổ bổ sung kinh phí để thực hiện Nghị quyết (ngoài dự toán chi ngân sách đã cấp hàng năm).
- c) Phối hợp với Bộ Công an tham mưu cấp có thẩm quyền sửa đổi, ban hành văn bản pháp luật quy định mức thu, quản lý phí khai thác và sử dụng thông tin trong Trung tâm dữ liệu quốc gia.

10. Trách nhiệm của Bộ Tư pháp

Chủ trì tổng hợp đưa vào chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh và đơn đốc thực hiện chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh để bảo đảm hành lang pháp lý triển khai Đề án.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

11. Trách nhiệm của Bộ Nội vụ

Phối hợp với Bộ Công an và các đơn vị có liên quan hướng dẫn vị trí việc làm, chế độ chính sách đối với nhân sự thực hiện quản trị, vận hành, phát triển hệ thống thông tin của Trung tâm dữ liệu quốc gia.

12. Trách nhiệm của Bộ Công thương

Chỉ đạo Tập đoàn điện lực Việt Nam nghiên cứu bố trí bảo đảm các điều kiện về nguồn điện cho các Trung tâm dữ liệu (02 lộ điện).

13. Trách nhiệm của Ban Cơ yếu Chính phủ

Chủ trì, phối hợp với Bộ Công an, Văn phòng Chính phủ và Bộ Thông tin và Truyền thông triển khai các giải pháp bảo đảm an toàn, xác thực và bảo mật thông tin dùng mật mã, triển khai dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ cho các hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu tại Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KSTT (2).

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Trần Lưu Quang



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

PHỤ LỤC I

NHIỆM VỤ CỦA CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG TRONG TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN TRUNG TÂM DỮ LIỆU QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 1 (2023 - 2025)

(Kèm theo Nghị quyết số 175/NQ-CP ngày 30/10/2023 của Chính phủ)

I. NHIỆM VỤ CHUNG

1. Phối hợp chặt chẽ với Bộ Công an, Văn phòng Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông, Ban Cơ yếu Chính phủ và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Đề án.
2. Rà soát, thống kê các trường thông tin có trong cơ sở dữ liệu (đặc biệt các thông tin có liên quan đến con người) đang được quản lý theo các quy trình, nghiệp vụ chuyên ngành và các trường thông tin cần khai thác (hoàn thành trong Quý IV/2023).
3. Kết nối Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của Trung tâm dữ liệu quốc gia (Quý III/2025).
4. Phối hợp với Trung tâm dữ liệu quốc gia xây dựng phương án đồng bộ dữ liệu con người theo phạm vi quản lý về Trung tâm dữ liệu quốc gia (theo lộ trình do Bộ Công an đề xuất).
5. Rà soát, bổ sung các điều kiện bảo đảm an ninh, an toàn thông tin theo tiêu chuẩn của Trung tâm dữ liệu quốc gia (từ Quý IV/2024).
6. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ tiến hành rà soát văn bản quy phạm pháp luật để đề xuất cấp có thẩm quyền thực hiện sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản pháp luật phục vụ kết nối, khai thác dữ liệu giữa Trung tâm dữ liệu quốc gia và các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

7. Đối với các đơn vị đã xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia: Tiếp tục hoàn thiện hệ thống và tiến hành chuyển hệ thống về Trung tâm dữ liệu quốc gia trong Quý II/2025.

8. Đối với các đơn vị chưa xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia: Khẩn trương rà soát, nghiên cứu, đề xuất nhu cầu triển khai hệ thống với Bộ Công an (Trung tâm dữ liệu quốc gia) trong Quý IV/2023

9. Rà soát, khảo sát, nghiên cứu, đề xuất và phê duyệt các dự án để triển khai theo các nhiệm vụ phân công của Đề án (Quý II/2024).

10. Trong quá trình triển khai thực hiện Đề án, nếu có khó khăn, vướng mắc, các bộ, ngành, địa phương có trách nhiệm gửi báo cáo đến Bộ Công an để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ kịp thời tháo gỡ, bảo đảm triển khai thực hiện Đề án đúng tiến độ và có chất lượng (thường xuyên).

II. NHIỆM VỤ CỤ THỂ

STT	Đơn vị	Nhiệm vụ chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
1	Bộ Thông tin và Truyền thông	Tham mưu Chính phủ ban hành Nghị định quy định danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia; việc xây dựng, cập nhật, duy trì và khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia theo trình tự, thủ tục rút gọn	(1) Bộ Tư pháp (2) Văn phòng Chính phủ (3) Bộ Công an	Quý IV/2023
		Tham mưu Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông	(1) Văn phòng Chính phủ (2) Bộ Công an	Quý IV/2023



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

STT	Đơn vị	Nhiệm vụ chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
		thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, trong đó, tổng hợp Trung tâm dữ liệu quốc gia do Bộ Công an đề xuất triển khai vào Quy hoạch		
		Ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành Khung kiến trúc Chính phủ điện tử 3.0	Văn phòng Chính phủ	Quý IV/2023
		Tham mưu, trình cấp có thẩm quyền ban hành quy định về tiêu chuẩn về kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước; giữa cơ quan nhà nước và doanh nghiệp trong và ngoài nước; giữa cơ quan nhà nước Việt Nam và cơ quan, tổ chức chính trị nước ngoài	(1) Văn phòng Chính phủ (2) Bộ Công an	Quý I/2024
		Xây dựng, ban hành quy định về quy chuẩn, tiêu chuẩn của Trung tâm dữ liệu (Trung tâm dữ liệu quốc gia, Trung tâm dữ	(1) Bộ Khoa học và Công nghệ (2) Bộ Công an	Trước năm 2025



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

STT	Đơn vị	Nhiệm vụ chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
		liệu vùng, Trung tâm dữ liệu ngành) để phục vụ vận hành Trung tâm dữ liệu quốc gia		
2	Bộ Công an	Thành lập đơn vị cấp Cục có chức năng nhiệm vụ được nêu trong Đề án		Trong năm 2024
		Tuyên truyền, phổ biến tới người dân tầm quan trọng của xây dựng Trung tâm dữ liệu quốc gia qua Tổ công tác triển khai Đề án 06 các cấp và các phương tiện thông tin đại chúng	(1) Bộ Thông tin và Truyền thông (2) VTV, VOV	Thường xuyên
		Rà soát, đánh giá các luật có quy định liên quan đến cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương	(1) Bộ Tư pháp (2) Các bộ, ngành, địa phương	Thường xuyên
		Xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành quy định về Chiến lược dữ liệu, Tiêu chuẩn dữ liệu tại Trung tâm dữ liệu quốc gia	(1) Bộ Thông tin và Truyền thông (2) Các bộ, ngành, địa phương	Tháng 9/2024



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

STT	Đơn vị	Nhiệm vụ chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
		Tham mưu, trình cấp có thẩm quyền ban hành quy định về quy chế quản lý, khai thác Trung tâm dữ liệu quốc gia	(1) Bộ Thông tin và Truyền thông (2) Các bộ, ngành, địa phương	Tháng 9/2024
		Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 01/2018/NĐ-CP của Chính phủ	(1) Bộ Tư pháp (2) Bộ Nội vụ (3) Các bộ, ngành liên quan	Trong năm 2024
		Rà soát hiện trạng Công nghệ thông tin tại các bộ, ngành (số lượng rack; danh mục thiết bị bảo mật; danh mục thiết bị mạng; danh mục máy chủ; danh mục thiết bị lưu trữ; danh mục công nghệ nền tảng) đang sử dụng và dự kiến nhu cầu đầu tư, trang cấp trong giai đoạn 2023 - 2025	(1) Bộ Thông tin và Truyền thông (2) Các bộ, ngành, địa phương có liên quan	Quý IV/2023
		Thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật về đầu tư đối với các dự án thuộc Đề án	(1) Các bộ, ngành, địa phương có liên quan	Bộ Công an xây dựng kế hoạch triển khai



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

STT	Đơn vị	Nhiệm vụ chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
3	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Trình cấp có thẩm quyền bổ sung các dự án đầu tư xây dựng và mua sắm trang thiết bị, phần mềm, cơ sở dữ liệu của Đề án vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2020 - 2025	(1) Bộ Tài chính (2) Bộ Công an	Quý IV/2023
4	Bộ Tài chính	Bố trí kinh phí thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước	(1) Bộ Công an (2) Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Theo lộ trình của Đề án do Bộ Công an đề xuất
		Tham mưu, đề xuất cấp có thẩm quyền ưu tiên phân bổ bổ sung kinh phí để thực hiện Nghị quyết (ngoài dự toán chi ngân sách đã cấp hàng năm)	(1) Bộ Công an (2) Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Theo lộ trình của Đề án do Bộ Công an đề xuất
		Phối hợp với Bộ Công an nghiên cứu đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, ban hành văn bản pháp luật quy định mức thu, quản lý phí khai thác và sử dụng thông tin trong Trung tâm dữ liệu quốc gia	(1) Bộ Công an (2) Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Theo lộ trình của Đề án do Bộ Công an đề xuất



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

STT	Đơn vị	Nhiệm vụ chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
5	Bộ Nội vụ	Phối hợp với Bộ Công an và các đơn vị có liên quan hướng dẫn vị trí việc làm, chế độ chính sách đối với nhân sự thực hiện quản trị, vận hành, phát triển hệ thống thông tin của Trung tâm dữ liệu quốc gia.	(1) Bộ Công an (2) Bộ Thông tin và Truyền thông (3) Bộ Tài chính	Quý I/2024
6	Văn phòng Chính phủ	Theo dõi, đôn đốc các cơ quan triển khai Đề án và kịp thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ	Bộ Công an	Thường xuyên
7	Bộ Quốc phòng	Hướng dẫn, tư vấn các tiêu chuẩn, quy chuẩn phục vụ thiết kế triển khai các giải pháp bảo đảm phát hiện, ngăn chặn từ xa mọi hành vi xâm phạm Trung tâm dữ liệu quốc gia cả về địa lý và trên không gian mạng	Bộ Công an	Quý IV/2023
8	Bộ Công Thương	Chỉ đạo Tập đoàn Điện lực Việt Nam nghiên cứu bố trí bảo đảm các điều kiện về nguồn điện cho các Trung tâm dữ liệu (02 lộ điện)	Bộ Công an	Quý IV/2024 và theo lộ trình triển khai các Trung tâm dữ liệu theo



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

STT	Đơn vị	Nhiệm vụ chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
				Đề án
9	Bộ Xây dựng	Thẩm định dự án xây dựng		Theo lộ trình Đề án
10	Bộ Khoa học và Công nghệ	Nghiên cứu và công bố các tiêu chuẩn liên quan đến Trung tâm dữ liệu (ISO 30134-8, ISO 30134-9, ISO 22237-1:2021...)	Bộ Thông tin và Truyền thông	Quý II/2024
11	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Đánh giá tác động môi trường trong quá trình xây dựng, vận hành Trung tâm dữ liệu quốc gia	Bộ Công an	Trong quá trình thực hiện Đề án
12	Ban Cơ yếu Chính phủ	Triển khai các giải pháp bảo đảm an toàn, xác thực và bảo mật thông tin dùng mật mã, dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ	(1) Bộ Công an (2) Văn phòng Chính phủ (3) Bộ Thông tin và Truyền thông	Từ tháng 8/2023
13	Bộ Ngoại giao	Hợp tác quốc tế về khoa học dữ liệu liên kết với cơ quan Chính phủ các nước	(1) Bộ Công an (2) Văn phòng Chính phủ	Trong quá trình thực hiện Đề án
		Đẩy mạnh công tác hợp tác quốc tế để chuyển giao công nghệ cho Trung tâm dữ	(1) Bộ Công an (2) Văn phòng Chính phủ	Thường xuyên



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

STT	Đơn vị	Nhiệm vụ chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
		liệu quốc gia		
14	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Xây dựng các chương trình đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ quản trị, vận hành các Trung tâm dữ liệu	(1) Bộ Công an (2) Các bộ, ngành, địa phương	Từ Quý IV/2023
15	VTV, VOV	Tuyên truyền xây dựng chính sách pháp luật và mục tiêu, lợi ích của Trung tâm dữ liệu quốc gia	Bộ Công an	Theo lộ trình thực hiện Đề án
16	UBND thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Hòa Bình, Cần Thơ, Lâm Đồng	Giới thiệu địa điểm phục vụ lựa chọn vị trí xây dựng Trung tâm dữ liệu quốc gia; bàn giao mặt bằng dự án để Bộ Công an báo cáo Thủ tướng Chính phủ bổ sung vào đất an ninh	Bộ Khoa học và Công nghệ	Theo lộ trình thực hiện Đề án
		Chuẩn bị bố trí bảo đảm các điều kiện hạ tầng cần thiết phục vụ xây dựng, triển khai, vận hành các Trung tâm dữ liệu quốc gia (điện, nước, giao thông, camera giám sát an ninh)	Bộ Công an	Theo lộ trình thực hiện Đề án



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

PHỤ LỤC II

MỘT SỐ NỘI DUNG TRỌNG TÂM LIÊN QUAN ĐẾN XÂY DỰNG VÀ TRIỂN KHAI HỆ THỐNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TẠI TRUNG TÂM DỮ LIỆU QUỐC GIA

(Kèm theo Nghị quyết số 175/NQ-CP ngày 30/10/2023 của Chính phủ)

I. XÂY DỰNG TRUNG TÂM DỮ LIỆU QUỐC GIA

1. Địa điểm xây dựng

a) Trung tâm dữ liệu quốc gia số 01:

Vị trí khu đất: Khu công nghệ cao Hòa Lạc, thành phố Hà Nội.

b) Các Trung tâm dữ liệu quốc gia 02 và 03:

Phân bổ phù hợp với quy hoạch hạ tầng Thông tin và Truyền thông.

2. Quy mô

- Các Trung tâm dữ liệu quốc gia được xây dựng với diện tích phù hợp với Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Mỗi Trung tâm dữ liệu quốc gia được xây dựng 02 Trung tâm dữ liệu độc lập bao gồm 01 Trung tâm dữ liệu phục vụ cho vùng chuyên dụng, 01 Trung tâm dữ liệu có quy mô 1.000 racks phục vụ vùng dùng chung cho các bộ, ngành; tòa nhà làm việc, Viện nghiên cứu, sản xuất, doanh trại, tòa nhà hội nghị, Trung tâm giám sát an ninh mạng và các công trình khác.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

- Trong đó, Trung tâm dữ liệu quốc gia số 01 dự kiến tổng diện tích xây dựng khoảng 150.000 m², Trung tâm dữ liệu phục vụ cho vùng chuyên dụng có quy mô 300 tủ racks, 01 Trung tâm dữ liệu có quy mô 1.000 racks, các tòa nhà phụ trợ phục vụ cho khoảng 1000 người.

3. Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, yêu cầu cần đáp ứng

- Trung tâm dữ liệu quốc gia được thiết kế, xây dựng đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật, quy chuẩn về Trung tâm dữ liệu tối thiểu bảo đảm mức độ 3.

- Ngoài ra, Trung tâm dữ liệu quốc gia được thiết kế, xây dựng theo các tiêu chuẩn, định mức, yêu cầu kỹ thuật trong nước và quốc tế để bảo đảm chống bom đạn, khủng bố; tiêu chuẩn, yêu cầu về Trung tâm dữ liệu xanh, ưu tiên sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo, giải pháp thông minh để kiểm soát nguồn năng lượng.

- Thiết kế, triển khai các giải pháp bảo đảm an ninh, bảo mật ở mức cao nhất, hiện đại nhất để kiểm soát, phát hiện, ngăn chặn tấn công, đột nhập, hoạt động chống phá tại từng khu vực, hành lang dưới mặt đất cũng như vùng trời.

4. Giải pháp tận dụng tối ưu về xây dựng hạ tầng nhà trạm của Trung tâm dữ liệu quốc gia

- Trung tâm dữ liệu quốc gia đầu tư, xây dựng toàn bộ phần hạ tầng nhà trạm của Trung tâm dữ liệu quốc gia số 01 xây dựng tại Hoà Lạc, Hà Nội và các Trung tâm dữ liệu quốc gia khác được xây dựng phù hợp với Quy hoạch hạ tầng Thông tin và Truyền thông với lộ trình xây dựng theo từng giai đoạn.

- Đối với các cơ quan, đơn vị đã có hạ tầng nhà trạm vẫn đang bảo đảm theo các tiêu chuẩn TIA-942 hoặc Uptime Tier-3, Trung tâm dữ liệu hạng III (TCVN 9250:2021): Các đơn vị tiếp tục quản trị, vận hành Trung tâm dữ liệu do mình xây dựng; tuy nhiên, cần phối hợp Trung tâm dữ liệu quốc gia và các cơ quan liên quan nghiên cứu, đánh giá việc đầu tư



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

nâng cấp hạ tầng nhà trạm phù hợp với lộ trình triển khai các Trung tâm dữ liệu quốc gia và thời gian hết khấu hao của các thiết bị, giải pháp phục vụ vận hành hạ tầng nhà trạm; bảo đảm có thể kế thừa, tận dụng tối đa trong trường hợp ⁽¹⁾ chuyển hệ thống, thiết bị, giải pháp công nghệ thông tin về Trung tâm dữ liệu quốc gia, ⁽²⁾ dừng việc bảo trì, nâng cấp hạ tầng nhà trạm Trung tâm dữ liệu.

- Đối với các cơ quan, đơn vị có hạ tầng nhà trạm không bảo đảm theo tiêu chuẩn TIA-942 hoặc Uptime Tier-3, Trung tâm dữ liệu hạng III (TCVN 9250:2021): Các đơn vị tiếp tục quản trị vận hành, nâng cấp hệ thống và phối hợp với Trung tâm dữ liệu quốc gia, các cơ quan liên quan nghiên cứu, đánh giá việc đầu tư phục vụ duy trì hạ tầng nhà trạm Trung tâm dữ liệu phù hợp với lộ trình triển khai các Trung tâm dữ liệu quốc gia và thời gian hết khấu hao của các thiết bị, giải pháp phục vụ vận hành hạ tầng nhà trạm, bảo đảm hiệu quả đầu tư, nguồn lực quản trị vận hành.

- Đối với các cơ quan, đơn vị chưa có hạ tầng nhà trạm (đang đi thuê chỗ đặt hệ thống): Các cơ quan, đơn vị, tổ chức xây dựng phương án đặt hệ thống thông tin tại Trung tâm dữ liệu quốc gia hoặc tiếp tục thuê của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ, hạn chế tối đa việc xây dựng mới các Trung tâm dữ liệu riêng của từng đơn vị.

II. CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

1. Các thành phần chính

a) Nền tảng điện toán đám mây

Nền tảng điện toán đám mây và triển khai thành các vùng chức năng, gồm:

- Vùng điện toán đám mây phục vụ nhu cầu của bộ ngành, địa phương, Trung tâm dữ liệu quốc gia với các phân hệ tích hợp, đồng bộ, khai thác dữ liệu, yêu cầu cao về bảo mật thông tin. Hạng mục đầu tư chính cho vùng này, gồm: Thiết



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

bị mạng; An toàn thông tin; Máy chủ; Lưu trữ; Phần mềm thương mại; Phần mềm điện toán đám mây;... (bao gồm cả việc nâng cấp Trung tâm dữ liệu quốc gia về dân cư để dự phòng).

b) Kho dữ liệu tổng hợp phục vụ quản lý

Xây dựng và triển khai kho dữ liệu tổng hợp phục vụ công tác quản lý nhà nước và đưa vào sử dụng theo lộ trình, gồm: (i) hạ tầng kỹ thuật kho dữ liệu lớn; (ii) Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của Trung tâm dữ liệu quốc gia; (iii) Triển khai đồng bộ dữ liệu về con người và dữ liệu tổng hợp từ các cơ sở dữ liệu quốc gia, .. để tạo lập kho dữ liệu lớn tổng hợp thông tin phục vụ quản lý. Cung cấp nguồn dữ liệu quan trọng cho việc nghiên cứu, triển khai ứng dụng công nghệ AI.

Hạng mục đầu tư chính gồm: Phần mềm thương mại về cơ sở dữ liệu; Tài nguyên hệ thống; Phần mềm nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu; Triển khai tích hợp dữ liệu;...

c) Hệ thống phân tích dữ liệu phục vụ công tác quản lý

Thiết lập hạ tầng tính toán hiệu suất cao và Hệ thống phân tích dữ liệu phục vụ công tác quản lý với các mô hình phân tích dự báo phục vụ công tác khai thác các kho dữ liệu tổng hợp từ cơ sở dữ liệu quốc gia. Cung cấp điều kiện kỹ thuật hỗ trợ các nhà khoa học nghiên cứu phát triển lĩnh vực toán ứng dụng.

Hạng mục đầu tư chính gồm: Hệ thống tính toán hiệu suất cao; Các Phần mềm thương mại; Các mô hình phân tích dự báo; Phần mềm nội bộ;...

d) Hệ thống dịch vụ dữ liệu chuyên ngành và hệ thống quản lý khai thác dữ liệu chuyên ngành

Tạo lập các Kho dữ liệu cùng với Hệ thống quản lý khai thác dữ liệu chuyên ngành phục vụ việc khai thác của các đối tượng đối với dữ liệu dùng chung và dữ liệu mở;...



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

Hạng mục đầu tư chính gồm: Hệ quản trị cơ sở dữ liệu; Tài nguyên hệ thống; Các Phần mềm thương mại; hệ thống các Phần mềm quản lý khai thác dữ liệu;...

2. Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, yêu cầu cần đáp ứng

- Hệ thống công nghệ thông tin của Trung tâm dữ liệu quốc gia được thiết kế xây dựng đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật, quy chuẩn về bảo đảm mức độ sẵn sàng của hệ thống, thiết kế hệ thống với mức dự phòng đặc biệt nhằm sẵn sàng trong trường hợp mở rộng khi cần thiết.

- Môi trường vận hành chính thức hệ thống thông tin của Trung tâm dữ liệu quốc gia được thiết kế, xây dựng đáp ứng tách biệt với các môi trường phát triển, kiểm tra và thử nghiệm.

- Thiết kế, triển khai Hệ thống công nghệ thông tin phải bảo đảm an ninh, bảo mật theo ở mức cao nhất, hiện đại nhất theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn trong và ngoài nước nhằm kiểm soát, phát hiện, ngăn chặn tấn công mạng.

3. Phương án phân vùng triển khai và tận dụng, tối ưu tài nguyên

a) Vùng dùng chung

- Chức năng: Được triển khai tại Trung tâm dữ liệu độc lập bảo đảm sẵn sàng chia sẻ cho bộ ngành, địa phương dùng chung.

- Thành phần:

- + Nền tảng điện toán đám mây dùng chung cho hệ thống của bộ, ngành, địa phương.

- + Hệ thống, thiết bị công nghệ mạng, bảo mật, bảo đảm an ninh an toàn



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

+ Kho dữ liệu mở: là một phần kho dữ liệu tổng hợp, phân tích tại vùng chuyên dụng đồng bộ ra vùng dùng chung, phục vụ cho các bộ, ban, ngành, địa phương và người dân, doanh nghiệp khai thác, sử dụng.

+ Kho dữ liệu dùng chung: là một phần kho dữ liệu tổng hợp, phân tích tại vùng chuyên dụng đồng bộ ra vùng dùng chung, phục vụ cho các cơ quan nhà nước khai thác dùng chung.

+ Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của Trung tâm dữ liệu quốc gia.

+ Các hệ thống khác phục vụ bảo đảm hoạt động của toàn bộ hệ thống tại vùng dùng chung (hệ thống phần mềm, giám sát tập trung,...).

b) Vùng chuyên dụng

- Chức năng: Được triển khai tại vùng nội ngành chuyên dùng, được bảo vệ nghiêm ngặt bảo đảm triển khai các dữ liệu bí mật nhà nước chuyên ngành và các dữ liệu được phân tích để đồng bộ ra vùng dùng chung phục vụ khai thác.

- Thành phần:

+ Nền tảng điện toán đám mây dùng riêng cho Trung tâm dữ liệu quốc gia phục vụ việc hình thành kho dữ liệu tổng hợp và tổng hợp, phân tích dữ liệu.

+ Hệ thống, thiết bị công nghệ mạng, bảo mật, bảo đảm an ninh an toàn.

+ Kho dữ liệu tổng hợp.

+ Hệ thống phân tích dữ liệu.

+ Các hệ thống khác phục vụ bảo đảm hoạt động của toàn bộ hệ thống tại vùng dùng chung (hệ thống phần mềm, giám sát tập trung,...).



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

c) Trung tâm dữ liệu quốc gia thực hiện:

- Đầu tư toàn bộ hạ tầng công nghệ thông tin của vùng chuyên dụng cho Trung tâm dữ liệu quốc gia.
- Đầu tư, triển khai các giải pháp hạ tầng công nghệ thông tin, bảo đảm an ninh an toàn, hệ thống nền tảng điện toán đám mây, hệ thống tính toán hiệu năng cao... của vùng dùng chung (Các cơ quan, đơn vị có thể đầu tư các thiết bị, giải pháp theo tiêu chuẩn kỹ thuật của Trung tâm dữ liệu quốc gia để tích hợp vào nền tảng điện toán đám mây dùng chung để triển khai hệ thống của mình theo nhu cầu).

d) Đối với các cơ quan, đơn vị thuộc đối tượng đã nêu trong Nghị quyết

- Các cơ quan, đơn vị đã đầu tư hệ thống: tiếp tục quản trị vận hành, nâng cấp hệ thống theo nhu cầu, tuy nhiên bảo đảm phù hợp với thời gian khấu hao và lộ trình triển khai đã nêu tại Nghị quyết. Trong quá trình chuyển hệ thống, thiết bị, giải pháp về Trung tâm dữ liệu quốc gia hoặc tích hợp vào Nền tảng điện toán đám mây tại Trung tâm dữ liệu quốc gia cần phối hợp Trung tâm dữ liệu quốc gia và các cơ quan liên quan đánh giá việc đầu tư bảo đảm phù hợp với lộ trình triển khai Đề án Trung tâm dữ liệu quốc gia và thời gian hết khấu hao của các thiết bị, giải pháp, bảo đảm có thể kế thừa, tận dụng tối đa.

- Các cơ quan, đơn vị chưa đầu tư hệ thống hoặc đang đi thuê hạ tầng của doanh nghiệp: căn cứ theo hướng dẫn, tiêu chuẩn kỹ thuật của Bộ Công an (Trung tâm dữ liệu quốc gia), các cơ quan, đơn vị đầu tư thiết bị, giải pháp và tích hợp vào Nền tảng điện toán đám mây tại Trung tâm dữ liệu quốc gia để xây dựng, phát triển hệ thống của đơn vị mình hoặc thuê dịch vụ của Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Trung tâm dữ liệu quốc gia.

đ) Đối với các cơ quan, đơn vị không thuộc đối tượng đã nêu trong Nghị quyết

Tiếp tục thực hiện các thủ tục đầu tư, mua sắm thiết bị, giải pháp công nghệ hoặc thuê hạ tầng công nghệ thông tin của doanh nghiệp theo các quy định hiện hành.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

PHỤ LỤC III

VỊ TRÍ PHÁP LÝ, CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ CỦA TRUNG TÂM DỮ LIỆU QUỐC GIA

(Kèm theo Nghị quyết số 175/NQ-CP ngày 30/10/2023 của Chính phủ)

I. VỊ TRÍ PHÁP LÝ

Trung tâm dữ liệu quốc gia là một đơn vị hành chính độc lập, tương đương cấp Cục thuộc Bộ Công an, do Bộ trưởng Bộ Công an trực tiếp quản lý, chỉ đạo. Bộ trưởng Bộ Công an quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy Trung tâm dữ liệu quốc gia.

II. CHỨC NĂNG

1. Trung tâm dữ liệu quốc gia là cơ quan quản lý dữ liệu của quốc gia do Bộ trưởng Bộ Công an trực tiếp quản lý, bảo đảm việc lưu trữ, quản lý, chia sẻ, khai thác dữ liệu của Đảng và Nhà nước, đồng thời quản lý chuyên ngành về dữ liệu, có trách nhiệm giúp Bộ trưởng Bộ Công an thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về dữ liệu.

2. Giúp Bộ trưởng Bộ Công an tham mưu với Đảng, Nhà nước về chủ trương, chính sách, pháp luật và tổ chức thực hiện chức năng quản lý nhà nước dữ liệu về con người và quy trình đồng bộ, quản lý, chia sẻ, khai thác dữ liệu giữa các cơ quan, tổ chức, người dân, doanh nghiệp và Trung tâm dữ liệu quốc gia.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

3. Tổ chức vận hành, quản trị, lưu trữ, chia sẻ, nghiên cứu, ứng dụng, khai thác, phát triển dữ liệu; cung cấp hạ tầng công nghệ thông tin, giải pháp kỹ thuật cho các cơ quan, đơn vị khi có nhu cầu; bảo đảm an ninh, an toàn hệ thống, cơ sở dữ liệu của Trung tâm dữ liệu quốc gia.

4. Lưu trữ, quản lý, khai thác, phát triển; điều phối dữ liệu với các bộ, ngành; phân tích phục vụ điều hành, xây dựng chính sách; nghiên cứu phát triển dữ liệu; cung cấp kho dữ liệu dùng chung để thực hiện các công tác quản lý nhà nước.

III. NHIỆM VỤ

1. Quản trị dữ liệu, gồm: Chính sách; Quy hoạch; Chia sẻ, điều phối; Phân tích, ứng dụng dữ liệu.
2. Quản trị, vận hành, gồm: Phần mềm; Cơ sở dữ liệu; Mạng; Máy chủ; Cung cấp tài nguyên hệ thống.
3. An ninh, an toàn, bảo mật, gồm: Chính sách; Kiểm tra; Giám sát hệ thống (SOC); Nghiên cứu, phát triển giải pháp.
4. Quản trị hạ tầng, gồm: Điện, điều hòa, môi trường; Phòng cháy chữa cháy; An ninh vật lý; Đường truyền; Cung cấp hạ tầng nhà trạm.
5. Nghiên cứu và hợp tác quốc tế, gồm: Nghiên cứu, hoạch định chính sách phát triển dữ liệu về con người; Nghiên cứu ứng dụng giải pháp kỹ thuật mới. Sản xuất hàng hóa, dịch vụ.

IV. MỐI QUAN HỆ GIỮA TRUNG TÂM DỮ LIỆU QUỐC GIA VỚI CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC

Trung tâm dữ liệu quốc gia khi triển khai bảo đảm không chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ với các đơn vị khác do các đơn vị vẫn chủ trì quản trị, vận hành hệ thống, cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương và thực hiện các phần mềm nghiệp vụ để thu thập, cập nhật thông tin theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Trung tâm dữ liệu quốc gia chỉ nhận dữ liệu do các đơn vị tích hợp, đồng bộ về và cung cấp hạ tầng công nghệ thông tin để các đơn vị có nhu cầu có thể nhanh



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

chóng triển khai hệ thống, không chủ trì quản trị, vận hành hệ thống cũng như dữ liệu, luồng nghiệp vụ chuyên ngành của các đơn vị. Việc triển khai Trung tâm dữ liệu quốc gia phải đáp ứng được các yêu cầu cụ thể sau:

1. Về đồng bộ dữ liệu

Các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu do các bộ, ngành tạo lập, xây dựng, quản lý theo nhu cầu và nghiệp vụ chuyên ngành có trách nhiệm đồng bộ dữ liệu mới nhất liên quan về con người, dữ liệu của các cơ sở dữ liệu quốc gia về Trung tâm dữ liệu quốc gia để lưu trữ và khai thác tập trung. Dữ liệu được đồng bộ thông qua các nền tảng tích hợp quốc gia, bảo đảm dữ liệu đáp ứng tiêu chí: đúng, đủ, sạch, sống.

2. Về quản lý dữ liệu

a) Trung tâm dữ liệu quốc gia quản lý và bảo đảm an ninh, an toàn thông tin đối với các dữ liệu thông tin đã được đồng bộ về vùng chuyên dụng và kho dữ liệu dùng chung, kho dữ liệu mở tại vùng dùng chung; đồng thời phối hợp với các cơ quan, đơn vị trong quá trình tích hợp, chia sẻ dữ liệu tại vùng dùng chung của Trung tâm dữ liệu quốc gia.

b) Các bộ, ban, ngành, địa phương và tổ chức chính trị xã hội tiếp tục thực hiện việc quản lý cơ sở dữ liệu trong hệ thống của đơn vị mình, phối hợp với Trung tâm dữ liệu quốc gia bảo đảm an ninh an toàn thông tin hệ thống, bảo mật dữ liệu tại đơn vị trong quá trình đồng bộ dữ liệu với Trung tâm dữ liệu quốc gia.

3. Về lưu trữ dữ liệu

a) Trung tâm dữ liệu quốc gia lưu trữ dữ liệu được tổng hợp từ các cơ sở dữ liệu quốc gia; đồng thời lưu trữ dữ liệu thông tin liên quan đến con người từ các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương, dữ liệu khác do các cơ quan, tổ chức, cá nhân đồng bộ về để xây dựng các kho dữ liệu dùng chung (không bao gồm các dữ liệu thuộc lĩnh



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

vực quân sự, quốc phòng) nhằm tạo khu vực tin cậy cho các đơn vị khai thác theo chức năng nhiệm vụ. Từ đó, các đơn vị cũng có thể tra cứu các thông tin khác từ kho dữ liệu dùng chung, kho dữ liệu mở cũng như các kết quả sau khi tổng hợp, phân tích,... do Trung tâm dữ liệu quốc gia cung cấp để đánh giá, kịp thời đưa ra các chính sách, quyết định phù hợp, chính xác.

Dữ liệu về con người bao gồm tối thiểu các thành phần: Dữ liệu định danh cá nhân công dân: bao gồm các loại giấy tờ tùy thân; thông tin cá nhân (địa chỉ, ngày sinh); dữ liệu y tế; dữ liệu sinh trắc; dữ liệu ADN; dữ liệu việc làm, dữ liệu học bạ cá nhân,...; dữ liệu được thu thập từ kết quả tổng hợp, phân tích và khai thác dữ liệu của công dân.

b) Dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương vẫn được lưu trữ, xử lý tại hệ thống Trung tâm dữ liệu của các bộ, ngành và địa phương theo yêu cầu riêng, phục vụ các mặt công tác quản lý nhà nước của các đơn vị.

4. Khai thác và sử dụng dữ liệu

a) Trung tâm dữ liệu quốc gia cung cấp Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cho các hệ thống triển khai trên Nền tảng điện toán đám mây của Trung tâm dữ liệu quốc gia.

b) Đối với các hệ thống không triển khai trên Nền tảng điện toán đám mây của Trung tâm dữ liệu quốc gia thì vẫn sử dụng các nền tảng kết nối chia sẻ đang triển khai.

c) Các bộ, ngành, địa phương khi có nhu cầu về khai thác dữ liệu của các trường thông tin cần bảo đảm dữ liệu chỉ được khai thác tại phiên truy cập, không được phép lưu trữ và chia sẻ các trường thông tin không thuộc thông tin chuyên ngành đơn vị mình quản lý. Bảo đảm an ninh an toàn đối với các dữ liệu khai thác và sử dụng, việc khai thác sử dụng phải bảo đảm đúng mục đích và tuân thủ theo các quy định của pháp luật.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

5. Về triển khai và vận hành hệ thống

Đối với các hệ thống thông tin của bộ, ngành, địa phương xây dựng và sử dụng hạ tầng của Trung tâm dữ liệu quốc gia để triển khai thì việc vận hành, quản trị hệ thống tập trung được xác định như sau:

- a) Các đơn vị chủ động quản trị, vận hành các thành phần về lớp ứng dụng, quản trị dữ liệu, môi trường hoạt động, phần mềm lớp giữa, hệ điều hành.
- b) Trung tâm dữ liệu quốc gia sẽ quản trị, vận hành các thành phần về ảo hoá, quản trị máy chủ, thiết bị lưu trữ, hạ tầng mạng và an ninh bảo mật.

6. Hạ tầng kỹ thuật

a) Trung tâm dữ liệu quốc gia cung cấp cho bộ, ngành, địa phương chỗ đặt máy chủ và hạ tầng công nghệ thông tin dưới dạng Infrastructure as Services (dịch vụ cho phép sử dụng cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin cần thiết (kênh kết nối, mạng truyền dẫn nội bộ, an ninh mạng,...) cho việc triển khai hệ thống). Đồng thời cung cấp kênh quản trị an toàn để các đơn vị chủ động triển khai, bảo đảm an toàn thông tin hệ thống ứng dụng và vận hành các dịch vụ liên quan của đơn vị.

b) Bộ, ngành, địa phương, tổ chức sau khi tiếp nhận hạ tầng sẽ phải tự quản trị các hệ thống ứng dụng, dịch vụ công nghệ thông tin triển khai trên hạ tầng được cung cấp (hệ thống lõi của các cơ quan, đơn vị).

7. Về quy hoạch địa chỉ IP: Trung tâm dữ liệu quốc gia bảo đảm thống nhất tài nguyên địa chỉ IP và định tuyến theo các định hướng, kế hoạch và quy hoạch sử dụng địa chỉ IP của quốc gia.

8. Về An ninh, an toàn và bảo mật thông tin



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

a) Đối với vùng dùng chung: Trung tâm dữ liệu quốc gia cung cấp các dịch vụ chỗ đặt và dịch vụ hạ tầng IaaS đáp ứng các cấp độ an toàn thông tin khác nhau, tùy theo nhu cầu của các đơn vị. Trung tâm dữ liệu quốc gia bảo đảm an ninh mạng và an ninh an toàn thông tin của Nền tảng điện toán đám mây dùng chung và triển khai hệ thống giám sát an ninh mạng tập trung cho vùng dùng chung; các bộ, ngành, địa phương bảo đảm an toàn thông tin hệ thống ứng dụng, cơ sở dữ liệu.

b) Đối với vùng chuyên dụng: Trung tâm dữ liệu quốc gia cung cấp dịch vụ hạ tầng đáp ứng an toàn thông tin cấp độ 5, tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn về bảo mật để bảo vệ kho dữ liệu tổng hợp. Do đó Trung tâm dữ liệu quốc gia sẽ hình thành vùng giám sát an ninh an toàn riêng, độc lập của vùng chuyên dụng này.

c) Đối với các hệ thống thông tin kết nối vào Trung tâm dữ liệu quốc gia: các hệ thống phải được kiểm tra bảo đảm an toàn thông tin và khắc phục các lỗ hổng bảo mật trước khi kết nối vào.

d) Đối với công tác giám sát an ninh an toàn thông tin (SOC): Trung tâm dữ liệu quốc gia kết nối với Trung tâm an ninh mạng quốc gia (Bộ Công an) và các Trung tâm giám sát an ninh, an toàn thông tin của quốc gia khác nếu cần thiết. Dữ liệu giám sát an ninh an toàn tại Trung tâm dữ liệu quốc gia sẽ được đồng bộ tập trung về Trung tâm an ninh mạng quốc gia. Bảo đảm thống nhất việc giám sát, ngăn ngừa truy cập trái phép và phòng chống tấn công trái phép vào Trung tâm dữ liệu quốc gia.

9. Về bảo đảm dự phòng

a) Dự phòng trong giai đoạn xây dựng Trung tâm dữ liệu quốc gia số 02 (dự kiến hoàn thành vào năm 2028)



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

- Việc dự phòng cho các hệ thống tại vùng chuyên dụng, kho dữ liệu dùng chung và kho dữ liệu mở của Trung tâm dữ liệu quốc gia số 1 sẽ được tận dụng, triển khai tại hạ tầng nhà trạm của Trung tâm dữ liệu quốc gia về dân cư trong giai đoạn hoàn thiện xây dựng trung tâm dữ liệu quốc gia số 02 vào năm 2028 (có thể nâng cấp, bổ sung hạ tầng nhà trạm của Trung tâm dữ liệu quốc gia nếu cần thiết).

- Đối với hệ thống của các bộ, ngành, địa phương triển khai tại vùng dùng chung, trong giai đoạn đến năm 2028 sẽ kết hợp sử dụng hạ tầng nhà trạm trong Trung tâm dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương đã đầu tư và bảo đảm tiêu chuẩn về trung tâm dữ liệu theo quy định để bảo đảm yêu cầu về dự phòng.

b) Dự phòng trong giai đoạn sau khi hoàn thành Trung tâm dữ liệu quốc gia số 2

- Sau khi hoàn thành việc xây dựng Trung tâm dữ liệu quốc gia số 2, việc bảo đảm dự phòng sẽ do các Trung tâm dữ liệu quốc gia đảm nhiệm.

- Trung tâm dữ liệu quốc gia số 2 sẽ được triển khai tại vị trí phù hợp với quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông, yêu cầu đảm bảo về chất lượng đường truyền phục vụ kết nối, đồng bộ dữ liệu để bảo đảm hạ tầng mạng kết nối, cơ chế hoạt động song hành (active - active) giữa Trung tâm dữ liệu số 1 và Trung tâm dữ liệu số 2 cũng như tận dụng tối đa các điều kiện khai thác, nguồn nhân lực quản trị vận hành hệ thống.

c) Đồng thời, dự kiến Trung tâm dữ liệu quốc gia số 3 và các Trung tâm dữ liệu quốc gia khác sẽ được xây dựng không cùng khu vực với Trung tâm dữ liệu quốc gia số 01 và 02 để bảo đảm dự phòng trong trường hợp thiên tai, thảm họa, chiến tranh.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

10. Về cơ chế tài chính

a) Tài chính phục vụ đầu tư thiết bị, giải pháp:

- Các bộ, ngành, địa phương, tổ chức tự mua sắm trang thiết bị: mua sắm trang thiết bị theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật (do Trung tâm dữ liệu quốc gia phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng trình cấp có thẩm quyền ban hành) và phối hợp với Trung tâm dữ liệu quốc gia triển khai tích hợp vào hạ tầng kỹ thuật và Nền tảng điện toán đám mây của Trung tâm dữ liệu quốc gia. Các bộ ngành, địa phương đề xuất, bố trí, bảo đảm kinh phí trang bị bổ sung, mở rộng giải pháp bảo mật an toàn thông tin và tích hợp cho các trang thiết bị mới theo giải pháp bảo mật thông tin và nền tảng công nghệ mà Trung tâm dữ liệu quốc gia đã triển khai.

- Trung tâm dữ liệu quốc gia đề xuất đầu tư mở rộng đối với các thiết bị, giải pháp dùng chung cho cả Trung tâm dữ liệu quốc gia như kênh truyền Internet, mạng truyền số liệu chuyên dùng, thiết bị mạng lõi, thiết bị bảo mật,...

b) Tài chính phục vụ duy trì hệ thống:

- Trung tâm dữ liệu quốc gia không thực hiện thu phí sử dụng từ các cơ quan, đơn vị, tổ chức sử dụng đối với tài nguyên hạ tầng nhà trạm, hạ tầng công nghệ thông tin do Chính phủ đầu tư. Kinh phí bảo đảm vận hành Trung tâm dữ liệu quốc gia sẽ được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn ngân sách hợp pháp khác hàng năm trên cơ sở định mức kinh tế kỹ thuật và đăng ký nhu cầu sử dụng tài nguyên hạ tầng nhà trạm, hạ tầng công nghệ thông tin của các bộ, ngành, địa phương.

- Các cơ quan, đơn vị, tổ chức chủ động đề xuất kinh phí và tự duy trì đối với thiết bị, phần mềm và các thành phần do cơ quan, đơn vị, tổ chức tự đầu tư (có thể thuê các đơn vị, doanh nghiệp theo quy định).



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 75/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 11 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH **BAN HÀNH KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI THI HÀNH LUẬT DỮ LIỆU** **THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Dữ liệu ngày 30 tháng 11 năm 2024;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai thi hành Luật Dữ liệu.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KSTT (2b).

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Nguyễn Hòa Bình



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

KẾ HOẠCH

TRIỂN KHAI THI HÀNH LUẬT DỮ LIỆU

(Kèm theo Quyết định số: 75/QĐ-TTg ngày 11/01/2025 của Thủ tướng Chính phủ)

Luật Dữ liệu được Quốc hội khóa XV thông qua tại kỳ họp thứ 8 ngày 30/11/2024, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2025. Để triển khai thi hành kịp thời, đồng bộ, thống nhất, hiệu lực, hiệu quả, Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Dữ liệu *(sau đây viết gọn là Luật)* với các nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Xác định cụ thể nội dung công việc, thời hạn, tiến độ hoàn thành và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc triển khai thi hành Luật.
- Xác định trách nhiệm và cơ chế phối hợp giữa các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong việc tiến hành các hoạt động triển khai thi hành Luật trên phạm vi cả nước.
- Nâng cao nhận thức về Luật và trách nhiệm của các cấp, các ngành và địa phương trong việc thi hành Luật.

2. Yêu cầu

- Bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; sự phối hợp chặt chẽ, thường xuyên, hiệu quả giữa các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc triển khai thi hành Luật.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

- Nội dung công việc phải gắn với trách nhiệm, vai trò chủ trì của Bộ Công an trong việc phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc triển khai thi hành Luật.

- Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao nhiệm vụ chủ động triển khai thực hiện Kế hoạch theo đúng tiến độ, bảo đảm tính thống nhất, chất lượng, thiết thực, hiệu quả.

- Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn, kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện Luật.

II. NỘI DUNG

1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về dữ liệu

- Cơ quan thực hiện: Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam và các cơ quan báo chí, phát thanh, truyền hình khác.

- Cơ quan phối hợp: các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- Thời gian thực hiện: năm 2025 và các năm tiếp theo.

2. Tổ chức tập huấn chuyên sâu, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý, sử dụng dữ liệu

- Cơ quan chủ trì: Bộ Công an.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

- Cơ quan phối hợp: các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- Thời gian thực hiện: năm 2025 và các năm tiếp theo.

3. Biên soạn tài liệu phục vụ công tác phổ biến Luật và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành; tài liệu tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý, sử dụng dữ liệu

- Cơ quan thực hiện: Bộ Công an.

- Thời gian thực hiện: năm 2025 và các năm tiếp theo.

4. Rà soát văn bản quy phạm pháp luật

- Nội dung: rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến Luật thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước được phân công; thực hiện theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền kịp thời sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật bảo đảm phù hợp với quy định của Luật và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành có liên quan.

- Cơ quan thực hiện: Bộ Công an tiến hành rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến Luật thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước; các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương rà soát văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến Luật thuộc phạm vi, lĩnh vực, địa bàn quản lý nhà nước được phân công.

- Thời gian thực hiện:



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

+ Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương gửi kết quả rà soát về Bộ Công an trước ngày 28/6/2025.

+ Bộ Công an tổng hợp kết quả rà soát, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trước ngày 31/7/2025.

5. Xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật và văn bản khác có liên quan

a) Xây dựng Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dữ liệu (theo trình tự, thủ tục rút gọn) (khoản 3 Điều 13, khoản 5 Điều 14, khoản 5 Điều 15, khoản 3 Điều 16, khoản 4 Điều 17, khoản 4 Điều 18, khoản 3 Điều 20, khoản 5 Điều 21, khoản 5 Điều 22, khoản 4 Điều 23, khoản 5 Điều 25, khoản 4 Điều 26, khoản 4 Điều 27, khoản 3 Điều 30, khoản 8 Điều 31, khoản 5 Điều 35, khoản 4 Điều 36, khoản 3 Điều 37 Luật Dữ liệu).

- Cơ quan chủ trì: Bộ Công an.
- Cơ quan phối hợp: Văn phòng Chính phủ, Bộ Tư pháp và các cơ quan có liên quan.
- Thời hạn ban hành: trước ngày 01/7/2025.

b) Xây dựng Nghị định của Chính phủ quy định hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu (theo trình tự, thủ tục rút gọn) (khoản 4 Điều 24, khoản 5 Điều 39, khoản 3 Điều 40, khoản 3 Điều 41, khoản 4 Điều 42, khoản 5 Điều 43 Luật Dữ liệu).

- Cơ quan chủ trì: Bộ Công an.
- Cơ quan phối hợp: Văn phòng Chính phủ, Bộ Tư pháp và các cơ quan có liên quan.
- Thời hạn ban hành: trước ngày 01/7/2025.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

c) Xây dựng Nghị định của Chính phủ quy định về Quỹ phát triển dữ liệu quốc gia (theo trình tự, thủ tục rút gọn) (khoản 4 Điều 29 Luật Dữ liệu).

- Cơ quan chủ trì: Bộ Công an.
- Cơ quan phối hợp: Văn phòng Chính phủ, Bộ Tư pháp và các cơ quan có liên quan.
- Thời hạn ban hành: trước ngày 01/7/2025.

d) Xây dựng Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục dữ liệu quan trọng, dữ liệu cốt lõi (theo trình tự, thủ tục rút gọn) (khoản 6, khoản 7 Điều 3 Luật Dữ liệu).

- Cơ quan chủ trì: Bộ Công an.
- Cơ quan phối hợp: Văn phòng Chính phủ, Bộ Tư pháp và các cơ quan có liên quan.
- Thời hạn ban hành: trước ngày 01/7/2025.

đ) Xây dựng Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về phí khai thác và sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia; cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành (điểm a khoản 1 Điều 44 Luật Dữ liệu).

- Cơ quan chủ trì: Bộ Tài chính.
- Cơ quan phối hợp: Bộ Công an và các cơ quan có liên quan. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ kịp thời xây dựng và gửi Đề án thu phí cho Bộ Tài chính theo quy định.
- Thời hạn ban hành: trước ngày 31/12/2025.

6. Xây dựng các văn bản hành chính phục vụ triển khai thi hành Luật

a) Văn bản của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược dữ liệu quốc gia.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

- Cơ quan chủ trì: Bộ Công an.
- Cơ quan phối hợp: Văn phòng Chính phủ và các cơ quan có liên quan.
- Thời hạn ban hành: trước ngày 01/7/2026.

b) Văn bản của Thủ tướng Chính phủ về việc chia sẻ dữ liệu dùng riêng do các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quản lý trong trường hợp đột xuất, cấp bách trong phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, cháy, nổ hoặc trường hợp cần thiết khác để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn.

- Cơ quan chủ trì: Bộ Công an.
- Cơ quan phối hợp: Văn phòng Chính phủ và các cơ quan có liên quan.
- Thời hạn ban hành: trước ngày 31/12/2025.

c) Văn bản của Thủ tướng Chính phủ về lộ trình xây dựng, phát triển cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và lộ trình thực hiện việc thu thập, cập nhật, đồng bộ dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia; về lộ trình thực hiện việc tiếp nhận, chuyển đổi, sử dụng cơ sở hạ tầng của Trung tâm dữ liệu quốc gia đối với cơ sở dữ liệu quốc gia.

- Cơ quan chủ trì: Bộ Công an.
- Cơ quan phối hợp: Văn phòng Chính phủ và các cơ quan có liên quan.
- Thời hạn ban hành: trước ngày 01/7/2025.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

7. Bảo đảm điều kiện về hạ tầng, kỹ thuật, công nghệ trong triển khai thi hành Luật

- Cơ quan thực hiện: Bộ Công an và các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, cơ quan, tổ chức khác có liên quan.
- Thời gian thực hiện: hằng năm.

8. Tập trung triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả việc thu thập, cập nhật, đồng bộ dữ liệu vào cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia và việc cung cấp hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng công nghệ thông tin của Trung tâm dữ liệu quốc gia cho các cơ quan nhà nước

- Cơ quan chủ trì: Bộ Công an.
- Cơ quan phối hợp: các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, cơ quan, tổ chức khác có liên quan.
- Thời gian thực hiện: hằng năm.

9. Tổ chức kiểm tra việc thi hành Luật và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành

- Cơ quan chủ trì: Bộ Công an.
- Cơ quan phối hợp: các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, cơ quan, tổ chức khác có liên quan.
- Thời gian thực hiện: năm 2026 và các năm tiếp theo.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí bảo đảm thực hiện Kế hoạch này được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước hằng năm của các bộ, cơ quan, đơn vị, địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.
2. Đối với các nhiệm vụ triển khai trong năm 2025, các bộ, cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động bố trí trong nguồn ngân sách nhà nước được giao năm 2025 để triển khai thực hiện.
3. Bộ Tài chính chủ trì tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí chi thường xuyên trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm của các bộ, cơ quan trung ương để thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.
4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan bố trí kinh phí theo quy định pháp luật về đầu tư công đối với các nhiệm vụ bố trí kinh phí từ nguồn đầu tư.
5. Các cơ quan được phân công chủ trì thực hiện nhiệm vụ theo Kế hoạch này có trách nhiệm lập kế hoạch, dự toán, quyết toán, quản lý sử dụng và báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và pháp luật có liên quan.
6. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổng hợp, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và quy định về phân cấp ngân sách hiện hành.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ trưởng Bộ Công an có trách nhiệm giúp Thủ tướng Chính phủ theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương triển khai thực hiện nhiệm vụ được nêu trong Kế hoạch; báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện Kế hoạch.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thực hiện Kế hoạch này. Trường hợp các cơ quan nêu tại Kế hoạch này có sự thay đổi do Chính phủ thực hiện sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy thì Bộ Công an căn cứ kết quả sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy phối hợp với Văn phòng Chính phủ và các cơ quan có liên quan đề xuất Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Kế hoạch này cho phù hợp.

Căn cứ nội dung Kế hoạch này và tình hình thực tiễn, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xây dựng kế hoạch chi tiết triển khai thi hành Luật trong phạm vi quản lý của bộ, ngành và địa phương mình. Hằng năm hoặc đột xuất báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Công an để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

3. Trong quá trình thực hiện Kế hoạch này, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các bộ, ngành và địa phương kịp thời phản ánh về Bộ Công an để tổng hợp, hướng dẫn, giải quyết theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 20/2025/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 01 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH **BAN HÀNH DANH MỤC DỮ LIỆU QUAN TRỌNG, DỮ LIỆU CỐT LỖI**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Dữ liệu ngày 30 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 165/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dữ liệu;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định danh mục dữ liệu quan trọng, dữ liệu cốt lõi.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này danh mục dữ liệu quan trọng, dữ liệu cốt lõi.

Điều 2. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Công an có trách nhiệm:

a) Tổ chức triển khai, hướng dẫn, kiểm tra đôn đốc việc thực hiện Quyết định này;



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổng hợp, rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung Quyết định trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

2. Bộ Quốc phòng có trách nhiệm thực hiện hướng dẫn, kiểm tra đôn đốc việc thi hành Quyết định này đối với các dữ liệu thuộc lĩnh vực quân sự, quốc phòng, cơ yếu.

3. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện phân loại dữ liệu quan trọng, dữ liệu cốt lõi thuộc lĩnh vực, địa bàn quản lý;

b) Phối hợp với Bộ Công an đề xuất sửa đổi, bổ sung danh mục dữ liệu quan trọng, dữ liệu cốt lõi.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan khác ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KSTT (2).

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Nguyễn Chí Dũng



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

PHỤ LỤC

DANH MỤC DỮ LIỆU QUAN TRỌNG, DỮ LIỆU CỐT LÕI

(Kèm theo Quyết định số 20/2025/QĐ-TTg ngày 01/7/2025 của Thủ tướng Chính phủ)

I. DANH MỤC DỮ LIỆU CỐT LÕI

1. Dữ liệu về biên giới quốc gia, chủ quyền lãnh thổ do cơ quan nhà nước thu thập, quản lý chưa công khai.
2. Dữ liệu về chiến lược, đề án, dự án phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, cơ yếu của cơ quan nhà nước chưa công khai.
3. Dữ liệu về hoạt động công nghiệp quốc phòng, an ninh chưa công khai.
4. Dữ liệu về hoạt động đầu tư, mua sắm trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, cơ yếu, dự trữ quốc gia chưa công khai.
5. Dữ liệu về các công trình quân sự, quốc phòng, an ninh, cơ yếu, công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia chưa công khai.
6. Dữ liệu về chiến lược, chính sách, quy trình và hoạt động giám sát, phòng chống, ứng phó sự cố an ninh mạng, bảo vệ hạ tầng thông tin trọng yếu của cơ quan nhà nước chưa công khai.
7. Dữ liệu về quy hoạch tần số vô tuyến điện phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, cơ yếu, cơ quan Đảng chưa công khai.
8. Dữ liệu thống kê về môi trường phục vụ hoạt động quốc phòng, an ninh do cơ quan nhà nước thu thập, quản lý chưa công khai.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

9. Dữ liệu thống kê về khí tượng thủy văn phục vụ hoạt động quốc phòng, an ninh do cơ quan nhà nước thu thập, quản lý chưa công khai bao gồm:

- a) Dữ liệu quan trắc, điều tra, khảo sát về khí tượng thủy văn, môi trường không khí và nước;
- b) Dữ liệu khí tượng thủy văn thu được từ nước ngoài, cơ quan, tổ chức quốc tế;
- c) Biểu đồ, bản đồ, ảnh thu từ vệ tinh; phim, ảnh về đối tượng nghiên cứu khí tượng thủy văn;
- d) Bản tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn; thông báo tình hình khí tượng thủy văn;
- đ) Hồ sơ kỹ thuật của các trạm, công trình, phương tiện đo khí tượng thủy văn;
- e) Hồ sơ cấp, gia hạn, đình chỉ, thu hồi giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn;
- g) Kết quả nghiên cứu khoa học, chương trình, dự án về khí tượng thủy văn; kế hoạch và kết quả thực hiện tác động vào thời tiết.

10. Dữ liệu về hoạt động của Đảng do cơ quan Đảng thu thập, quản lý, chưa công khai bao gồm:

- a) Dữ liệu về công tác tổ chức xây dựng;
- b) Dữ liệu về đường lối, chủ trương thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh;
- c) Dữ liệu về công tác đối ngoại;
- d) Dữ liệu về công tác xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế; hoạch định đường lối, chủ trương, biện pháp lớn, quan trọng về kinh tế - xã hội;
- đ) Dữ liệu về công tác tuyên giáo, dân vận;



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

e) Dữ liệu về đường lối, chủ trương thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ, tài nguyên và môi trường;

g) Dữ liệu về công tác nội chính, phòng chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí;

h) Dữ liệu về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật.

11. Dữ liệu về thông tin đối ngoại của cơ quan nhà nước chưa công khai.

12. Dữ liệu do cơ quan, tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế chuyển giao theo Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên cần bảo vệ, chưa công khai.

13. Dữ liệu về hoạt động của Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài do cơ quan nhà nước quản lý chưa công khai.

14. Dữ liệu về đề án cơ cấu tổ chức của các bộ, ngành, địa phương chưa công khai:

a) Dữ liệu về đề án cơ cấu tổ chức của Chính phủ;

b) Dữ liệu về đề án cơ cấu tổ chức của chính quyền địa phương.

15. Dữ liệu về cán bộ, công chức, viên chức nhà nước, lực lượng vũ trang nhân dân, người làm việc trong tổ chức cơ yếu chưa công khai.

16. Dữ liệu về dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo do cơ quan nhà nước quản lý chưa công khai.

17. Dữ liệu về tài nguyên nước, khoáng sản quý hiếm do cơ quan nhà nước thu thập, quản lý chưa công khai.

18. Dữ liệu không gian địa lý, dữ liệu ảnh hàng không và dữ liệu ảnh viễn thám về các khu vực, địa điểm trọng yếu phục vụ quốc phòng, an ninh, cơ yếu do cơ quan nhà nước thu thập, quản lý chưa công khai.

19. Dữ liệu về đất đai, biên và hải đảo do cơ quan nhà nước thu thập, quản lý chưa công khai.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

20. Dữ liệu thuộc lĩnh vực tài chính, ngân sách do cơ quan nhà nước thu thập, quản lý chưa công khai bao gồm:

- a) Dữ liệu về chính sách tài chính - ngân sách nhà nước trình cơ quan Đảng, Quốc hội, Chính phủ; chiến lược, kế hoạch 5 năm về tài chính - ngân sách; đề án tái cơ cấu ngân sách nhà nước, nợ công, an ninh tài chính quốc gia ở tầm vĩ mô;
- b) Dữ liệu về dự trữ quốc gia trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh;
- c) Dữ liệu về hoạt động nghiệp vụ của cơ quan hải quan;
- d) Dữ liệu về phương án, kế hoạch thu, đổi, phát hành tiền; thiết kế mẫu, chế tạo bản in, khuôn đúc, công nghệ in, đúc tiền và giấy tờ có giá: số lượng, nơi lưu giữ kim loại quý hiếm, đá quý và vật quý hiếm khác của Nhà nước.

21. Dữ liệu về số lượng, địa bàn hoạt động của phương tiện đánh bắt khai thác thủy, hải sản do cơ quan nhà nước thu thập, quản lý chưa công khai.

22. Dữ liệu về kế hoạch, chiến lược, đề án, dự án phát triển đối với đồng bào dân tộc thiểu số do cơ quan nhà nước thu thập, quản lý chưa công khai.

23. Dữ liệu về hoạt động của Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm toán nhà nước do cơ quan nhà nước thu thập, quản lý chưa công khai.

24. Dữ liệu về năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân, năng lượng quốc gia, các kế hoạch, chiến lược, đề án, dự án phát triển năng lượng quốc gia do cơ quan nhà nước thu thập, quản lý chưa công khai.

25. Dữ liệu về y tế do cơ quan nhà nước thu thập, quản lý chưa công khai bao gồm:



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

- a) Số người mắc, người chết do bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, đặc biệt nguy hiểm mới phát sinh chưa rõ tác nhân gây bệnh;
- b) Dữ liệu về việc thử nghiệm, sản xuất, dự trữ thuốc và dụng cụ, thiết bị y tế phạm vi quốc gia;
- c) Tên, nguồn gốc, độc lực, khả năng lây lan, đường lây của các tác nhân gây bệnh truyền nhiễm mới phát hiện, chưa xác định được có liên quan đến sức khỏe, tính mạng con người, ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế - xã hội;
- d) Dữ liệu chứng chỉ hành nghề của nhân lực chuyên môn y tế;
- đ) Dữ liệu về thông tin lưu hành đối với lĩnh vực dược, thiết bị y tế.

26. Dữ liệu về tổ chức, công dân chưa công khai bao gồm:

- a) Dữ liệu công dân cơ bản của 1.000.000 công dân Việt Nam trở lên;
- b) Dữ liệu công dân nhạy cảm của 100.000 công dân Việt Nam trở lên;
- c) Dữ liệu về tài khoản ngân hàng, lịch sử thanh toán, nghĩa vụ nợ của 100.000 doanh nghiệp, tổ chức Việt Nam trở lên.

II. DANH MỤC DỮ LIỆU QUAN TRỌNG

- 1. Dữ liệu được quy định tại Mục I Phụ lục này.
- 2. Dữ liệu về lĩnh vực thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng do cơ quan nhà nước thu thập, quản lý chưa công khai.
- 3. Dữ liệu về hoạt động điều tra, đấu tranh, phòng chống tội phạm, xâm phạm an ninh quốc gia và xử lý vi phạm hành chính do cơ quan nhà nước thu thập, quản lý chưa công khai.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

4. Dữ liệu thuộc lĩnh vực nội vụ do cơ quan nhà nước thu thập, quản lý chưa công khai bao gồm:

- a) Dữ liệu về biên chế của cơ quan Đảng, Nhà nước;
- b) Dữ liệu về kế hoạch, chương trình, đề án chính sách tiền lương của cơ quan Đảng, Nhà nước;
- c) Dữ liệu về đăng ký, quản lý Hội, tổ chức phi chính phủ.

5. Dữ liệu thuộc lĩnh vực giao thông vận tải do cơ quan nhà nước thu thập, quản lý chưa công khai bao gồm:

- a) Dữ liệu về kế hoạch, chương trình, đề án bảo đảm an toàn, an ninh hàng không, hàng hải;
- b) Dữ liệu về điều tra tai nạn giao thông; sự cố kết cấu hạ tầng giao thông;
- c) Dữ liệu về bản đồ tuyến đường, mạng lưới vận tải;
- d) Dữ liệu thông tin tích hợp phục vụ điều khiển đoàn tàu và vận hành mạng lưới đường sắt tốc độ cao, đường sắt quốc gia và đường sắt đô thị; dữ liệu thông tin phục vụ công tác bảo trì hệ thống đường sắt tốc độ cao, đường sắt quốc gia và đường sắt đô thị.

6. Dữ liệu về tác phẩm, cuộc biểu diễn do Nhà nước là đại diện chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan do cơ quan nhà nước thu thập, quản lý chưa công khai.

7. Dữ liệu về hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo do cơ quan nhà nước thu thập, quản lý chưa công khai, trừ dữ liệu được quy định tại khoản 2 Mục I Phụ lục này.

8. Dữ liệu về điều tra, giải quyết sự cố môi trường chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền kết luận.

9. Dữ liệu thuộc lĩnh vực tài chính, ngân hàng của cơ quan nhà nước chưa công khai.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

10. Dữ liệu về quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan nhà nước thu thập, quản lý chưa công khai.

11. Dữ liệu thuộc lĩnh vực công nghiệp và vật liệu hàng hóa chiến lược do cơ quan nhà nước thu thập, quản lý chưa công khai bao gồm:

a) Dữ liệu về nơi sản xuất, quy hoạch tuyến đường vận chuyển, tình trạng sản xuất và bán hàng, phương pháp sản xuất hóa chất độc hại thuộc lĩnh vực công nghiệp hóa chất;

b) Dữ liệu năng lực sản xuất thép đặc biệt, lộ trình công nghệ xử lý, dữ liệu năng lực sản xuất, thông tin dự trữ, điểm đến tiêu thụ, thống kê dự trữ kim loại màu, dữ liệu năng lực sản xuất, khối lượng mua sắm và dữ liệu liên quan đến giá trị ứng dụng quan trọng và số liệu về xuất nhập khẩu;

c) Dữ liệu về dự trữ, khai thác và sử dụng tài nguyên đất hiếm và các loại khoáng sản quý hiếm khác;

d) Dữ liệu về trữ lượng, hoạt động sản xuất, điều phối than, khí đốt, dầu mỏ;

đ) Dữ liệu về điều tra, xử lý vụ việc vi phạm pháp luật thuộc lĩnh vực công nghiệp và vật liệu hàng hóa chiến lược.

12. Dữ liệu trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn do cơ quan nhà nước thu thập, quản lý chưa công khai bao gồm:

a) Dữ liệu về hệ thống hồ, đập, đê điều, công trình thủy lợi;

b) Dữ liệu thống kê nông nghiệp, nông thôn; nguồn gen quý hiếm và có nguy cơ tuyệt chủng của cây trồng, gia súc, gia cầm, thủy sản;



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

c) Dữ liệu thanh tra và giám sát, dữ liệu phòng chống dịch bệnh và kiểm dịch do cơ quan nhà nước thu thập, quản lý chưa công khai.

13. Dữ liệu về đầu tư ra nước ngoài của doanh nghiệp nhà nước chưa công khai.

14. Dữ liệu trong lĩnh vực thông tin truyền thông do cơ quan nhà nước thu thập, quản lý chưa công khai bao gồm:

a) Dữ liệu về mạng đường trục viễn thông cơ bản như quy hoạch và trạng thái xây dựng mạng đường trục, dữ liệu vận hành và bảo trì, dữ liệu tài nguyên chính và dữ liệu triển khai liên lạc khẩn cấp;

b) Dữ liệu về kế hoạch và xây dựng, vận hành và bảo trì các mạng phát thanh và truyền hình;

c) Dữ liệu chứa nội dung sáng tạo nghe nhìn, phạm vi truyền tải nghe nhìn và dữ liệu về giám sát, nghe nhìn do cơ quan nhà nước thu thập, quản lý chưa công khai;

d) Dữ liệu liên quan đến việc xây dựng, triển khai tài nguyên và bảo mật hệ thống thông tin quan trọng.

15. Dữ liệu thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo do cơ quan nhà nước thu thập, quản lý chưa công khai bao gồm:

a) Dữ liệu về quy trình, phương pháp đánh giá chất lượng giáo dục quốc gia;

b) Dữ liệu về kế hoạch đổi mới chương trình giáo dục quốc gia, định hướng phát triển giáo dục quốc gia chưa công khai;

c) Dữ liệu mức độ tiếp cận giáo dục, phân luồng người học sau các cấp học.

16. Dữ liệu về an toàn sinh học do cơ quan nhà nước thu thập, quản lý chưa công khai bao gồm:

a) Dữ liệu về bản đồ gen đặc trưng của người Việt Nam;

b) Dữ liệu về dự án nghiên cứu gen quy mô quốc gia.



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU LUẬT DỮ LIỆU TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

17. Dữ liệu thuộc lĩnh vực lao động, người có công và xã hội do cơ quan nhà nước thu thập, quản lý chưa công khai:

- a) Dữ liệu người lao động Việt Nam làm việc tại nước ngoài;
- b) Dữ liệu người nước ngoài làm việc tại Việt Nam;
- c) Dữ liệu người hưởng chính sách ưu đãi người có công.

18. Dữ liệu về tổ chức, công dân chưa công khai bao gồm:

- a) Dữ liệu công dân cơ bản của 100.000 công dân Việt Nam trở lên;
- b) Dữ liệu công dân nhạy cảm của 10.000 công dân Việt Nam trở lên;
- c) Dữ liệu về tài khoản ngân hàng, lịch sử thanh toán, nghĩa vụ nợ của 10.000 doanh nghiệp, tổ chức Việt Nam trở lên.